

Số: 261 /GCN-UBCK

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2020

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;

Xét Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý chào bán chứng khoán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: QUANG NINH PORT JOINT STOCK COMPANY;

– Trụ sở chính: Số 1, đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam;



– Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 5700100231 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 22 tháng 08 năm 2014;

– Vốn điều lệ: 500.499.360.000 đồng (Năm trăm tỷ bốn trăm chín mươi chín triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Điều 2. Cổ phiếu Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh được đăng ký chào bán theo các nội dung sau:

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng);
3. Tổng số cổ phiếu chào bán: 25.000.000 cổ phiếu (Hai mươi lăm triệu cổ phiếu);
4. Tổng giá trị chào bán (tính theo mệnh giá): 250.000.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi tỷ đồng);
5. Thời gian phân phối: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực;
6. Phương thức phân phối: Theo phương án nêu trong Bản cáo bạch;
7. Tổ chức tư vấn phát hành: Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội.

Điều 3. Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán và nội dung trong Giấy chứng nhận này.


Điều 4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Giấy chứng nhận này được lập thành bốn (04) bản chính: 01 bản cấp cho Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh, 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 01 bản gửi cho Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và 01 bản gửi cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Hồng Sơn

**ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.**

---o0o---

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700100231 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 01/04/2008, cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 22/08/2014)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 261./GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13. tháng 11. năm 2020)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1 đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: (84-2033) 825624 Fax: (84-2033) 826118

Website: quangninhport.com.vn

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội số 41 Ngô Quyền - P. Hàng Bài - Q. Hoàn Kiếm - Tp. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3818 1888 Fax: (024) 3818 1688

Website: <https://www.shs.com.vn/>

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên: Ông Bùi Quang Đạo

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Số điện thoại: (84-2033) 825624



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700100231 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 01/04/2008, cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 22/08/2014)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông.
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu.
Giá bán:	13.500 đồng/cổ phiếu.
Tổng khối lượng chào bán:	25.000.000 cổ phiếu.
Tổng giá trị chào bán:	337.500.000.000 đồng.

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI



Biến cơ hội thành giá trị

Địa chỉ: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội số 41 Ngô Quyền - P. Hàng Bài - Q. Hoàn Kiếm - Tp. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3818 1888 Fax: (024) 3818 1688

Website: <http://www.shs.com.vn>

Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng 1&3, Tòa nhà Artex Sài Gòn, Số 236-238 Ng.Công Trứ, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM

Điện thoại: (028) 3915 1368 Fax: (028) 3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2, Số 03 Lê Đình Lý, P.Vĩnh Trung Q.Thanh Khê, Đà Nẵng

Điện thoại: (0236) 3525 777 Fax: (0236) 3525 779

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH PKF VIỆT NAM



Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà Center Building, Hapulico Complex, Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 6664 4488 Fax: 024 6664 2233

Website: <http://www.pkf.com.vn>

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro về kinh tế.....	5
2. Lạm phát	7
3. Tỷ giá	8
4. Rủi ro về pháp luật.....	9
5. Rủi ro đặc thù.....	10
6. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán	11
7. Rủi ro pha loãng.....	11
8. Rủi ro quản trị công ty	12
9. Rủi ro khác.....	12
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	13
1. Tổ chức phát hành.....	13
2. Tổ chức tư vấn	13
III. CÁC KHÁI NIỆM	13
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	14
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	14
1.1. Giới thiệu chung về tổ chức phát hành.....	14
1.2. Lịch sử hình thành và phát triển	15
2. Cơ cấu tổ chức công ty.....	16
3. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của công ty và những người liên quan, danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông tại ngày 21/09/2020.....	31
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của CQN, những công ty mà CQN đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với CQN.....	32
5. Quá trình tăng vốn điều lệ.....	35
6. Hoạt động kinh doanh.....	35
6.1. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty	35
6.2. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm	43
6.3. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của CQN.....	46
6.4. Hoạt động Marketing.....	49
6.5. Trình độ công nghệ.....	51
6.6. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	53
6.7. Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	53
6.8. Danh sách nhà cung cấp lớn của CQN	54
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất	55
7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.....	55



7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo.....	56
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	58
8.1. Vị thế của công ty trong ngành.....	58
8.2. Triển vọng phát triển của ngành.....	58
8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.....	59
9. Chính sách đối với người lao động.....	60
9.1. Tình hình lao động.....	60
9.2. Chính sách đối với người lao động.....	60
10. Chính sách cổ tức.....	61
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	62
11.1. Các chỉ tiêu cơ bản.....	62
11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	66
12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	66
12.1. Hội đồng quản trị.....	66
12.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát.....	73
12.3. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý.....	76
13. Tài sản.....	80
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2020.....	82
14.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2020.....	82
14.2. Căn cứ xây dựng kế hoạch lợi nhuận, cổ tức.....	83
14.3. Chiến lược, định hướng phát triển kinh doanh của Công ty.....	84
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	86
16. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức.....	86
17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty.....	86
18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá của cổ phiếu.....	86
V. CHỨNG KHOÁN CHÀO BÁN.....	87
1. Loại cổ phiếu:.....	87
2. Mệnh giá:.....	87
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán:.....	87
4. Giá chào bán dự kiến:.....	87
5. Phương pháp tính giá.....	87
6. Phương thức phân phối.....	90
7. Thời gian phân phối cổ phiếu.....	90
8. Đăng ký mua cổ phiếu.....	91
9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	93
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng.....	95
11. Các loại thuế có liên quan.....	95



12. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu.....	96
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	97
1. Mục đích chào bán:.....	97
2. Phương án khả thi	100
3. Hiệu quả đầu tư:.....	101
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	102
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN.....	103
IX. PHỤ LỤC.....	104

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái,... Các yếu tố này tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh nói riêng.

a) Tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới:

Năm 2019, tăng trưởng kinh tế toàn cầu chỉ đạt khoảng 2,9%, mức thấp nhất kể từ năm 2008 khi mà các thị trường bị ảnh hưởng nặng nề bởi cuộc khủng hoảng tài chính. Tăng trưởng đã giảm khoảng 6,3% trong quý IV/2019 so với cùng kỳ năm trước tại Nhật Bản. Tại Đức, sản lượng công nghiệp đã giảm mạnh 3,5% trong tháng 12/2019. Tình hình tại Pháp cũng không khả quan khi chứng kiến tăng trưởng âm trong quý IV/2019 và con số sản lượng công nghiệp giảm tới 2,6%.

Các nền kinh tế lớn khác cũng đang phải đối mặt với những khó khăn riêng. Nước Mỹ, nền kinh tế lớn nhất thế giới, đạt tăng trưởng GDP khoảng 2,1% trong quý IV/2019. Trung Quốc - nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, đã chứng kiến tăng trưởng giảm xuống chỉ còn 6% vào quý IV/2019, mức thấp nhất trong vòng 27 năm qua.

Theo tờ Financial Times của nước Anh, với việc nợ đã ở mức cao kỷ lục, dịch viêm đường hô hấp cấp Covid-19 càng làm tăng nguy cơ khủng hoảng tín dụng trong bối cảnh lãi suất ở mức thấp. Cú sốc mà dịch Covid-19 gây ra đối với các thị trường trên toàn thế giới diễn ra đúng lúc tình hình tài chính nguy hiểm do vòng xoáy nợ toàn cầu. Theo Viện Tài chính Quốc tế, tỷ lệ nợ toàn cầu trên GDP trong quý III/2019 đã đạt mức cao nhất mọi thời đại, trên 322%, tương đương gần 253.000 tỷ USD. Nếu dịch bệnh tiếp tục kéo dài, bất kỳ nguy cơ đổ vỡ nào trong hệ thống tài chính đều có khả năng gây ra một cuộc khủng hoảng nợ mới.

Có thể thấy, hậu quả của dịch Covid-19 đối với nền kinh tế toàn cầu sẽ rất lớn khi xét tới sự ảnh hưởng của nền kinh tế thứ 2 thế giới là Trung Quốc. Trong đại dịch SARS hồi năm 2003, Trung Quốc chỉ chiếm khoảng 8,5% GDP toàn cầu. Tuy nhiên, tỷ lệ này hiện nay đã tăng lên gần 20%. Cụ thể, sản xuất bị lao dốc, sức tiêu thụ nguyên liệu thô cũng giảm sút. Nếu theo đúng dự đoán, GDP của Trung Quốc trong quý I/2020 sẽ bị giảm 2 điểm phần trăm và điều này đồng nghĩa GDP toàn cầu cũng bị giảm khoảng 0,4 điểm phần trăm. Tác động trực tiếp đối với các quốc gia như Pháp, Nga, hiện đang xuất khẩu và chiếm lượng lớn sản xuất hydrocacbon, là rất dễ nhận thấy. Đối với Pháp, tác động còn nghiêm trọng hơn với sự sụt giảm của ngành du lịch và tiêu dùng.

Ngoài ra, hoạt động sản xuất cũng bị ảnh hưởng bởi giá trị gia tăng được sản xuất ở châu Âu đều có liên quan đến Trung Quốc. Khoảng 60-80% được chất trong các sản phẩm của ngành được được sản xuất tại Trung Quốc và Ấn Độ.

Tương tự, trong ngành xe hơi, rất nhiều bộ phận như bình ắc quy cho các xe điện hay các linh kiện điện tử... cũng được sản xuất ở Trung Quốc. Vì vậy, ngoài những cú sốc trực tiếp thì còn cả những cú sốc gián tiếp. Các chuỗi giá trị cho thấy sự hiện diện của Trung Quốc trong sản xuất toàn cầu chứ không chỉ trong các sản phẩm được sản xuất tại nước này.

Đối với các nước đang bị ảnh hưởng (như Hàn Quốc, Italy và thậm chí cả Mỹ), tác động trực tiếp của dịch bệnh này cũng như các hiệu ứng hoảng loạn do nó gây ra sẽ tạo hậu quả nghiêm trọng

cho sản xuất. Các quốc gia bị ảnh hưởng bên ngoài Trung Quốc sẽ chứng kiến sản xuất bị sụt giảm trong quý II/2020. Một nghiên cứu của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) chỉ rõ, dịch bệnh có thể khiến kinh tế thế giới bị sụt giảm 0,5 điểm phần trăm trong năm nay.

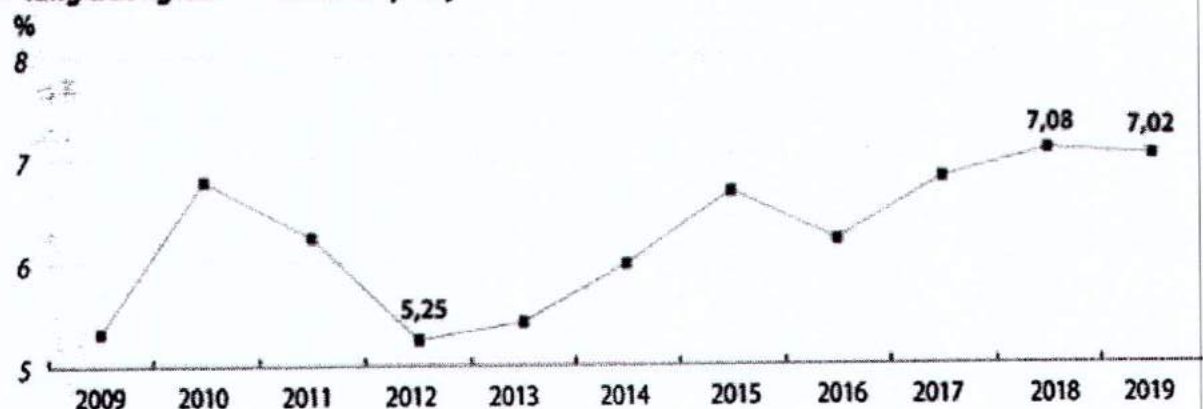
Ngoài ra, dịch bệnh này cũng có thể gây ra những hậu quả tài chính nghiêm trọng. Rất nhiều công ty sẽ đối mặt với vấn đề về dòng tiền do doanh thu sụt giảm. Điều này sẽ gây ra nguy cơ nợ xấu đối với các ngân hàng.

Để hỗ trợ nền kinh tế, các ngân hàng trung ương buộc phải duy trì tỷ lệ lãi suất thấp. Mặc dù vậy, hiệu quả tăng cường sản xuất sẽ không cao. Việc lãi suất của ngân hàng trung ương thấp kéo dài cũng có những hậu quả rộng lớn vì chúng dẫn đến việc phân bổ vốn không chính xác.

Báo cáo mới nhất của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) về sự ổn định tài chính toàn cầu chi tiết điểm này bằng một mô phỏng cho thấy một cuộc suy thoái nghiêm trọng bằng một nửa cuộc khủng hoảng 2009 đã có thể làm cho các công ty đang có nợ đọng khoảng 19.000 tỷ USD không có đủ lợi nhuận để trả nợ.

b) Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam:

■ Tăng trưởng GDP 10 năm trở lại đây



Tăng trưởng GDP năm 2019 của Việt Nam đạt 7,02% so với năm 2018; trong đó quý I tăng 6,82%, quý II tăng 6,73%, quý III tăng 7,48% và quý IV tăng 6,97%, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra là từ 6,6-6,8%. Mức tăng trưởng năm 2019 tuy thấp hơn mức tăng 7,08% của năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng của các năm 2011-2017. Năm 2019, Việt Nam cũng đạt được nhiều thành tựu lớn trong việc ký kết các hiệp định thương mại tự do.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa ước đạt gần 517 tỷ USD, tăng 7,6% so năm 2018; lần đầu vượt ngưỡng 500 tỷ USD và là kết quả lịch sử, với giá trị xuất siêu đạt mức kỷ lục mới đạt 9,94 tỷ USD.

Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 263,45 tỷ USD, tăng 8,1%. Khu vực kinh tế trong nước năm qua đánh dấu sự phát triển vượt bậc với tốc độ tăng trưởng xuất khẩu lên tới 17,7%, cao hơn rất nhiều tốc độ tăng của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (4,2%).

Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2020 của Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đã xuất hiện nhiều dấu hiệu có ảnh hưởng tiêu cực đến tốc độ tăng trưởng kinh tế, cũng như ổn định kinh tế vĩ mô; nhiều chỉ số giảm so với cùng kỳ năm trước. Mặc dầu vậy, vẫn thấy còn nhiều điểm sáng rất đáng mừng trong thời gian qua.

Cụ thể, kinh tế vĩ mô tiếp tục được giữ vững, ổn định; giá nhiều nhóm mặt hàng về cơ bản giữ ổn định, hoặc giảm; CPI tháng 02/2020 giảm 0,17% so với tháng trước. Xuất khẩu vẫn tăng trưởng; nhập siêu trong kiểm soát. Xuất khẩu ước đạt 36,9 tỷ USD, tăng 2,4% so với cùng kỳ; xuất khẩu của khu vực FDI tăng 0,9% và trong nước tăng 6%. Nông nghiệp vẫn được duy trì ổn định, nhiều lĩnh vực tiếp tục tăng trưởng; dịch bệnh dần được kiểm soát (đàn gia cầm tăng 13,8%, đàn bò tăng 2,4%; diện tích rừng trồng tăng 1,3%; khai thác gỗ tăng 3,6%; sản lượng thủy sản tăng 2,7%).

Mặc dù chịu tác động mạnh của dịch COVID-19 nhưng các ngành công nghiệp vẫn duy trì, ổn định và tiếp tục tăng trưởng khá; Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 2/2020 ước tăng 8,4% so với tháng trước và tăng 23,7% so với cùng kỳ năm trước; IIP 2 tháng 2020 ước tăng 6,2%, trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 7,4%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 8,4%...

Số lượng doanh nghiệp thành lập mới và số vốn đăng ký tiếp tục đạt mức cao so với cùng kỳ với trên 17.400 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký gần 364.000 tỷ đồng (tăng 9,1% về số doanh nghiệp và tăng 47,1% về số vốn đăng ký). Có gần 12.000 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động (tăng 17,1%). Số lượng doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường giảm với trên 28.000 doanh nghiệp.

Tuy nhiên, nhiều chỉ tiêu đều giảm so với cùng kỳ 2019, chủ yếu do ảnh hưởng của dịch COVID-19. Vốn FDI thực hiện giảm 5%; vốn FDI đăng ký mới và điều chỉnh và góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài giảm 23,6% so với cùng kỳ năm 2019. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 8,3% (cùng kỳ tăng 9,3%); vận tải hành khách tăng 3,8% (cùng kỳ tăng 10,2%). Khách quốc tế tăng 4,8%, mức tăng thấp nhất của 2 tháng các năm 2016-2020. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 2 và bình quân 2 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm trước (tăng 5,4% và 5,91%), mức tăng cao nhất trong 7 năm qua.

Một số ngành nông nghiệp gặp nhiều khó khăn do diễn biến về giá cả và thời tiết. Khu vực dịch vụ là khu vực bị tác động mạnh nhất bởi dịch bệnh COVID-19; đặc biệt là các nhóm ngành liên quan đến du lịch, vận tải, lưu trú và ăn uống. Lượng khách quốc tế trong tháng 2/2020 chỉ đạt khoảng 1 triệu lượt khách, giảm 49,8% so với tháng trước, giảm 35,8% so với cùng kỳ.

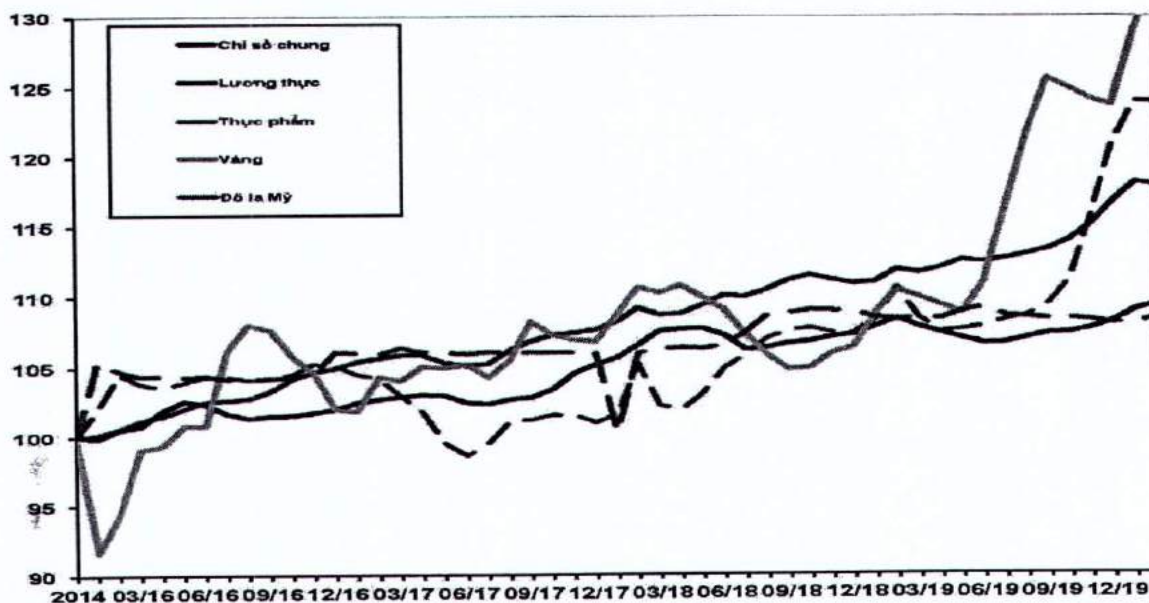
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh là một doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực kinh doanh cảng biển. Hoạt động kinh doanh của Công ty đã, đang và sẽ chịu ảnh hưởng trước những biến động của nền kinh tế. Khi kinh tế phát triển, tốc độ tăng trưởng ổn định, nhu cầu nhập khẩu, xuất khẩu hàng hóa tăng, lượng hàng hóa cần lưu chuyển lớn nên việc vận chuyển và giao nhận hàng hóa trong chuỗi cung ứng cũng tăng, tạo điều kiện mang lại doanh thu, lợi nhuận lớn cho Công ty. Ngược lại, khi nền kinh tế gặp khó khăn, tốc độ tăng trưởng giảm sút, số lượng hàng hóa xuất – nhập khẩu ít đi, hoạt động vận tải giảm sút do dịch vụ thông quan bị cản trở, dịch vụ kho bãi, cước phí cũng bị ảnh hưởng lớn sẽ tác động trực tiếp đến kế hoạch kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro về kinh tế, CQN luôn chú ý xem xét và dự báo khả năng tăng trưởng của nền kinh tế nói chung sẽ giúp cho việc xây dựng các kế hoạch kinh doanh tốt hơn, đồng thời tiên liệu và chuẩn bị trước các phương án để có thể ứng phó với những tình huống bất lợi có thể xảy ra làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của CQN.

2. Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát của nền kinh tế. Trong giai đoạn 2008 – 2011, tỉ lệ lạm phát cao đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam

và các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô vẫn là một trong những ưu tiên hàng đầu của Chính phủ trong giai đoạn từ 2011 – 2015; đồng thời, cũng được tái khẳng định trong kế hoạch kinh tế 05 năm giai đoạn 2016 – 2020.

Theo số liệu công bố của Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2019 tăng 1,4% so với tháng trước, CPI bình quân năm 2019 tăng 2,79% so với năm 2018 và CPI bình quân quý 4/2019 tăng 3,66% so với cùng kỳ năm trước. Như vậy CPI năm 2019 đã được kiểm soát thành công, đạt mức thấp hơn so với chỉ tiêu Quốc hội đề ra (dưới 4%) và cũng là mức tăng thấp nhất trong 3 năm qua.



Nguồn: Tổng cục thống kê

Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tính CPI tháng 12/2019 so với tháng trước, có 10 nhóm hàng có chỉ số giá tăng, cụ thể: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,42%; Đồ uống và thuốc lá tăng 0,25%; May mặc, mũ nón và giày dép tăng 0,33%; Nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,43%; Thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,14%; Thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,03%; Giao thông tăng 0,61%; Giáo dục tăng 0,01%; Văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,09%; Hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,24%, riêng nhóm Bưu chính viễn thông giảm 0,09%. Về lạm phát cơ bản, năm 2019 tăng 2,01% so với năm 2018 và tháng 12/2019 so với tháng 12/2018 tăng 2,78%.

Đối với doanh nghiệp như CQN, lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng đến kết quả SXKD của CQN thông qua sự gia tăng của các chi phí đầu vào, đặc biệt là chi phí nguyên nhiên liệu, nhân công,... Trường hợp tỷ lệ lạm phát được duy trì ổn định ở mức thấp sẽ tác động tích cực đến hoạt động SXKD của các doanh nghiệp cũng như của CQN, giúp Công ty kiểm soát được giá cả chi phí các yếu tố đầu vào, nâng cao được hiệu quả hoạt động kinh doanh.

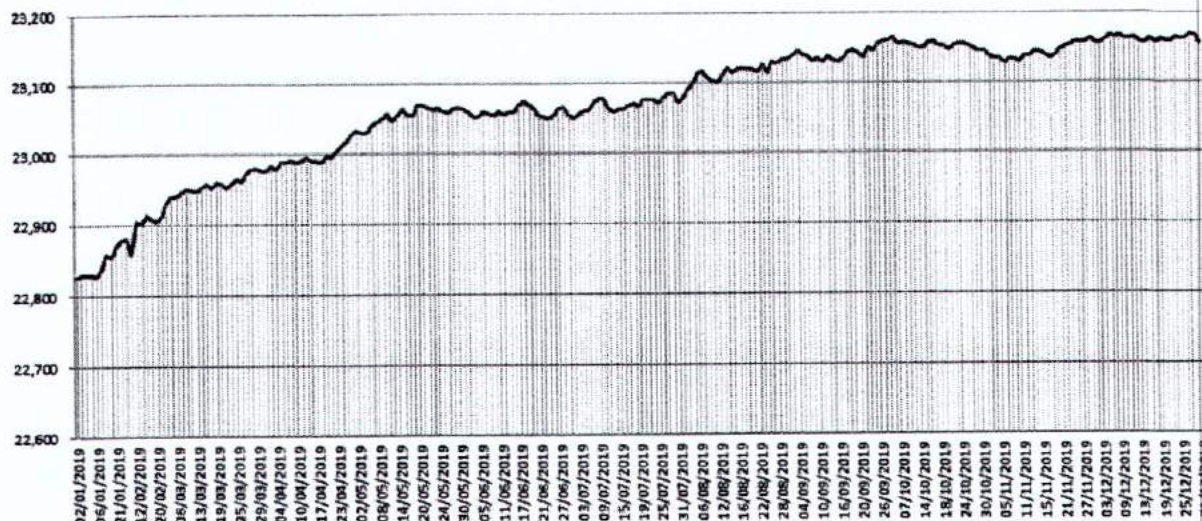
3. Tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

Tỷ giá USD/VNĐ năm 2019 tăng đều nhưng vẫn ổn định nhờ chính sách điều hành của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) trong bối cảnh chiến tranh thương mại Mỹ - Trung gây áp lực không nhỏ lên tỷ giá. Kết thúc năm 2019, NHNN đã tăng tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VNĐ) và đô la

Mỹ (USD) thêm 330 đồng, lên mức 23,155 đồng/USD, tương đương tăng 1.4% so với hồi đầu năm 2019.

Tỷ giá trung tâm USD/VND năm 2019



Nguồn: VietstockFinance

Trong năm 2019, tỷ giá trung tâm USD/VNĐ đã có 3 lần lập đỉnh mới. Lần đầu tiên, khi tỷ giá trung tâm USD/VNĐ vượt qua mốc 22,998 đồng, lên mức 23,004 đồng từ cuối tháng 4. Sau đó, tỷ giá trung tâm biến động nhưng vẫn trong kênh tăng, và đạt mốc mới thứ hai tại 23,115 đồng vào đầu tháng 8. Mốc cuối cùng được lập trong năm 2019 chạm mức 23,169 đồng vào cuối tháng 12, tăng 344 đồng, tương đương tăng 1.5% so với đầu năm 2019. Trong năm qua, tỷ giá chịu ảnh hưởng từ chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, gây sức ép phá giá đồng Nhân dân tệ (CNY). Ngoài ra, việc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) giảm lãi suất 3 lần trong năm qua và sự điều tiết nguồn cung ngoại hối của NHNN cũng ảnh hưởng lên các đợt tăng mạnh của tỷ giá trong năm. Từ đầu tháng 8, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung trở nên căng thẳng khi Tổng thống Mỹ Donald Trump tuyên bố áp mức thuế 10% với 300 tỷ USD hàng hóa Trung Quốc vào ngày 01/08. Đây tỷ giá CNY so với USD rơi xuống mức thấp nhất trong hơn một thập kỷ qua, vượt ngưỡng 7 CNY/USD ngày 05/08/2019. Động thái này gây sức ép lên tỷ giá USD/VNĐ bởi đồng CNY là một trong 8 loại tiền tệ trong rổ tính tỷ giá trung tâm của Việt Nam. Kết quả NHNN đã có động thái điều chỉnh tăng thêm 15 đồng, đưa tỷ giá trung tâm lên mức 23,115 đồng vào ngày 06/08/2019.

CQN có các giao dịch mua, bán trong và ngoài nước, có thông qua hoặc sử dụng thanh toán bằng ngoại tệ. Do đó, bất kì sự thay đổi tỷ giá nào cũng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của CQN. Trong trường hợp VNĐ bị mất giá so với đồng ngoại tệ, CQN sẽ được hưởng lợi từ chênh lệch tỷ giá và ngược lại. Để hạn chế rủi ro về tỷ giá, CQN luôn có kế hoạch điều hành hoạt động kinh doanh hợp lý để có thể giảm thiểu ảnh hưởng của việc biến động tỷ giá.

4. Rủi ro về pháp luật

Hoạt động đầu tư kinh doanh của CQN chịu sự điều chỉnh của một số các văn bản luật như: Luật Doanh nghiệp; Luật Chứng khoán; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Đầu tư; Luật đầu tư công; Luật đấu thầu.... Chính sách và pháp luật có tác dụng định hướng phát triển chung cho nền kinh tế cũng như cho các doanh nghiệp. Do đó, mỗi thay đổi về mặt chính sách và pháp luật có thể tạo cơ hội hay rủi ro cho hoạt động kinh doanh của doanh

nghiệp.

Bên cạnh đó, do hoạt động kinh doanh kho bãi, dịch vụ logistics, xếp dỡ vận chuyển và làm thủ tục giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu, Công ty không chỉ chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật của nhà nước về lĩnh vực hàng hải, hải quan, điều hành vận tải đường bộ, đường thủy nội địa..., mà còn phải tuân thủ các Điều ước quốc tế, các thỏa ước của Hiệp hội vận chuyển, giao nhận hàng hóa quốc tế như FIATA,...

Để hạn chế các rủi ro về mặt luật pháp, CQN luôn tiến hành cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của CQN, từ đó điều chỉnh các hoạt động quản trị, điều hành và kinh doanh phù hợp hơn.

5. Rủi ro đặc thù

a) Rủi ro do biến động mạnh về hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam

Doanh thu của hoạt động kinh doanh giao nhận, vận tải hàng hoá chịu tác động chi phối bởi sản lượng hàng hoá và giá cước dịch vụ, do đó hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam sẽ tác động lớn tới hoạt động của Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh. Tuy nhiên, khi nền kinh tế thế giới và Việt Nam phát triển thì cơ hội tăng trưởng doanh thu của Công ty cũng hết sức hấp dẫn.

b) Rủi ro về biến động giá nguyên liệu đầu vào:

Xăng dầu là yếu tố đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như vận hành các thiết bị xếp dỡ - vận chuyển như hệ thống kho bãi, cầu bờ, xe cầu,... Sự biến động giá dầu và chính sách điều chỉnh giá xăng dầu theo cơ chế thị trường của Việt Nam cũng sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty do giá nhiên liệu (xăng, dầu) phụ thuộc rất lớn vào tình hình thế giới. Hơn nữa, khi có sự biến động về giá xăng dầu sẽ có tác động lan tỏa đến hoạt động kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp trong nước, qua đó ảnh hưởng đến nhu cầu lưu thông hàng hóa của các doanh nghiệp và gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Đầu tư cơ sở hạ tầng cảng biển như: chi phí đầu tư cầu cảng, thiết bị xếp dỡ - vận chuyển như hệ thống kho bãi, thiết bị cầu nâng hạ,... thường có giá trị đầu tư rất lớn. Do đó, giá thiết bị, vật tư ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh, thời gian hoàn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng và hoạt động nâng cấp thiết bị nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty. Hoạt động đầu tư và nâng cấp hạ tầng cầu cảng đòi hỏi nguồn lực tài chính lớn và nằm trong tầm kiểm soát của Công ty. Tuy nhiên, việc quản lý các chi phí đầu tư là một thách thức khi có sự biến động về giá cả nguyên vật liệu và thiết bị do những tác động từ tình hình kinh tế thế giới và biến động về tỷ giá.

c) Rủi ro về lượng hàng tồn đọng tại cảng do chủ hàng từ chối nhận hàng

Có nhiều nguyên nhân dẫn tới chủ hàng từ chối nhận hàng như: hàng hóa không đảm bảo chất lượng, không đúng chủng loại mẫu mã, thời gian làm thủ tục dài, chi phí tăng cao... hoặc do những sai sót nhỏ hoặc bị cơ quan chức năng phát hiện hàng hóa có dấu hiệu vi phạm. Trong trường hợp này, các cảng giữ hàng có thể đối mặt rủi ro khi chi phí bán hàng tồn đọng chỉ bù đắp được một phần chi phí lưu bãi, nâng hạ, tiêu hủy hàng hóa quá hạn sử dụng, gây thiệt hại lớn cho cả cảng và hãng tàu.

d) Rủi ro cạnh tranh:

Việt Nam gia nhập AFTA, WTO... cùng với xu hướng toàn cầu hóa thì cạnh tranh trong lĩnh



vực ngành ngày càng gay gắt, đặc biệt trong lĩnh vực dịch vụ cảng biển khi phải tăng chất lượng dịch vụ nhưng phải giảm giá dịch vụ để cạnh tranh với các cảng biển khu vực và trong nước.

Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh chịu sự cạnh tranh của nhiều cảng lớn nhỏ khác trong vùng về hai mặt chủ yếu: nguồn khách hàng và giá cước, tác động trực tiếp đến thị phần của doanh nghiệp trên thị trường. Ngoài ra, một số cảng đối thủ cạnh tranh có năng lực bốc xếp hiệu quả, hoạt động lâu năm và rất linh hoạt trong việc thu hút khách hàng mới.

6. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Đợt chào bán này không được bảo lãnh nên có thể xảy ra khả năng không chào bán hết do các cổ đông không thực hiện quyền mua dẫn đến Công ty không thu được số tiền đúng như dự kiến để bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh. Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 337,5 tỷ đồng (trường hợp phân phối hết toàn bộ số cổ phiếu chào bán) sẽ được sử dụng cho mục đích đầu tư trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong trường hợp này, lượng cổ phần chưa phân phối hết sẽ được xử lý theo hướng:

- ✓ Hội đồng quản trị tiếp tục chào bán cho các đối tượng khác với mức giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Xin phép UBCKNN gia hạn thời gian phát hành nếu xét thấy cần thiết.
- ✓ Đồng thời, Hội đồng quản trị cũng chủ động tìm kiếm các nguồn tài trợ bổ sung khác để đảm bảo duy động đủ vốn phục vụ kế hoạch kinh doanh nếu phát sinh. Trong trường hợp thiếu hụt số vốn cần thiết, Công ty sẽ có giải pháp vay ngân hàng để đảm bảo đủ vốn cần thiết. Tuy nhiên, phương án này sẽ làm tăng chi phí tài chính và làm giảm lợi nhuận của Công ty.

Tuy nhiên, với giá phát hành (13.500 đ/cp) thấp hơn nhiều so với thị giá hiện tại trên thị trường cổ phiếu (Giá cổ phiếu CQN tính đến ngày 24/09/2020 là 21.100 đ/cp) cùng với triển vọng tăng trưởng của Công ty thì khả năng thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư đối với cổ phiếu của Công ty là rất lớn, đảm bảo sự thành công của đợt phát hành.

7. Rủi ro pha loãng

Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành trong năm 2020 là 25.000.000 cổ phần chiếm 49,95% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty, nhà đầu tư nên lưu ý một số vấn đề sau:

❖ Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu

Trên góc độ sổ sách kế toán, thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) bằng (=) Lợi nhuận sau thuế chia cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân. Như vậy, đợt phát hành cổ phiếu lần này sẽ làm cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tăng lên, ảnh hưởng đến thu nhập trên mỗi cổ phiếu của công ty. Chỉ số này sẽ giảm xuống nếu tốc độ tăng lợi nhuận thấp hơn tốc độ tăng của số lượng cổ phiếu. Vì vậy, nhà đầu tư cần có những đánh giá cẩn trọng về vấn đề này.

❖ Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu

Giá của một loại hàng hóa phụ thuộc rất lớn vào cung – cầu trên thị trường của hàng hóa đó. Nếu nguồn cung lớn, nguồn cầu ít thì giá sẽ giảm và ngược lại. Giá cổ phiếu cũng không nằm ngoài quy luật trên. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ này của Công ty sẽ làm tăng nguồn cung cổ phiếu ra thị trường, như vậy, rủi ro bị pha loãng giá cổ phiếu có thể sẽ xảy ra làm cho giá cổ phiếu



giao dịch trên thị trường giảm xuống.

Cụ thể giá cổ phiếu sau khi pha loãng được tính theo công thức:

$$\text{Giá tham chiếu điều chỉnh} = \frac{[\text{Slg CP lưu hành (*) giá thị trường}] + [\text{Slg CP chào bán cho CĐHH (*) giá chào bán}]}{\text{Slg CP đang lưu hành (+) Slg CP chào bán cho CĐHH}}$$

Dự kiến trong năm 2020, CQN sẽ chào bán 25.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Với giá phát hành là 13.500 đồng/cổ phần. Số cổ phiếu đang lưu hành trên thị trường của Công ty sau khi thực hiện chào bán sẽ tăng thêm 49,95% so với số cổ phiếu lưu hành hiện tại, vì vậy giá cổ phiếu sẽ được điều chỉnh và ảnh hưởng đến tình hình giao dịch cổ phiếu của Công ty.

Giá sử giá cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường là 21.100 đồng/cổ phiếu (giá tham chiếu tại ngày 24/09/2020), giá cổ phiếu của Công ty sau khi pha loãng tính theo công thức:

$$\text{Giá cổ phiếu sau điều chỉnh} = \frac{[50.049.936 * 21.100 + 25.000.000 * 13.500]}{(50.049.936 + 25.000.000)} = 18.568 \text{ đồng/CP}$$

Như vậy, qua đợt phát hành, giá cổ phiếu giao dịch trên thị trường và EPS của Công ty có nguy cơ bị giảm do tác động pha loãng.

Rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ được hạn chế nếu như Công ty sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được, duy trì tốt hoạt động và tăng cường, phát huy thế mạnh của mình để bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục tăng trưởng tốt sau đợt chào bán.

8. Rủi ro quản trị công ty

Công ty được thành lập và chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 22/08/2014 và đã đăng ký giao dịch trên sàn Upcom ngày 18/08/2020. Cơ cấu điều hành và quản trị của Công ty được thiết lập và tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan. Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị của Công ty còn được kiểm soát chặt chẽ bởi đội ngũ Ban kiểm soát uy tín và chuyên nghiệp do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Do đó, các hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng. Ngoài ra, với kinh nghiệm lâu năm trong ngành, giúp đội ngũ quản trị của Công ty có đủ khả năng nhận biết, đánh giá và khắc phục các yếu tố rủi ro để đảm bảo việc quản trị doanh nghiệp được thực hiện một cách ổn định và có hiệu quả.

9. Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, biến động lãi suất, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch... làm giảm lợi nhuận của Công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giám sát và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

**II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH****1. Tổ chức phát hành****CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH**

Ông: Đỗ Ngọc Khanh	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông: Bùi Quang Đạo	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ông: Nguyễn Mạnh Hùng	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
Ông: Nguyễn Tư Thịnh	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

Bà: **Trần Thị Thu Thanh** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 28/2019/UQ-TGD ngày 25/10/2019 của Tổng Giám đốc)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

CQN	: Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh
CTCP	: Công ty Cổ phần
BCTC	: Báo cáo tài chính
BKS	: Ban Kiểm soát
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
Giấy CNĐKKD	: Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh
HĐQT	: Hội đồng quản trị
SHS	: Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
Tổ chức tư vấn	: Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
VCSH	: Vốn chủ sở hữu
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
TĂCN	: Thức ăn chăn nuôi

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức phát hành

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh
- Tên tiếng Anh: Quang Ninh Port Joint Stock Company
- Tên viết tắt: Cảng Quảng Ninh
- Vốn điều lệ: 500.499.360.000 đồng (Năm trăm tỉ bốn trăm chín mươi chín triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng)
- Trụ sở chính: Số 1 đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
- Điện thoại: (84-2033) 825624 Fax: (84-2033) 826118
- Website: quangninhport.com.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700100231 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 01/04/2008, cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 22/08/2014

• Logo:



• Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: - Xếp dỡ, bảo quản hàng hoá; - Chuyển tải hàng hoá tại khu vực cảng (Không bao gồm ngành: Bốc xếp hàng hóa cảng hàng không, mã ngành 52245)	5224 (Chính)
2	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
3	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
4	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
5	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
6	Bán buôn gạo	4631
7	Bán buôn thực phẩm	4632
8	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
9	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
10	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
11	Bán buôn tổng hợp	4690
12	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730



TT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	Chi tiết: Đại lý bán lẻ xăng dầu	
13	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ kho bãi (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
14	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (loại trừ: Bán buôn thuốc trừ sâu, sang chai, đóng gói và các hóa chất khác theo danh mục nhà nước cấm)	4669
15	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
16	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
17	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: - Dịch vụ Hàng hải	5222
18	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
19	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
20	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Giao nhận hàng hoá - Kinh doanh dịch vụ Logistics (không bao gồm hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải hàng không)	5229
21	Đại lý du lịch	7911
22	Điều hành tua du lịch	7912
23	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
24	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

Ngày 29/8/1977, Bộ Giao thông vận tải đã ra Quyết định số 2226/QĐ/TC thành lập Cảng Quảng Ninh và chuyển Công ty Cảng vụ, Hoa tiêu Hòn Gai - Cẩm Phả trực thuộc Cục đường biển về Cảng Quảng Ninh quản lý. Trước đòi hỏi phải có sự chuyển đổi phù hợp về tổ chức bộ máy và cơ chế quản lý của ngành Hàng hải, ngày 06/4/1991, Bộ Giao thông Vận tải đã ra Quyết định tách bộ phận Cảng vụ thuộc Cảng Quảng Ninh ra thành lập Cảng vụ Quảng Ninh với nhiệm vụ quản lý nhà nước về chuyên ngành Hàng hải. Tiếp theo đó ngày 30/9/1991, Liên hiệp Hàng hải Việt Nam cũng có Quyết định tách bộ phận Hoa tiêu ra khỏi Cảng Quảng Ninh để thành lập Công ty Hoa tiêu khu vực III. Ngày 30/8/2007, Cảng Quảng Ninh được chuyển thành Công ty TNHH một thành viên theo Quyết định số 2681/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Thực hiện theo Quyết định số 276/QĐ-TTg ngày 04/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012-2015, Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh đã tiến hành cổ phần hóa chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

Ngày 23/5/2014, đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh tổ chức tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, số lượng cổ phần chào bán là

11.320.184 cổ phần. Số lượng cổ phần đấu giá thành công là 206.822 cổ phần, giá đấu bình quân là 11.001 đồng/cổ phần.

Ngày 20/6/2014, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam ban hành quyết định số 310/QĐ-HHVN về việc điều chỉnh cơ cấu cổ phần phát hành của CTCP Cảng Quảng Ninh. Trong đó, cổ phần nhà nước là 49.060.387 cổ phần - chiếm 98,02% vốn điều lệ; cổ phần bán ưu đãi cho người lao động là 707.037 cổ phần - chiếm 1,41% vốn điều lệ; cổ phần bán đấu giá công khai cho các nhà đầu tư thông thường là 206.822 cổ phần - chiếm 0,41% vốn điều lệ.

Ngày 22/8/2014, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700100231 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu với vốn điều lệ là 500.499.360.000 đồng, trong đó, cổ đông nhà nước (Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam) nắm giữ 49.060.387 cổ phần, tương ứng 98,02% vốn điều lệ.

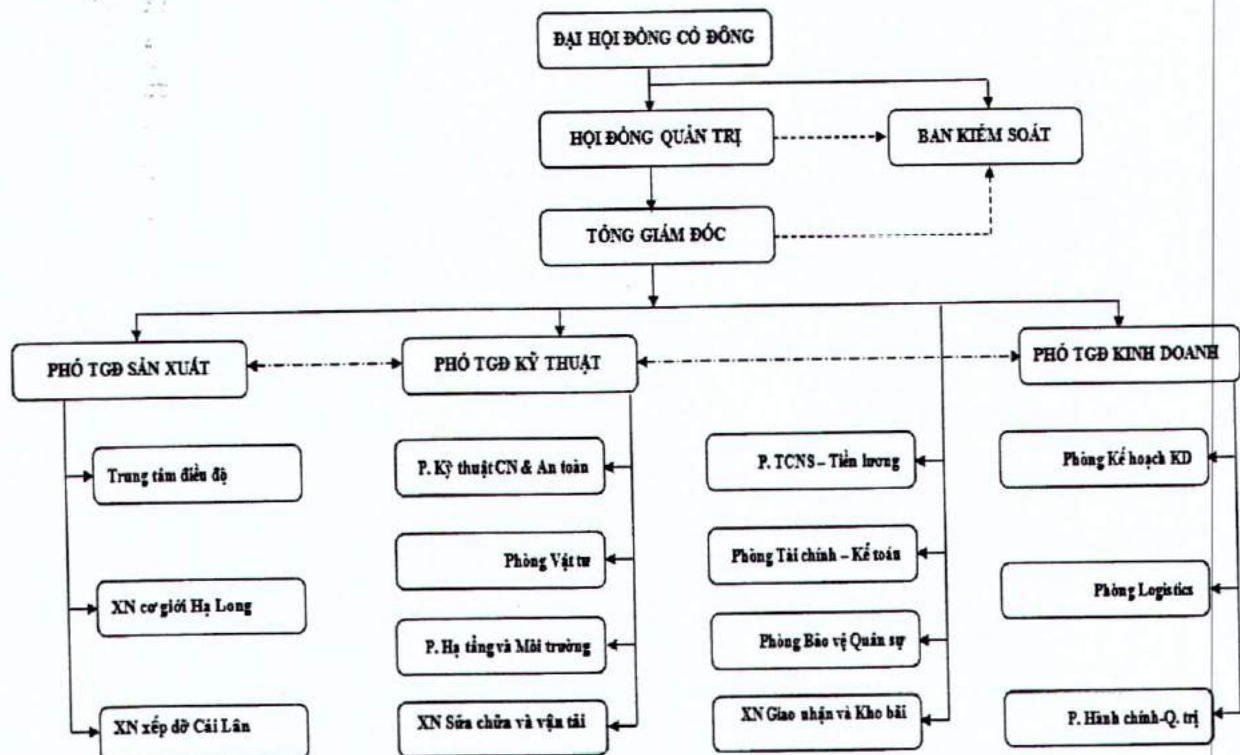
Ngày 25/12/2014 Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh được Ủy ban Chứng khoán nhà nước chấp thuận là công ty đại chúng theo công văn số 7144/UBCK-QLPH.

Đến tháng 4/2015, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam đã chuyển nhượng 49.060.387 cổ phần sở hữu tại Cảng Quảng Ninh (chiếm 98,02%) cho Công ty cổ phần Tập đoàn T&T theo hình thức thỏa thuận trực tiếp, giá bán thỏa thuận là: 11.320 đồng/cổ phần

Ngày 15/12/2016, Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 194/2016/GCNCP-VSD với mã chứng khoán là CQN, số lượng chứng khoán đăng ký là 50.049.936 cổ phiếu.

Ngày 18/08/2020, cổ phiếu Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh chính thức giao dịch trên sàn Upcom với giá tham chiếu là 12.200 đồng/cổ phiếu.

2. Cơ cấu tổ chức công ty



Nguồn: CQN



a) Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần. ĐHĐCĐ họp thường niên hoặc bất thường, tổ chức ít nhất mỗi năm một lần, quyết định chiến lược phát triển của Công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, thông qua nghị quyết các vấn đề như bổ sung và sửa đổi Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần phát hành, mức cổ tức chi trả cho cổ đông hàng năm, thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát,... Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu, bãi nhiệm thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát..

b) Hội đồng quản trị (HĐQT)

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ. HĐQT giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Điều hành.

c) Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

d) Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty gồm: 01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Phó Tổng Giám đốc là người giúp và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc nhiệm vụ được phân công; thực hiện các công việc thay Tổng giám đốc khi được ủy quyền. Kiểm tra hoạt động của Trưởng, Phó các phòng; Giám đốc, Phó Giám đốc các xí nghiệp,..... Tham gia và tổ chức chỉ đạo xây dựng các qui hoạch, kế hoạch, phương án sản xuất, kinh doanh; theo dõi và kiểm tra việc thực hiện các hoạt động đó. Quyết định các công việc theo ủy quyền của Tổng Giám đốc và trong phạm vi quyền hạn.

e) Các phòng ban chức năng

- Phòng Tổ chức Nhân sự - Tiền lương:

Chức năng:

- + Tham mưu cho Ban điều hành xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, các chính sách nhân sự; thiết lập cơ cấu tổ chức bộ máy, phân cấp quản lý của Công ty, các đơn vị.
- + Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty để xây dựng kế hoạch công tác và tìm các giải pháp triển khai tổ chức thực hiện công tác tổ chức nhân sự tiền lương.
- + Tư vấn, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các đơn vị thực hiện chế độ chính sách, quy định của





pháp luật Nhà nước, Công ty trong lĩnh vực công tác tổ chức nhân sự tiền lương.

- + Đại diện cho Công ty theo phân công, ủy quyền của Tổng giám đốc trong việc tiếp cận, quan hệ, làm việc với Sở lao động thương binh và xã hội, Bảo hiểm xã hội, Liên đoàn lao động và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

Nhiệm vụ:

- + Nghiên cứu và đề xuất mô hình, cơ cấu tổ chức và phân cấp quản lý nhân sự trong Công ty cho phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh theo từng giai đoạn phát triển của Công ty.
- + Xây dựng chính sách, kế hoạch và tổ chức thực hiện tuyển dụng nhân sự đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ của các đơn vị.
- + Tham mưu, đề xuất và thực hiện các thủ tục bố trí nhân sự, bổ nhiệm, miễn nhiệm, thôi giữ chức vụ, điều động, luân chuyển cán bộ.
- + Phối hợp với các đơn vị để định biên lao động, điều động, sắp xếp lao động phù hợp theo các quy định về phân cấp quản lý.
- + Xây dựng hệ thống các quy chế, quy định, quy trình công việc liên quan đến công tác nhân sự.
- + Xây dựng chính sách, quy chế trả lương, thưởng và các chế độ phúc lợi khác của Công ty đảm bảo theo đúng định hướng chung của Ban điều hành và pháp luật nhà nước.
- + Trực tiếp tổ chức thực hiện công tác tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, chăm lo sức khỏe cho người lao động.
- + Tham mưu giải quyết các quan hệ lao động, khen thưởng, kỷ luật lao động, giải quyết các tranh chấp lao động, các khiếu nại, tố cáo liên quan đến lĩnh vực nhân sự.
- + Khảo sát nhu cầu, xây dựng kế hoạch và tổ chức mở các lớp đào tạo nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ, bổ sung thêm nghề cho CBCNV.
- + Tư vấn, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Công ty trong công tác nhân sự.
- + Quản lý hồ sơ CBCNV của toàn Công ty.
- + Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban điều hành phân công.

– Phòng Hành chính quản trị:

Chức năng:

- + Tổ chức thực hiện công tác hành chính quản trị, văn thư - lưu trữ phục vụ hoạt động của Công ty.
- + Giúp việc cho Hội đồng quản trị và ban điều hành với vai trò thư ký công ty.
- + Tổ chức thực hiện công tác y tế cơ sở, đảm bảo sức khỏe cho CBCNV.
- + Quản lý các tài sản được giao.
- + Đảm bảo cơ sở vật chất, phương tiện và điều kiện làm việc cho khối văn phòng.



- + Tổ chức thực hiện mua, cấp phát văn phòng phẩm, hàng bồi dưỡng độc hại.
- + Tổ chức thực hiện công tác vệ sinh môi trường khu văn phòng Công ty và các khu vực được phân công.
- + Tổ chức quản lý quản trị đối với hệ thống thông tin liên lạc và hệ thống mạng trong toàn Công ty.

Nhiệm vụ:

- + Tổ chức thực hiện công tác hành chính quản trị, văn thư – lưu trữ, bảo vệ bí mật Nhà nước phục vụ hoạt động của Công ty.
- + Thực hiện công tác y tế, đảm bảo sức khỏe cho CBCNV
- + Thực hiện công tác phục vụ đời sống của người lao động và vệ sinh môi trường
- + Thực hiện công tác công nghệ thông tin
- + Các nhiệm vụ khác do Ban điều hành phân công.

– Phòng Tài chính kế toán:

Chức năng:

- + Tham mưu cho HĐQT, TGD trong lĩnh vực tài chính, kế toán, nhằm giám sát, phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế của mọi hoạt động trong toàn Công ty. Tổ chức huy động và quản lý tiền vốn, tài sản; quản lý tiền mặt qua quỹ khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, tài sản của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- + Chủ trì tổ chức xây dựng kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phục vụ chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.
- + Tổ chức thực hiện công tác hạch toán kế toán và quyết toán toàn bộ hoạt động SXKD của Công ty.
- + Thực hiện việc tạo nguồn, cân đối nguồn vốn, tiền mặt cho các hoạt động của Công ty nhằm đạt hiệu quả cao nhất.
- + Quản lý sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty và của chủ sở hữu.
- + Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế tài chính trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty.
- + Tổ chức bộ máy kế toán quản trị theo đúng quy định của Nhà nước, hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện kế hoạch tài chính trong Công ty.
- + Tham gia các tổ giúp việc: đấu thầu, thu hồi công nợ, thẩm định giá, đầu tư... (nếu có) trong Công ty.

Nhiệm vụ:

- + Thực hiện công tác kế toán, thống kê, báo cáo và phân tích hoạt động kinh tế.



- + Thực hiện quản lý, kiểm soát hoạt động tài chính.
- + Quản lý hệ thống thông tin tài chính.
- + Thực hiện các nhiệm vụ khác do HĐQT, BTGD giao.

Phòng Logistic:

Chức năng

- + Marketing và tìm kiếm khách hàng.
- + Phối hợp với phòng KHKD ký kết Hợp đồng và chăm sóc, duy trì khách hàng, nguồn hàng và dịch vụ.
- + Nắm bắt thông tin thị trường, nghiên cứu thị trường, ngành hàng để hoạch định chiến lược logistics trong dài hạn và cho từng giai đoạn.
- + Tham mưu cho Ban điều hành về phát triển dịch vụ logistics mới, về chiến lược logistics và xây dựng kế hoạch logistics trong từng giai đoạn thời kỳ.
- + Tổ chức và triển khai các hoạt động logistics của Công ty.

Nhiệm vụ

- + Phối hợp với các phòng ban liên quan xây dựng kế hoạch marketing quảng cáo dịch vụ logistics qua các phương tiện thông tin đại chúng: website, báo chí, truyền thanh, truyền hình, các sự kiện văn hóa xã hội, các chương trình từ thiện, tổ chức hội thảo và tri ân khách hàng.
- + Marketing dịch vụ tới các khách hàng thông qua trao đổi công việc hàng ngày (bằng điện thoại, email...).
- + Gửi Profile Công ty cho các khách hàng để quảng bá hình ảnh, thương hiệu.
- + Thực hiện việc tìm kiếm, giao dịch các đối tượng khách hàng, gồm: hãng tàu, chủ tàu, đại lý, chủ hàng, khách hàng mặt hàng mới để cung cấp các dịch vụ Đại lý tàu, vận chuyển đa phương thức, thông quan, giao nhận và giám sát, xếp dỡ, đóng rút, đóng gói hàng hóa...
- + Soạn thảo hợp đồng, đàm phán với khách hàng về các điều khoản trong hợp đồng dựa trên năng lực của Công ty, nhu cầu của khách hàng, các yếu tố ảnh hưởng để đi đến ký kết hợp đồng. Theo dõi việc thực hiện hợp đồng, giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hợp tác. Thường xuyên trao đổi, tiếp thu ý kiến khách hàng và dựa trên thực tế hoạt động của Công ty để đưa ra các phương án phù hợp, nâng cao chất lượng dịch vụ để giữ khách hàng cũng như marketing cho khách hàng mới.
- + Thống kê và lập báo cáo về các khách hàng hiện có, đánh giá, xếp hạng khách hàng, từ đó đưa ra các nhận định và nhu cầu của khách hàng để có phương án tập trung chăm sóc các khách hàng lớn, tiềm năng phát triển.
- + Theo dõi thị trường thông qua các báo cáo kinh tế, các chính sách của Nhà nước, thông tin từ các khách hàng và mối quan hệ có sẵn để có tầm nhìn cụ thể cho ngành Logistics tại Cái Lân và Miền Bắc, từ đó đánh giá tiềm năng phát triển của các dịch vụ đang cung cấp, khả năng mở rộng dịch vụ và đưa ra các chiến lược cụ thể theo từng giai đoạn. Xác định nhóm

khách hàng chiến lược, nhóm khách hàng tiềm năng, lên phương án tiếp cận và marketing cho các khách hàng cụ thể.

- + Báo cáo Ban điều hành thông tin chi tiết về thị trường, khách hàng, xin ý kiến và tham mưu về các định hướng marketing, duy trì và phát triển dịch vụ, tiếp cận và chăm sóc khách hàng trong dài hạn và theo từng giai đoạn
- + Thực hiện chỉ đạo của Ban điều hành, báo cáo thường xuyên về tình hình thực hiện các nhiệm vụ, vướng mắc phát sinh trong quá trình hoạt động để Ban điều hành đưa ra các chỉ đạo về phương án giải quyết và các kế hoạch tiếp theo.
- + Tổ chức triển khai thương vụ tới các phòng ban liên quan yêu cầu cụ thể về tác nghiệp, các yêu cầu chi tiết của khách hàng, tiếp nhận ý kiến tham mưu chuyên môn của các phòng ban. Theo dõi quá trình cung cấp dịch vụ, giải quyết các vấn đề phát sinh, báo cáo Ban điều hành để nhận ý kiến chỉ đạo
- + Theo dõi phản hồi của khách hàng, phối hợp với các phòng ban chuyên môn, lên phương án cải thiện chất lượng dịch vụ, tăng hiệu quả.
- + Thực hiện các nhiệm vụ khác do BTGD giao.

Phòng Kế hoạch – Kinh doanh:

Chức năng:

- + Tổ chức và triển khai các hoạt động kinh doanh của Công ty. Thực hiện việc tìm kiếm, giao dịch, ký kết và triển khai thực hiện hợp đồng đối với các đối tượng khách hàng.
- + Nắm bắt thông tin thị trường, nghiên cứu thị trường, ngành hàng để hoạch định chiến lược kinh doanh cho từng giai đoạn. Đồng thời triển khai kế hoạch mở rộng ngành hàng, khách hàng, tập trung phát triển các dịch vụ kinh doanh mới của Công ty nhằm mục tiêu nâng cao doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.
- + Lập kế hoạch kinh doanh cho mỗi giai đoạn, thời kỳ theo tháng, quý, năm, trung hạn và dài hạn. Trên cơ sở đó lập kế hoạch tổ chức triển khai các hoạt động kinh doanh nhằm thực hiện đúng kế hoạch kinh doanh đã đề ra.
- + Tham mưu cho Ban điều hành về phát triển dịch vụ mới, về chiến lược kinh doanh và xây dựng kế hoạch kinh doanh trong từng giai đoạn thời kỳ. Tham mưu việc thiết lập hệ thống khách hàng và quảng bá thương hiệu Công ty.
- + Phối hợp cùng các phòng, xí nghiệp trong Công ty nhằm triển khai thực hiện các hợp đồng dịch vụ đã ký kết với khách hàng, đảm bảo chất lượng dịch vụ đã cam kết với khách hàng.
- + Đại diện cho Công ty làm việc với đối tác, khách hàng và các cơ quan quản lý liên quan đến các hoạt động kinh doanh. Thực hiện công tác chăm sóc khách hàng, giải quyết những khó khăn, vướng mắc cho khách hàng trong quá trình thực hiện giao dịch với Công ty.
- + Xây dựng luận chứng kinh tế các dự án đầu tư của Công ty.
- + Pháp chế và phòng ngừa rủi ro trong hoạt động kinh doanh.

Nhiệm vụ:



- + Tổ chức và triển khai các hoạt động kinh doanh của Công ty.
- + Hoạch định chiến lược kinh doanh
- + Lập kế hoạch kinh doanh theo từng giai đoạn và tổ chức triển khai thực hiện
- + Tham mưu Ban điều hành về phát triển dịch vụ mới, thiết lập hệ thống khách hàng và quảng bá thương hiệu Công ty.
- + Phối hợp cùng các đơn vị, xí nghiệp trong Công ty nhằm triển khai thực hiện các hợp đồng dịch vụ đã ký kết với khách hàng.
- + Đại diện cho Công ty làm việc với đối tác, khách hàng và các cơ quan quản lý liên quan đến các hoạt động kinh doanh.
- + Tập hợp đầy đủ dữ liệu để phân tích, đánh giá tính hiệu quả kinh tế dự án đầu tư của Công ty. Trên cơ sở đó đề xuất tham mưu Ban điều hành lựa chọn phương án đầu tư.
- + Xây dựng và kiểm soát tính pháp lý các hoạt động của Công ty.
- + Báo cáo những thông tin thương mại và các phản hồi từ khách hàng cho HĐQT và Ban điều hành, tham mưu với cấp trên về việc xử lý thông tin và giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh.

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban điều hành phân công

- **Phòng Kỹ thuật Công nghệ và An toàn:**

Chức năng:

- + Quản lý và hướng dẫn về kỹ thuật, công nghệ, an toàn vệ sinh lao động.
- + Xây dựng kế hoạch sửa chữa hàng năm và sửa chữa định kỳ; kế hoạch dự phòng vật tư chiến lược đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất của Công ty.
- + Xây dựng quy trình, quy phạm, quy định, định mức.
- + Lập dự án đầu tư thiết bị, công cụ, tổ chức đấu thầu đầu tư, sửa chữa; theo dõi, giám sát việc thực hiện các hạng mục đầu tư, sửa chữa.
- + Tham mưu, giúp Tổng Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện công tác an toàn - vệ sinh lao động. Thừa lệnh Tổng Giám đốc Công ty hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động.

Nhiệm vụ:

- + Thực hiện công tác kỹ thuật, công nghệ
- + Thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động
- + Hướng dẫn các xí nghiệp quản lý thiết bị, phương tiện, công cụ theo phân cấp
- + Tổ chức thực hiện công tác bảo hiểm thiết bị, phương tiện với các doanh nghiệp bảo hiểm và các đơn vị có liên quan, đảm bảo quyền lợi bảo hiểm cho Công ty.
- + Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban điều hành phân công.

- Phòng Vật tư:**Chức năng:**

- + Tham mưu cho Ban điều hành Công ty xây dựng, lập kế hoạch và tổ chức cung ứng, mua sắm vật tư (đặc biệt là các vật tư chiến lược) nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất của Công ty.
- + Quản lý, bảo quản, cấp phát vật tư phục vụ sản xuất theo quy định.

Nhiệm vụ:

- + Phối hợp với các phòng nghiệp vụ, xí nghiệp liên quan xây dựng kế hoạch mua sắm trang thiết bị, vật tư phục vụ sửa chữa nâng cấp trang thiết bị, phương tiện theo đúng quy chế, quy định.
- + Trực tiếp làm các thủ tục mua sắm vật tư đảm bảo về số lượng, chất lượng và đúng quy cách chủng loại với giá cả phù hợp. Chịu trách nhiệm quản lý bảo hành những vật tư mua có bảo hành.
- + Quản lý, bảo quản các kho vật tư, kho nhiên liệu và các loại vật tư trang thiết bị được giao đảm bảo đúng quy định.
- + Tiến hành cấp phát vật tư cho các Xí nghiệp, phòng nghiệp vụ theo đúng quy chế mua bán cấp phát vật tư, cấp phát nhiên liệu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- + Tổng hợp, thống kê tình hình sử dụng vật tư trong toàn Công ty, tham gia kiểm tra giám sát việc sử dụng, bảo quản vật tư tại các Xí nghiệp.
- + Kiểm tra các đơn vị sử dụng các loại vật tư, thiết bị nêu trên để có biện pháp thu hồi khi sử dụng không đúng mục đích, gây lãng phí, thất thoát.
- + Thường xuyên kiểm tra tình trạng kỹ thuật của các kho vật tư, kho dầu, các thiết bị đo đếm cấp phát vật tư để kịp thời sửa chữa khi có sự cố.
- + Xây dựng hệ thống các quy chế, quy định, quy trình công việc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của phòng.
- + Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban điều hành Công ty giao.

- Phòng Hạ tầng và Môi trường:**Chức năng:**

- + Tham mưu cho Ban điều hành về lĩnh vực công tác:
- + Quản lý đất đai, quản lý quy hoạch, khai thác mặt bằng của Công ty.
- + Quản lý kỹ thuật, chất lượng, tiến độ các công trình xây dựng.
- + Quản lý dự án kết cấu cơ sở hạ tầng của Công ty.
- + Quản lý hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước.
- + Quản lý hệ thống cứu hỏa, phòng chống cháy nổ trong toàn Công ty.
- + Quản lý công tác môi trường trong toàn Công ty.



- + Lập dự án đầu tư, tổ chức đấu thầu xây dựng, sửa chữa, cải tạo nâng cấp các công trình cơ sở hạ tầng của Công ty; theo dõi, giám sát việc thi công các hạng mục công trình.
- + Thực hiện chức năng quản lý kỹ thuật đối với cơ sở hạ tầng (bao gồm: Nhà điều hành của Công ty và của các xí nghiệp, cầu cảng, kho, bãi, vùng neo, nhà xưởng, đường giao thông, hệ thống cấp thoát nước của Công ty).

Nhiệm vụ:

- + Thực hiện công tác quản lý dự án, KCHT&XD CB
- + Thực hiện công tác môi trường
- + Xây dựng hệ thống các quy chế, quy định, quy trình công việc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của phòng.
- + Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban điều hành phân công.

- Phòng Bảo vệ quân sự:

Chức năng:

- + Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch đảm bảo an ninh Cảng biển; bảo vệ tài sản, hàng hóa, an ninh trật tự, an toàn xã hội trong địa bàn được giao.
- + Xây dựng lực lượng bảo vệ, lực lượng tự vệ, lực lượng dự bị động viên, lực lượng tự quản về an ninh trật tự.
- + Xây dựng phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc làm nòng cốt thực hiện phương án bảo vệ an ninh của Công ty.
- + Phối hợp với lực lượng công an, cơ quan quân sự địa phương và lực lượng tự quản về an ninh trật tự trong và ngoài Công ty bảo vệ an ninh - quốc phòng trên địa bàn.
- + Xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy toàn Công ty.
- + Kiểm soát tải trọng xếp hàng hóa trên phương tiện tham gia giao thông đường bộ theo đúng quy định của Nhà nước.

Nhiệm vụ:

- + Thực hiện công tác xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch đảm bảo an ninh cảng biển; bảo vệ tài sản, hàng hóa và an ninh trật tự, an toàn xã hội trong địa bàn được giao.
- + Xây dựng lực lượng bảo vệ, lực lượng tự vệ, lực lượng dự bị động viên, lực lượng tự quản về an ninh trật tự.
- + Xây dựng phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc, làm nòng cốt thực hiện phương án bảo vệ an ninh tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc phòng của Công ty.
- + Phối hợp với lực lượng công an, cơ quan địa phương và lực lượng tự quản về an ninh trật tự trong và ngoài Công ty bảo vệ an ninh quốc phòng trên địa bàn.
- + Xây dựng phương án PCCC toàn Công ty.
- + Kiểm tra, kiểm soát tải trọng phương tiện.

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban điều hành phân công.

- Trung tâm điều độ:

Chức năng:

- + Xây dựng phương án và trực tiếp triển khai thực hiện phương án bố trí cầu bến, cấp giấy phép cho tàu và phương tiện thủy nội địa ra vào cảng.
- + Kiểm tra, giám sát và hướng dẫn nhiệm vụ xếp dỡ giải phóng tàu, phương tiện của Xí nghiệp trực thuộc.
- + Thực hiện công tác đối ngoại với các hãng tàu, đại diện của tàu và các chủ hàng theo ủy quyền của Tổng giám đốc.
- + Thực hiện công tác giải quyết tranh chấp hàng hải liên quan tới Công ty.
- + Tham mưu công tác phòng chống bão lụt và an ninh cảng biển.

Nhiệm vụ:

- + Xây dựng phương án và triển khai thực hiện phương án bố trí cầu bến, cấp giấy phép cho phương tiện thủy nội địa ra vào cảng.

Nắm bắt kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty và dự kiến kế hoạch của các chủ tàu/tổ chức đại lý, chủ hàng đưa tàu đến cảng làm hàng theo từng ngày, tuần, tháng, quý, năm để xây dựng kế hoạch bố trí cầu bến tiếp nhận tàu/phương tiện thủy nội địa phù hợp với năng lực khai thác và yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nắm thông tin và các thông số kỹ thuật, thiết bị xếp dỡ, chủng loại hàng hóa, tính chất hàng hóa, sơ đồ làm hàng của các tàu sẽ vào cảng làm hàng để xây dựng kế hoạch tác nghiệp giải phóng tàu/phương tiện đạt hiệu quả.

- + Lập kế hoạch xếp dỡ, kiểm tra, giám sát và trực tiếp điều hành xếp dỡ giải phóng tàu/phương tiện.

Điều động lao động, trang thiết bị, công cụ của các xí nghiệp để đảm bảo hiệu quả và tiến độ giải phóng tàu theo kế hoạch.

Kiểm tra giám sát và chỉ đạo việc thực hiện các nội dung kế hoạch tác nghiệp nhằm đảm bảo tiến độ, năng suất, an toàn và hiệu quả.

Phối hợp cùng các xí nghiệp, phòng nghiệp vụ liên quan và chủ hàng, chủ tàu giải quyết các vướng mắc trong quá trình sản xuất.

Tổng hợp tình hình giải phóng tàu trong tuần, báo cáo tại hội nghị giao ban sản xuất.

Tính toán năng suất xếp dỡ để tham mưu trong việc ký các hợp đồng thưởng phạt giải phóng tàu.

- + Thực hiện công tác đối ngoại với các hãng tàu và đại diện của tàu, chủ hàng theo giấy ủy quyền của TGD.

Thường xuyên trao đổi và kết hợp giải quyết các vướng mắc, khó khăn để đưa ra biện pháp hoặc thay đổi phương án xếp dỡ kịp thời đảm bảo quyền lợi cho chủ tàu/đại lý/chủ hàng

Cập nhật thông tin về kế hoạch tàu đến để có cơ sở xây dựng kế hoạch khai thác cầu bến hợp lý.

- + Chỉ đạo giải quyết tranh chấp hàng hải liên quan tới Công ty.
- + Phối hợp cùng với đơn vị liên quan xây dựng phương án xếp dỡ đối với mặt hàng mới.
- + Thực hiện công tác chăm sóc khách hàng, giải quyết những khó khăn vướng mắc của khách hàng trong quá trình xếp dỡ giải phóng tàu/phương tiện và giao nhận hàng.

Thường xuyên liên hệ với khách hàng nắm bắt các ý kiến, đánh giá, nhận xét của khách hàng để điều chỉnh cho phù hợp đảm bảo quyền lợi cho khách hàng và Công ty.

Tổ chức những cuộc họp để giải quyết khi có tranh chấp đảm bảo quyền lợi chung.

- + Thực hiện công tác phòng chống bão lụt – giảm nhẹ thiên tai, an ninh cảng biển.
- + Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban điều hành phân công.

- **Xí nghiệp xếp dỡ Cái Lân**

Chức năng

- + Là đơn vị thuộc Công ty, có chức năng quản lý, khai thác và sử dụng lao động tài sản được giao để thực hiện xếp dỡ hàng hóa nhằm hoàn thành các kế hoạch được giao trên cơ sở nhiệm vụ sản xuất kinh doanh chung của Công ty.

Nhiệm vụ

- + Xây dựng kế hoạch sản xuất tháng, quý, năm trình Tổng giám đốc Công ty phê duyệt;
- + Quản lý, tổ chức khai thác các nguồn lực được giao một cách có hiệu quả.
- + Đề ra các phương án và các biện pháp cụ thể để thực hiện kế hoạch tác nghiệp giải phóng tàu, đảm bảo năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- + Tổ chức xếp dỡ, đóng gói hàng hóa đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật theo quy định.
- + Duy trì trật tự và kỷ luật lao động trong đơn vị theo nội quy lao động của Công ty và quy định của đơn vị.
- + Thực hiện thống kê doanh thu, sản lượng xếp dỡ hàng hóa, chi phí, năng suất lao động, lao động tiền lương ... nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- + Đào tạo, kèm cặp tay nghề nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất của đơn vị.
- + Chấp hành nghiêm các nội quy, quy chế, quy định, quyết định của Công ty về quản lý tài sản, điều động, bố trí sắp xếp lao động của đơn vị.
- + Chịu sự kiểm tra của Công ty và các cấp có thẩm quyền về công tác quản lý và thực hiện chế độ, chính sách cho người lao động.
- + Động viên, khuyến khích CBCNV trong đơn vị phát huy năng lực sáng tạo, nâng cao hiệu quả quản lý, cải tiến kỹ thuật, hoàn thiện quy trình sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong sản xuất.



- + Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, đảm bảo quyền dân chủ của người lao động trong việc tham gia quản lý xí nghiệp, Công ty theo quy định của pháp luật và Quy chế thực hiện dân chủ ở Công ty; Thực hiện chế độ, quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và của Công ty.
- + Tổ chức thực hiện Quy định của Nhà nước, Công ty về công tác an toàn - vệ sinh lao động; Chấp hành nghiêm túc các quy định của Nhà nước, của Công ty về công tác vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt và giảm nhẹ thiên tai.
- + Thành lập, quản lý và sử dụng lực lượng tự quản về an ninh trật tự, phối hợp với các lực lượng bảo vệ đảm bảo tốt an ninh trong địa bàn được giao và góp phần thực hiện tốt công tác An ninh - quốc phòng của Công ty.
- + Thực hiện chế độ thông tin kịp thời về tình hình sản xuất, an toàn lao động và an ninh trật tự của đơn vị theo quy định và báo cáo định kỳ, đột xuất các mặt hoạt động của đơn vị theo quy định; chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của các số liệu báo cáo.
- + Xây dựng hệ thống các quy chế, quy định, quy trình công việc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.
- + Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban điều hành Công ty giao.

Xí nghiệp cơ giới Hạ Long

Chức năng

- + Là đơn vị thuộc Công ty, có chức năng quản lý, khai thác và sử dụng lao động, cầu bến, trang thiết bị, công cụ được giao để thực hiện xếp dỡ hàng hóa nhằm hoàn thành kế hoạch được giao trên cơ sở nhiệm vụ sản xuất kinh doanh chung của Công ty.

Nhiệm vụ

- + Xây dựng kế hoạch sản xuất tháng, quý, năm trình Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt.
- + Quản lý lao động, cầu bến, máy móc thiết bị, công cụ phục vụ công tác xếp dỡ.
- + Đề ra các phương án và các biện pháp cụ thể để thực hiện kế hoạch tác nghiệp giải phóng tàu, đảm bảo năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- + Thực hiện xếp dỡ hàng hóa bằng trang thiết bị cơ giới đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật theo quy định.
- + Duy trì trật tự và kỷ luật lao động trong đơn vị theo nội quy lao động của Công ty và quy định của đơn vị.
- + Thực hiện thống kê doanh thu, sản lượng xếp dỡ hàng hóa, chi phí, năng suất lao động, lao động tiền lương; thống kê kỹ thuật... nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- + Đào tạo, kèm cặp tay nghề nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất của đơn vị.
- + Chấp hành nghiêm các nội quy, quy chế, quy định, quyết định của Công ty về quản lý tài sản, điều động, bố trí máy móc, thiết bị, nhân lực của đơn vị.



- + Chịu sự kiểm tra của Công ty và các cấp có thẩm quyền về công tác quản lý và thực hiện chế độ, chính sách cho người lao động.
- + Động viên, khuyến khích CBCNV trong đơn vị phát huy năng lực sáng tạo, nâng cao hiệu quả quản lý, cải tiến kỹ thuật, hoàn thiện quy trình sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong sản xuất.
- + Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, đảm bảo quyền dân chủ của người lao động trong việc tham gia quản lý xí nghiệp, Công ty theo quy định của pháp luật và Quy chế thực hiện dân chủ ở Công ty; Thực hiện chế độ, quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và của Công ty.
- + Tổ chức thực hiện Quy định của Nhà nước, Công ty về công tác an toàn vệ sinh lao động; Chấp hành nghiêm túc các quy định của Nhà nước, của Công ty về công tác vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ và phòng chống lụt bão.
- + Thành lập, quản lý và sử dụng lực lượng tự quản về an ninh trật tự, phối hợp với các lực lượng bảo vệ đảm bảo tốt an ninh trong địa bàn được giao và góp phần thực hiện tốt công tác An ninh - quốc phòng của Công ty.
- + Thực hiện chế độ thông tin kịp thời về tình hình sản xuất, an toàn lao động và an ninh trật tự của đơn vị theo quy định và báo cáo định kỳ, đột xuất các mặt hoạt động của đơn vị theo quy định; chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của các số liệu báo cáo.
- + Xây dựng hệ thống các quy chế, quy định, quy trình công việc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.
- + Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban điều hành phân công.
- **Xí nghiệp Giao nhận – Kho bãi**

Chức năng

- + Quản lý công tác giao nhận hàng hóa xếp dỡ thông qua cảng. Tiếp nhận, bảo quản và giao hàng hóa lưu kho, bãi.
- + Tổ chức quản lý, điều hành nguồn nhân lực, kho, bãi, và các tài sản thiết bị khác được giao nhằm khai thác đạt hiệu quả kinh tế cao.
- + Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch tháng, quý, năm và các công việc khác được TGD giao nhằm hoàn thành các kế hoạch trên cơ sở nhiệm vụ sản xuất chung của Công ty.

Nhiệm vụ

- + Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh trình Ban điều hành phê duyệt và lập phương án thực hiện kế hoạch được phê duyệt.
- + Quản lý lao động, kho, bãi, các tài sản khác và khai thác các nguồn lực được giao một cách có hiệu quả.
- + Triển khai việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp trên cơ sở kế hoạch sản xuất chung của toàn Công ty.

- + Xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình công việc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.
- + Duy trì trật tự và kỷ luật lao động trong đơn vị theo nội quy lao động của Công ty và quy định của đơn vị.
- + Đào tạo, kèm cặp tay nghề nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất của đơn vị.
- + Chấp hành nghiêm các nội quy, quy chế, quy định, quy trình, quyết định của Công ty về quản lý tài sản, giao nhận, bảo quản hàng hóa, cho thuê kho, bãi và điều động nhân lực của đơn vị.
- + Chịu sự kiểm tra của Công ty và các cấp có thẩm quyền về công tác quản lý và thực hiện chế độ, chính sách cho người lao động.
- + Động viên, khuyến khích CBCNV trong đơn vị phát huy năng lực sáng tạo, nâng cao hiệu quả quản lý, cải tiến kỹ thuật, hoàn thiện quy trình sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong sản xuất.
- + Thực hiện chế độ, quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và của Công ty.
- + Tổ chức thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của Nhà nước, Công ty về công tác an toàn, vệ sinh lao động.
- + Chấp hành nghiêm túc các quy định của Nhà nước, của Công ty về công tác an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ và phòng chống bão lụt giảm nhẹ thiên tai.
- + Thành lập, quản lý và sử dụng lực lượng tự quản về an ninh trật tự, phối hợp với các lực lượng bảo vệ đảm bảo tốt an ninh trong địa bàn được giao và góp phần thực hiện tốt công tác an ninh - quốc phòng của Công ty.
- + Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất các mặt hoạt động của đơn vị theo quy định. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các số liệu báo cáo.
- + Thực hiện công tác tham mưu, phối hợp với các đơn vị có liên quan giải quyết các tranh chấp về hàng hóa và các vấn đề phát sinh khác với tàu (chủ tàu) hoặc đại diện chủ hàng làm hàng với Công ty.
- + Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban điều hành phân công.

- **Xí nghiệp Sửa chữa - Vận tải**

Chức năng

- + Tổ chức, quản lý, khai thác và sử dụng lao động, tài sản được giao.
- + Thực hiện các công việc về gia công cơ khí; Sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị, phương tiện, công cụ, cơ sở hạ tầng.
- + Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống cứu hỏa. Sửa chữa các thiết bị điện công nghiệp và dân dụng.



- + Quản lý công cụ, dụng cụ đóng gói hàng rời cho các đơn vị.
- + Quản lý, khai thác tàu lai, tàu chở người.

Nhiệm vụ

- + Xây dựng kế hoạch sản xuất tháng, quý, năm trình Tổng giám đốc Công ty phê duyệt.
- + Quản lý lao động, máy móc thiết bị, phương tiện, công cụ, nhà xưởng để tổ chức lao động. Khai thác các nguồn lực được giao một cách có hiệu quả.
- + Xây dựng hệ thống các quy chế, quy định, quy trình công việc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.
- + Tổ chức thực hiện tốt các kế hoạch công tác được Tổng giám đốc giao. Đề ra các phương án và biện pháp cụ thể để thực hiện kế hoạch sửa chữa thiết bị, phương tiện, công cụ, cơ sở hạ tầng; Sửa chữa gia công cơ khí.
- + Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống cứu hỏa, hệ thống chiếu sáng.
- + Sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị điện công nghiệp và dân dụng.
- + Tổ chức thực hiện lai dắt tàu vào và rời cảng, phương án cứu hộ hàng hải và vận chuyển công cụ, đưa đón CBCNV phục vụ sản xuất và các dịch vụ hàng hải khác.
- + Duy trì trật tự và kỷ luật lao động trong đơn vị theo nội quy lao động của Công ty và quy định của đơn vị.
- + Đào tạo, kèm cặp tay nghề nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất của đơn vị.
- + Thực hiện thống kê doanh thu, sản lượng, chi phí, năng suất lao động, lao động tiền lương, thống kê kỹ thuật ... nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- + Chấp hành nghiêm túc các nội quy, quy định của Công ty về quản lý tài sản, điều động, bố trí máy móc, thiết bị, nhân lực của đơn vị.
- + Chịu sự kiểm tra của Công ty và các cấp có thẩm quyền về công tác quản lý và thực hiện chế độ, chính sách cho người lao động.
- + Động viên, khuyến khích CBCNV trong đơn vị phát huy năng lực sáng tạo, nâng cao hiệu quả quản lý, cải tiến kỹ thuật, hoàn thiện quy trình sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong sản xuất.
- + Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, đảm bảo quyền dân chủ của người lao động trong việc tham gia quản lý xí nghiệp, Công ty theo quy định của pháp luật và Quy chế thực hiện dân chủ ở Công ty.
- + Thực hiện chế độ, quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và của Công ty.
- + Tổ chức thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động; công tác phòng chống cháy nổ; phòng chống lụt bão giảm nhẹ thiên tai theo quy định của nhà nước, Công ty.



- + Thành lập, quản lý và sử dụng lực lượng tự quản về an ninh trật tự, phối hợp với các lực lượng bảo vệ đảm bảo tốt an ninh trong địa bàn được giao và góp phần thực hiện tốt công tác An ninh - quốc phòng của Công ty.
- + Thực hiện chế độ thông tin kịp thời về tình hình sản xuất, an toàn lao động và an ninh trật tự của đơn vị theo quy định. Báo cáo định kỳ, đột xuất các mặt hoạt động của đơn vị theo quy định. Chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của các số liệu báo cáo.
- + Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban điều hành phân công.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của công ty và những người liên quan, danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông tại ngày 21/09/2020

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 21/09/2020

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1.	Công ty cổ phần Tập đoàn T&T	2A Phạm Sư Mạnh, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	49.212.432	98,33
	Tổng		49.212.432	98,33

Danh sách người có liên quan đến Công ty cổ phần Tập đoàn T&T – cổ đông lớn

TT	Họ và tên	Quan hệ với cổ đông lớn	CMND	Số CP sở hữu tại CQN	Tỷ lệ sở hữu
1.	Đỗ Quang Hiến	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	010142347	0	0%
2.	Lê Thị Thanh	Thành viên HĐQT	036135000376	0	0%
3.	Mai Xuân Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	B5998308	0	0%
4.	Đỗ Vinh Quang	Thành viên HĐQT	013185827	0	0%
5.	Nguyễn Tất Thắng	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	011565204	0	0%
6.	Nguyễn Thị Thanh Bình	Phó TGD	017182000021	0	0%
7.	Nguyễn Anh Tuấn	Phó TGD	001071000607	0	0%
8.	Alok Bharadwaj	Phó TGD	Z3134739	0	0%
9.	Nguyễn Mạnh Hùng	Giám đốc Ban Kế toán kiêm Kế toán trưởng	013142016	0	0%

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 21/09/2020

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông Nhà nước	-	-	-
II. Cổ đông trong nước	493	50.049.726	100



Cá nhân	490	757.604	1,51
Tổ chức	3	49.292.122	98,49
III. Cổ đông ngoài nước	3	210	-
Cá nhân	3	210	-
Tổ chức	-	-	-
Tổng	496	50.049.936	100,00

Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ

Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh là doanh nghiệp được hình thành từ cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước và không có cổ đông sáng lập khi chuyển đổi thành công ty cổ phần.

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của CQN, những công ty mà CQN đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với CQN

a) Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh:

Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T

Địa chỉ : 2A Phạm Sư Mạnh, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : 084 24 7308 1616

Giấy CNĐKDN : số 0100233223 do Sở KH và ĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/11/2007, cấp thay đổi lần 19 ngày 5/9/2018

Hoạt động kinh doanh chính : Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản

Vốn điều lệ : 15.000.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu tại CTCP Cảng Quảng Ninh tính đến thời điểm 31/12/2019 : 49.212.432 CP tương ứng 98,33%/ VDL

Giá trị vốn góp : 492.124.320.000 đồng (tính theo mệnh giá)

b) Công ty con:

Không có

c) Công ty liên doanh, liên kết:

Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc:

Địa chỉ : Số 1, Cái Lân, P. Bãi Cháy, Hạ Long, Quảng Ninh

Điện thoại : 02033.525.968



Giấy CNĐKDN : Số 5701299002 do Sở KHĐT tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 28-07-2009

Hoạt động kinh doanh chính : Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

Vốn điều lệ : 8.500.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của CTCP Cảng Quảng Ninh tại CTCP Vinalines Đông Bắc tính đến thời điểm 31/12/2019 : 200.000 CP tương ứng 23,53%/ VDL

Giá trị vốn góp : 2.000.000.000 đồng (tính theo mệnh giá)

d) Các khoản đầu tư vào đơn vị khác

Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam:

Địa chỉ : Phòng 405, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh – P. Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : 024 3577 2047

Giấy CNĐKDN : 0102345275 do Sở kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 10/08/2007. Giấy ĐKDN thay đổi lần thứ 10 ngày 28/05/2014

Hoạt động kinh doanh chính : Vận tải hàng hóa, Kho bãi và lưu giữ hàng hóa, nuôi trồng thủy sản,...

Vốn điều lệ : 141.621.300.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của CTCP Cảng Quảng Ninh tại CTCP Vinalines Logistics Việt Nam tính đến thời điểm 31/12/2019 : 100.000 CP tương ứng 0,71%/ VDL

Giá trị vốn góp : 1.000.000.000 đồng (tính theo mệnh giá)

Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân Việt Nam:

Địa chỉ : Số 1, Cái Lân, P. Bãi Cháy, Hạ Long, Quảng Ninh

Điện thoại : 02033.512.868

Giấy CNĐKDN : mã số thuế 5700688013 do Sở kế hoạch đầu tư Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 02/11/2007. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gần nhất thay đổi lần thứ 4 ngày 25/08/2017

Hoạt động kinh doanh chính : Vận tải hàng hóa, kho bãi, lưu giữ hàng hóa, Bốc xếp hàng hóa, Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ...

Vốn điều lệ : 365.050.000.000 đồng



Tỷ lệ sở hữu của CTCP Cảng
Quảng Ninh tại CTCP Đầu tư
Cảng Cái Lân Việt Nam tính
đến thời điểm 31/12/2019 : 2.970.999 CP tương ứng 8,14%/ VDL

Giá trị vốn góp : 29.709.990.000 đồng (tính theo mệnh giá)

Ngân hàng TMCP Hàng hải:

Địa chỉ : 54A Nguyễn Chi Thanh, phường Láng Thượng, Đống Đa,
Hà Nội

Điện thoại :

Giấy CNĐKDN : Số 0200124891 cấp ngày 01/07/2005, thay đổi gần nhất
22/01/2019

Hoạt động kinh doanh chính : Huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ
các tổ chức, cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn,
thực hiện các giao dịch ngoại tệ...

Vốn điều lệ : 11.750.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của CTCP Cảng
Quảng Ninh tại Ngân hàng
TMCP Hàng hải tính đến thời
điểm 31/12/2019 : 87.816 CP tương ứng 0,01%/ VDL

Giá trị vốn góp : 878.160.000 đồng (tính theo mệnh giá)

Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch ngôi sao Hạ Long:

Địa chỉ : Số 6 Lê Thánh Tông, Phường Hồng Gai, Hạ Long, Quảng
Ninh

Điện thoại : 0982281339

Giấy CNĐKDN : Số 2203001535 do Sở KHĐT Tỉnh Quảng Ninh cấp ngày
05/08/2008

Hoạt động kinh doanh chính : Kinh doanh dịch vụ khách sạn, siêu thị, sân golf, bể bơi...
Dịch vụ lữ hành, nội địa quốc tế..

Vốn điều lệ : 60.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của CTCP Cảng
Quảng Ninh tại CTCP
Thương mại và Du lịch ngôi
sao Hạ Long tính đến thời
điểm 31/12/2019 : 805.800 CP tương ứng 13,43%/ VDL

Giá trị vốn góp : 8.058.000.000 đồng (tính theo mệnh giá)

Tổng Công ty Rau quả nông sản – CTCP:



Địa chỉ	: Số 2 Phố Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên, Q Đống Đa – Hà Nội
Điện thoại	: 043.852.3063
Giấy CNĐKDN	: số 0101385740 do sở kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 30/06/2010, thay đổi lần 2 ngày 04/01/2016
Hoạt động kinh doanh chính	: Trồng cây, nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp, Trồng trọt chăn nuôi hỗn hợp, bán buôn sản phẩm nông nghiệp...
Vốn điều lệ	: 713.000.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu của CTCP Cảng Quảng Ninh tại Tổng Công ty Rau quả nông sản - CTCP tính đến thời điểm 31/12/2019	: 8.717.691 CP tương ứng 12,23%/ VDL
Giá trị vốn góp	: 87.176.910.000 đồng (tính theo mệnh giá)

5. Quá trình tăng vốn điều lệ

Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh chính thức chuyển đổi mô hình từ Công ty TNHH một thành viên sang Công ty cổ phần từ ngày 22/08/2014 với quy mô vốn điều lệ thực góp là 500.499.360.000 đồng. Kể từ thời điểm cổ phần hóa, Công ty chưa thực hiện tăng vốn đợt nào.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty

Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh (Cảng Quảng Ninh) là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh cảng biển và kinh doanh thương mại hàng hóa nông sản. Về hoạt động kinh doanh cảng biển, có thể kể đến một số nhóm hàng chính thông qua cảng như: nông sản (ngô, lúa mỳ, khô đậu tương), dăm gỗ, viên gỗ nén, xi măng, sô đa, quặng, sắt thép phế liệu, hàng thực phẩm, hàng thiết bị, hàng container... Sản lượng hàng hóa thông qua cảng và sản lượng hàng hóa xếp dỡ trong năm 2019 lần lượt là 8.120.073 tấn và 8.358.458 tấn. Về hoạt động kinh doanh thương mại hàng hóa nông sản, Công ty chủ yếu kinh doanh mặt hàng thức ăn chăn nuôi như ngô và lúa mỳ. Sản lượng hàng nông sản kinh doanh trong năm 2019 đạt 971.902 tấn.

Trong nhiều năm liền, Cảng Quảng Ninh luôn là một trong những cảng dẫn đầu cả nước về sản lượng hàng hóa thông qua, xác lập và giữ vai trò là cảng quan trọng của hoạt động giao thương phía Bắc, là cửa ngõ giao thông lớn của đất nước.

Trong hệ thống cảng biển Việt Nam, Cảng Quảng Ninh được đánh giá là một trong những cảng có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển. Bên cạnh đó, Cảng Quảng Ninh còn được khách hàng tín nhiệm bởi cách thức làm việc linh hoạt, trách nhiệm và chuyên nghiệp. Từ nhiều năm qua Cảng luôn được các chủ hàng, chủ tàu trong nước và quốc tế biết đến với năng suất, chất lượng cao, giải phóng tàu nhanh. Đó cũng chính là những yếu tố giúp Cảng nâng cao được khả năng cạnh tranh trên thị trường, khẳng định thương hiệu và giữ vững tốc độ tăng trưởng hàng năm.

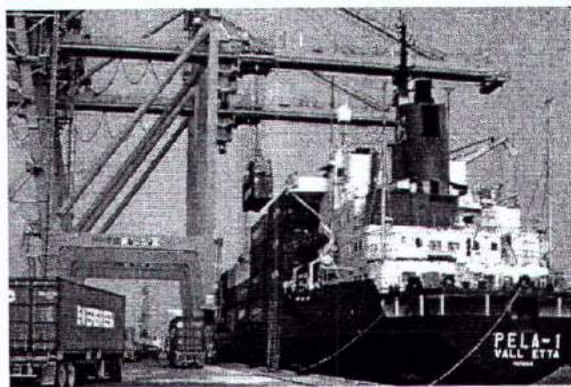
Các hoạt động/dịch vụ chính mà CTCP Cảng Quảng Ninh cung cấp có thể kể đến như: Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa tại cầu cảng và vùng neo; Dịch vụ cầu bến, điểm neo; Dịch vụ kinh doanh kho, bãi và các dịch vụ kèm theo; Dịch vụ tàu lai; Dịch vụ thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu; Dịch vụ giao nhận; Dịch vụ vận tải hàng hóa; Dịch vụ kiểm dịch; Dịch vụ đại lý tàu biển, Kinh doanh thương mại hàng hóa nông sản...

a) Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa tại cầu cảng và vùng neo

Với năng lực máy móc, thiết bị, Cảng Quảng Ninh có thể đáp ứng tiếp nhận làm hàng cùng lúc tới 6 tàu Panamax hàng nông sản (3 trong cầu và 3 ngoài neo) hoặc 3 tàu dầm gỗ cùng làm trong cầu.

Các mặt hàng khác, tùy thuộc vào nhu cầu của quý khách hàng/đại lý Cảng Quảng Ninh có thể bố trí tiếp nhận được nhiều tàu làm hàng cùng một lúc ở nhiều vị trí làm hàng khác nhau.

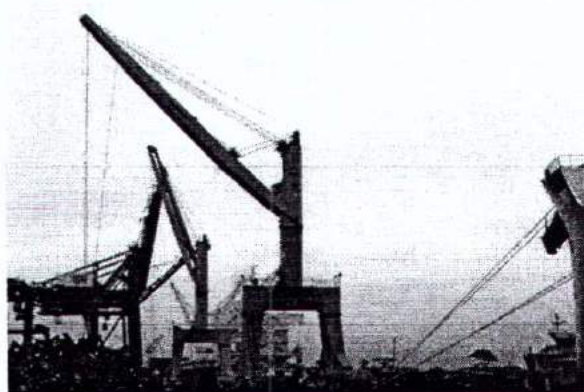
- Một số trang thiết bị, phương tiện, công cụ xếp dỡ trong cầu:



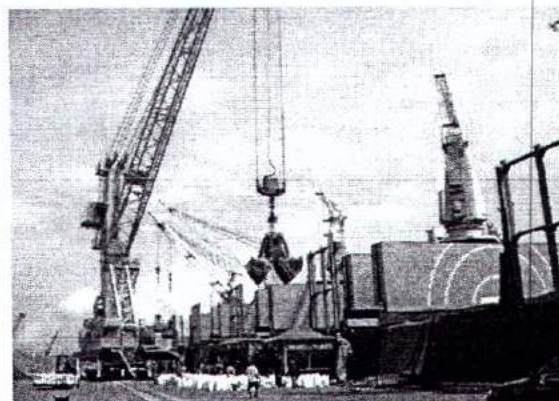
02 cầu giàn STS, Sức nâng: 50 tấn, Tầm với: 37m



Cầu Gottwald, Sức nâng: 52 tấn, Tầm với: 44m



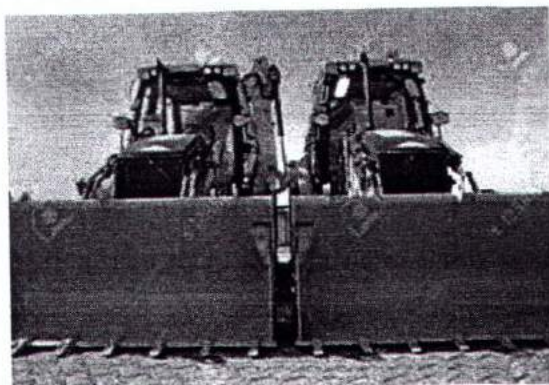
04 cầu chạy trên ray, Sức nâng: 10-40 tấn, Tầm với: 32m



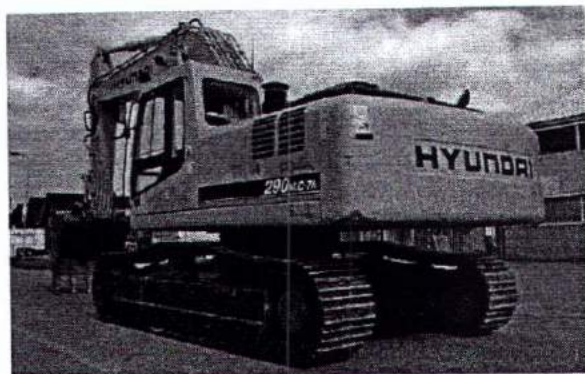
02 cầu bờ di động, Sức nâng: 64-104 tấn, Tầm với: 19-38m



10 xe gạt



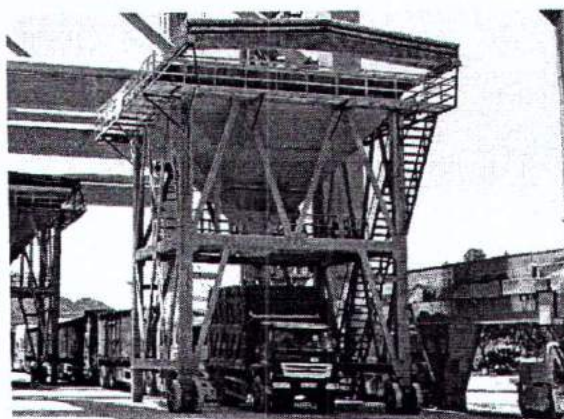
10 xe xúc lật



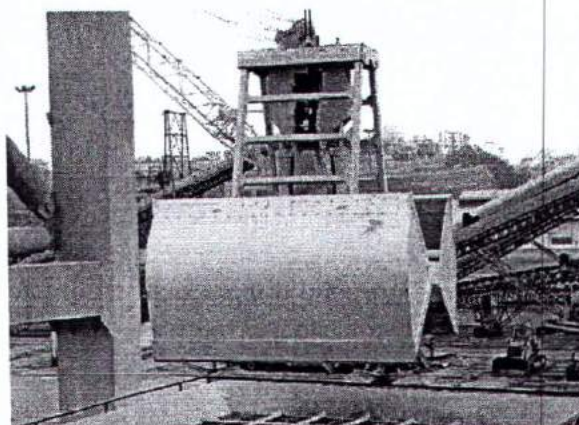
06 xe cuốc đào



Đội xe vận tải



08 phễu hàng rời



12 ngoạm 10-25m³

▪ Một số thiết bị xếp dỡ ngoài neo. Liên kết để cung cấp dịch vụ xếp dỡ cầu nổi ngoài neo đối với mặt hàng nông sản, than, quặng..:

TT	Tên thiết bị	DA Loại cầu/ Xuất xứ	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Tầm với (m)	Độ cao nâng cần (m)	Sức nâng (tấn)	Dung tích gàu (m ³)
1	Máy Cầu xoay Huy Mạnh 19	Đức		01	36	50	36	25
2	Máy Cầu Huy Mạnh 18	Nhật Bản		02	30	50	30	12



TT	Tên thiết bị	DA Loại cầu/ Xuất xứ	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Tầm với (m)	Độ cao nâng cần (m)	Sức nâng (tấn)	Dung tích gầu (m ³)
3	Cầu Huy Mạnh 68	Nhật Bản		02	30	50	30	12
4	Máy Cầu Huy Mạnh 09	Trung Quốc		01	32	50	25	15
5	Máy cầu Huy Mạnh 06 (Cầu 12)	Thụy Điển	2019	01	28	50	36	14
6	Máy Cầu NET 08	Nhật Bản		01	20	30	16	3,5
7	Máy Cầu HITACHI KH 100D	Nhật Bản		01	15	30	16	3
8	Máy Cầu HITACH KH 100 -2	Nhật Bản		02	15	30	16	3
9	Máy Cầu Huy Mạnh 89	Thụy Điển	Q3/2020	02	28	50	36	18

b) Dịch vụ cầu bến, điểm neo

STT	Tên cầu bến/Điểm neo	Chiều dài/ Đường kính	Độ sâu trước bến	Size tàu lớn nhất				Ghi chú
				DWT	Mớn	Dài	Rộng	
1	Cầu 5	220	-11.5	85.000	10 - 10.5	229	38	Tàu/ Sà lan
2	Cầu 6	200	-11.5	85.000	10 - 10.5	229	38	Tàu/ Sà lan
3	Cầu 7	230	-11.5	85.000	10 - 10.5	229	38	Tàu/ Sà lan
4	Cầu 1	166	-9.5	2.500	8.5	145	20	Tàu/ Sà lan
5	Cầu phụ	80	-4.5					Chỉ làm sà lan
6	Điểm neo 1	360	-6.7					Tàu/ Sà lan có mớn phù hợp
7	Điểm neo 2	400	-7.7					
8	Điểm neo 3	320	-6.1					
9	Điểm neo 4	450	-8.2					
10	Điểm neo 5	320	-6.7					

* Ghi chú: Luồng vào cảng Cái Lân

- Tổng chiều dài: Tổng chiều dài 21 hải lý, gồm 2 đoạn:

+ Từ phao số 0 đến Hòn Một dài 14 hải lý, rộng 300 – 400m, sâu -13 đến -20m

+ Từ Hòn Một đến bến Cảng Cái Lân dài 7 hải lý , rộng: 130m, sâu: -10m

- Căn cứ vào size tàu, con nước, vị trí làm hàng CQN sẽ phối hợp với Cảng vụ Quảng Ninh, Hoa tiêu sẽ bố trí và dẫn tàu ra vào cầu hoặc điểm neo an toàn.

c) Dịch vụ kinh doanh kho, bãi và các dịch vụ kèm theo

➤ **Kinh doanh kho**

STT	Tên kho	Diện tích (m ²)	SL hàng hóa (Tấn)	Công năng	Ghi chú
1	CQN 01	4.200	12.000	Chứa hàng tổng hợp (Hàng TACN; Xi măng; Quặng; Gỗ viên nén; Hàng bách hóa ...)	- SL hàng hóa (Max đến 100.000 tấn) tính theo sức chứa hàng TACN (Khô đậu) - SL hàng hóa (Max) tính theo sức chứa hàng xi măng bịch (2 tấn/bịch).
2	CQN 02	4.200	12.000		
3	CQN 03	1.000	2.400		
4	CQN 05	10.080	4.500		
5	CQN 06	4.780	1.500		
6	CQN 08	2.100	6.500		
7	Kho 720m ²	720	3.000		

➤ **Kinh doanh bãi**

STT	Tên bãi	Diện tích (m ²)	SL hàng hóa (Max)	Công năng	Ghi chú
1	Bãi 5	25.298	101.192	Chứa hàng tổng hợp	4 tấn/m ²
2	Bãi 6	52.000	208.000	Chứa hàng tổng hợp	4 tấn/m ²
3	Bãi 7 gồm:	26.000	1.500		
3.1	Bãi cont	18.572	1.100	Chứa Container	Tính cho container 40 feet
3.2	Bãi cont lạnh	7.428	400	Chứa Container	Tính cho container 40 feet
4	Bãi cầu 1	9.462	37.848	Chứa hàng tổng hợp	4 tấn/m ²
5	Bãi cầu phụ	2.960	11.840	Chứa hàng tổng	4 tấn/m ²

				hợp	
6	Bãi khác	25.650	126.000		
6.1	<i>Bãi đổ bê tông</i>	11,700	70,200	<i>Chứa hàng tổng hợp</i>	6tấn/m ²
6.2	<i>Bãi chưa đổ bê tông</i>	13,950	55,800	<i>Chứa hàng tổng hợp</i>	4 tấn/m ²

➤ **Dịch vụ cân**

STT	Tên cân	Rộng	Dài	Trọng tải	Công năng	Năng suất (Xe/Ca)
1	Cân 1	3.5	15	80 tấn	Chuyên sd cân các xe tải nhỏ, xe ben	75
2	Cân 2	3.5	15	80 tấn	Chuyên sd cân các xe tải nhỏ, xe ben	80
3	Cân 3	3.5	15	80 tấn	Chuyên sd cân các xe tải nhỏ, xe ben	110
4	Cân 4	3.5	15	80 tấn	Chuyên sd cân các xe tải nhỏ, xe ben	110
5	Cân 5	3	18	120 tấn	Chuyên sd cân các xe cont, đầu kéo, xe ben, tải nhỏ.	75
6	Cân 6	3	18	120 tấn	Chuyên sd cân các xe cont, đầu kéo, xe ben, tải nhỏ.	75
7	Cân 7	3	18	80 tấn	Chuyên sd cân các xe cont, đầu kéo, xe ben, tải nhỏ.	85

➤ **Các dịch vụ kèm theo kho, bãi**

STT	Tên dịch vụ	Tên dịch vụ
1	Kiểm đến/ Giao nhận	Vận tải hàng, container vào kho, bãi
2	Đóng/ rút container	Nâng hạ hàng trong kho, bãi
3	Vun gom hàng trong kho	Nâng hạ container
4	Bóc xúc hàng trong kho	Cho thuê thiết bị

d) **Dịch vụ tàu lai**

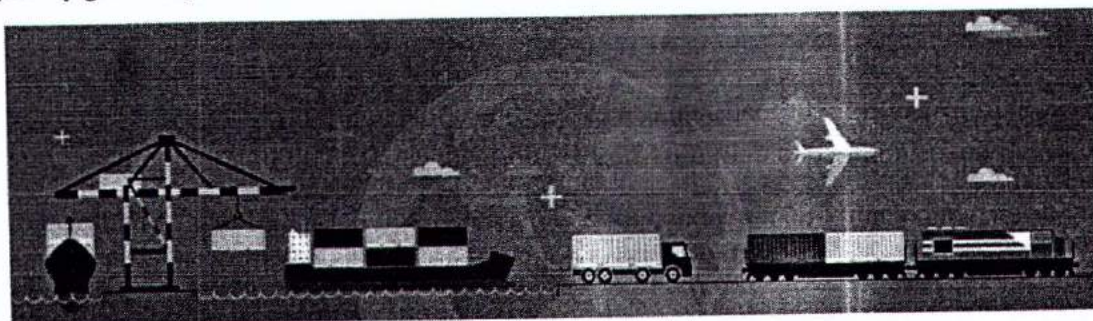
CTCP Cảng Quảng Ninh cung cấp các dịch vụ lai dắt theo yêu cầu của khách hàng :

STT	Tên phương tiện	Công suất	Tổng dung tích	Kiểu tàu	Đối tượng phục vụ	Vùng hoạt động
1	Tàu Hồng Gai	1,260 CV	134GT	Loại tàu kéo	Phục vụ tàu có chiều dài từ 80m đến dưới 170m	Biển hạn chế III - Biển Việt Nam, cách bờ không quá 20 hải lý
2	Tàu Hạ Long 08	3,200 CV	192GT	Loại tàu kéo	Phục vụ tàu có chiều dài từ 80m trở lên	Biển hạn chế I - Biển Việt Nam, cách bờ không quá 200 hải lý

e) Dịch vụ thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu

- Tư vấn những giải pháp thông quan cho lô hàng của khách hàng một cách nhanh nhất, an toàn nhất tuân thủ chặt chẽ theo luật pháp Việt Nam hiện hành cũng như công ước quốc tế. Công ty hiểu biết sâu sắc những quy định, chính sách của chính quyền địa phương và đảm bảo rằng hàng hóa được lưu thông và thời hạn giao hàng được đáp ứng đúng hẹn.
- Tư vấn miễn phí đầy đủ quy trình và thủ tục giấy tờ cho các loại hình xuất khẩu và nhập khẩu, mã số HS, và các chế độ ưu đãi thuế phù hợp nhất với từng mặt hàng.
- Thay mặt cho các nhà nhập khẩu và xuất khẩu để đảm bảo rằng hàng hóa được thông quan nhanh chóng và hiệu quả.
- Thay mặt khách hàng chuẩn bị giấy tờ nhập khẩu và xuất khẩu theo quy định của hải quan và luật pháp.
- Cung cấp dịch vụ tư vấn hàng hoá, thuế và mức thuế suất, hàng hóa hạn chế xuất nhập khẩu, tỷ giá, các loại hình thủ tục hải quan, thư tín dụng, yêu cầu bảo hiểm, vận chuyển nội địa và quốc tế và quy định giao thông vận tải và thuế quan...
- Thay mặt khách hàng thanh toán các khoản thuế, lưu kho, các chi phí khác để giải phóng hàng hóa
- Tư vấn các thủ tục cho hàng nông sản nhập khẩu, quy trình kiểm dịch thực vật, động vật... nhằm hỗ trợ khách hàng trọn gói khi làm thủ tục nhập khẩu qua Công ty.
- Với đội ngũ nhân viên được đào tạo bài bản và có kinh nghiệm, Công ty có thể đáp ứng dịch vụ thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu cho nhiều loại hàng hoá khác nhau như Nông sản, dăm gỗ, sắt thép phế liệu, viên gỗ nén, quặng, than và các loại hàng hóa khác.

f) Dịch vụ giao nhận



Cảng Quảng Ninh cung cấp dịch vụ giao nhận hàng hóa cho khách hàng 24/7. Khách hàng ủy thác cho Cảng thay mặt khách hàng làm các thủ tục cần thiết, giám sát, nhận hàng từ tàu, từ kho Cảng và giao hàng cho các đơn vị mua hàng tại Cảng. Thông tin giữa Cảng và khách hàng luôn được thông suốt và cập nhật báo cáo ngay sau khi nhận/giao hàng.

g) Dịch vụ vận tải hàng hóa

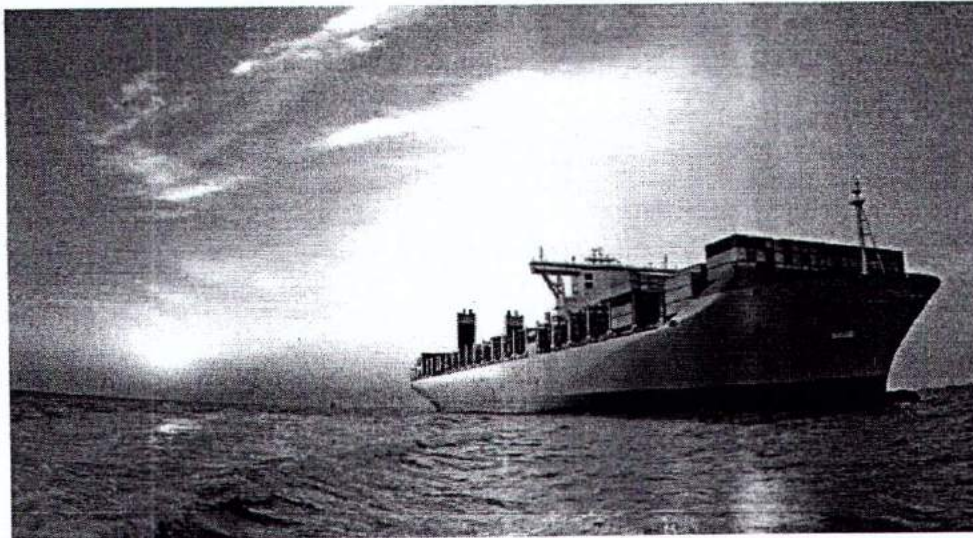
Cảng Quảng Ninh cung cấp dịch vụ vận tải các loại hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy và đường sắt, cụ thể:

- Hàng rời: hàng nông sản, dăm gỗ, viên gỗ nén, quặng, sắt thép phế liệu,...
- Hàng đóng kiện, bao, bịch: xi măng, phân bón, soda, gạch xây dựng,...
- Hàng container

h) Dịch vụ kiểm dịch

Công ty thay mặt đại diện cho chủ hàng đăng kí với cơ quan kiểm dịch (động vật và thực vật), kê khai, lấy mẫu (kiểm dịch thực vật), tập hợp, bổ sung các chứng từ theo quy định của cơ quan kiểm dịch.

i) Dịch vụ đại lý tàu biển



Các dịch vụ đại lý tàu biển mà Công ty có thể cung cấp cho khách hàng:

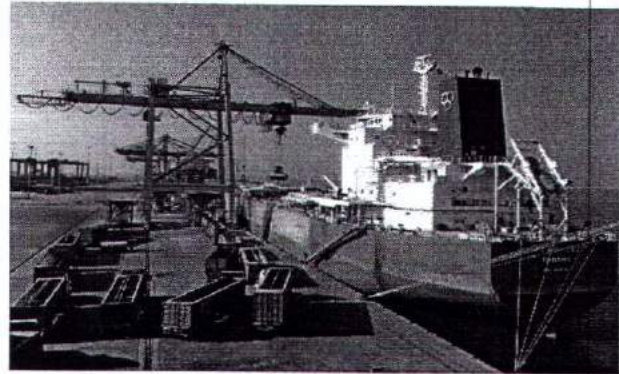
- Thông báo về tình trạng luồng lạch, cầu bến, năng lực giải phóng tàu, dự tính cảng phí cho người ủy thác trước khi tàu đến.
- Thu xếp các thủ tục cho tàu ra vào cảng biển, thu xếp hoa tiêu, cầu bến, bố trí tác nghiệp xếp dỡ hàng hóa, xử lý các tình huống phát sinh với các bên hữu quan và nhà chức trách địa phương.
- Thu xếp dịch vụ cung ứng nước ngọt, phụ tùng vật tư, hải đồ và ấn phẩm hàng hải, giám định hàng hải, sửa chữa tàu với chi phí hợp lý, cạnh tranh.
- Lập báo cáo tàu rời, quyết toán cảng phí, thu nhập chứng từ và thanh toán các khoản phí theo ủy quyền của người ủy thác.
- Các nghiệp vụ môi giới thuê tàu và tư vấn thông tin
- Thu xếp hộ chiếu, thị thực, dịch vụ y tế, thay đổi và hồi hương thuyền viên, các dịch vụ đại lý

bảo vệ quyền lợi chủ tàu khác.

- Giải quyết các tranh chấp hàng hải, thu xếp cứu hộ hàng hải và tham gia xử lý tai nạn hàng hải.

- Dịch vụ sửa chữa tàu biển.

j) Hoạt động kinh doanh thương mại hàng hóa nông sản



Trong những năm gần đây các nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi khu vực phía bắc được hình thành tăng về quy mô và số lượng dẫn đến nhu cầu nhập khẩu hàng hóa qua cảng có xu thế tăng trưởng mạnh mẽ, các Shipper có xu hướng dịch chuyển đưa tàu Panamax ra khu vực phía bắc thay vì tàu về phía nam rồi chuyển tải bằng các tàu cỡ 20.000 – 25.000 tấn ra ngoài bắc.

Để phát huy lợi thế sẵn có nguồn khách hàng từ kinh doanh khai thác cảng biển, ngoài kinh doanh cảng biển Công ty tham gia kinh doanh thương mại hàng nông sản. Đây là mặt hàng chính, chủ lực thông qua cảng, qua đó là cơ hội để tiếp cận thực hiện mua bán hàng hóa nông sản từ các nhà cung cấp và bán lại nhằm cung cấp dịch vụ trọn gói cho khách hàng từ mua bán, xếp dỡ, vận chuyển, giao nhận, bảo quản lưu trữ hàng hóa,... Công ty chủ yếu kinh doanh mặt hàng thức ăn chăn nuôi như ngô, lúa mỳ, hạt đậu, cám khô đậu... Sản lượng hàng nông sản kinh doanh trong năm 2019 đạt 971.902 tấn.

6.2. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Cơ cấu doanh thu qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

Doanh thu	Năm 2018		Năm 2019		9T/2020
	Giá trị	So sánh cùng kỳ	Giá trị	So sánh cùng kỳ	Giá trị
I. Kinh doanh dịch vụ cảng biển	415.506	108%	417.752	100,5%	281.415
1. Phí bốc xếp	255.719	115%	258.322	101%	181.626
2. Phí cầu bến	44.816	93%	39.243	88%	27.671
3. Tiền hàng hóa qua cảng	16.965	95%	15.320	90%	11.494
4. Tiền vận chuyển hàng	26.682	114%	26.521	99,6%	18.249
5. Lưu kho, bãi	29.063	86%	34.024	117%	17.036
6. Các dịch vụ khác	42.261	108%	44.322	104%	25.340
II. Kinh doanh thương mại hàng hóa nông sản	4.624.672	Không có số liệu so sánh	5.171.844	111%	1.151.510
Tổng cộng	5.040.178	393%	5.589.596	110%	1.432.925

Nguồn: CTCP Cảng Quảng Ninh, BCTC kiểm toán năm 2019 của CQN

Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh đã hoạt động lâu năm trong lĩnh vực kinh doanh Cảng biển, logistics. Doanh thu từ kinh doanh Cảng biển tăng trưởng qua từng năm cụ thể năm 2018 doanh thu đạt 415,5 tỷ đồng tăng 8% so với năm 2017; đến năm 2019 Doanh thu đạt 417,7 tỷ đồng tăng 0,5% so với năm 2018. Mặc dù trong giai đoạn này, Công ty gặp sự cạnh tranh gay gắt từ các cảng xung quanh như Cảng CICT, Cảng Đình Vũ, Cụm Cảng Hải Phòng nhưng với uy tín về chất lượng dịch vụ, Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh vẫn ổn định sản xuất và tăng trưởng qua các năm.

Năm 2017, nhằm phát huy lợi thế sẵn có nguồn khách hàng từ kinh doanh khai thác cảng biển, Công ty quyết định thử nghiệm hoạt động kinh doanh thương mại hàng hóa nông sản và ghi nhận doanh thu từ Quý 3 năm 2017. Từ đó đến nay, hoạt động kinh doanh thương mại đã đóng góp doanh thu và hiệu quả vào kết quả chung của Cảng Quảng Ninh.

Cơ cấu doanh thu biến động qua các năm nguyên nhân do sự thay đổi về tác nghiệp trong từng dịch vụ của khách hàng khi cập cảng nhưng vẫn đảm bảo tăng trưởng về doanh thu của Cảng Quảng

Ninh.

Trong 9 tháng đầu năm 2020, Đại dịch Covid – 19 làm cho hoạt động thông thương hàng hóa giảm mạnh, đặc biệt là giao thương quốc tế, việc tiếp xúc khách hàng bị hạn chế do chính sách giãn cách xã hội đã ảnh hưởng không nhỏ đến Cảng Quảng Ninh. Tổng Doanh thu 9 tháng đầu năm đạt 1.432 tỷ đồng trong đó doanh thu kinh doanh dịch vụ Cảng biển đạt 281 tỷ đồng, doanh thu từ kinh doanh thương mại hàng hóa nông sản đạt 1.151 tỷ đồng.

Tuy nhiên, Công tác kiểm soát tốt dịch bệnh trong nước đã kích thích việc lưu thông hàng hóa nội địa và quốc tế sẽ làm hồi phục kinh tế nói chung và hoạt động kinh doanh Cảng biển tại Cảng Quảng Ninh nói riêng trong Quý 4 năm nay.

Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm

Đơn vị: triệu đồng

Lợi nhuận gộp	Năm 2018		Năm 2019		9T/2020
	Giá trị	So sánh cùng kỳ	Giá trị	So sánh cùng kỳ	Giá trị
Kinh doanh dịch vụ cảng biển	126.823	104%	123.274	97%	84.275
Kinh doanh thương mại hàng hóa nông sản	1.530	<i>Không có số liệu so sánh</i>	972	63%	764
Tổng cộng	128.353	104%	124.246	97%	85.039

Nguồn: CTCP Cảng Quảng Ninh

Tỷ suất lợi nhuận gộp bình quân trên doanh thu của hoạt động kinh doanh dịch vụ cảng biển của Cảng Quảng Ninh luôn ổn định ở mức 30%. Trong đó:

- Lợi nhuận gộp năm 2018 là 126,8 tỷ đồng tăng 4% so với năm 2017. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh thương mại hàng hóa nông sản đạt 1,5 tỷ đồng.
- Lợi nhuận gộp năm 2019 đạt 123,2 tỷ đồng giảm nhẹ 3% so với năm 2018 vì có sự thay đổi trong cơ cấu doanh thu nên biên lợi nhuận gộp cũng thay đổi tương ứng theo từng tác nghiệp. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh thương mại hàng hóa nông sản đạt gần 1 tỷ đồng.

Với lợi thế vị trí địa lý và truyền thống trong ngành kinh doanh dịch vụ Cảng biển, Cảng Quảng Ninh luôn có biên lợi nhuận gộp ổn định và tăng trưởng qua các năm.

Chi phí sản xuất qua các năm

Đơn vị: triệu đồng

Chi phí	Năm 2018		Năm 2019		9T/2020
	Giá trị	So sánh cùng kỳ	Giá trị	So sánh cùng kỳ	Giá trị
Giá vốn hàng bán	4.911.825	418%	5.465.350	111%	1.347.886
Giá vốn kinh dịch vụ Cảng biển	289.047	105%	293.641	102%	197.140
Giá vốn kinh hàng hóa nông sản	4.623.141	<i>Không có số liệu so sánh</i>	5.170.872	111%	1.150.746
Chi phí tài chính	49.596	393%	34.590	70%	64.594
Chi phí bán hàng	-		-		-
Chi phí QLDN	70.696	144%	71.520	101%	45.982
Chi phí khác	1.609	39%	6.336	393%	381
Tổng cộng	5.033.726	406%	5.577.796	110,8%	1.458.843

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019; BCTC Quý III/2020 của CQN

Trong cơ cấu chi phí của Cảng Quảng Ninh, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất tương đương 70%/Doanh thu đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ Cảng biển. Giá vốn hàng bán năm 2018 đạt 289 tỷ đồng và 4.623 tỷ đồng cho 2 hoạt động kinh doanh là Dịch vụ Cảng biển và kinh doanh thương mại tương ứng với Doanh thu năm 2018 là 415 tỷ đồng và 4.624 tỷ đồng. Năm 2019 giá vốn đạt 293,6 tỷ đồng và 5.170 tỷ đồng tương ứng với Doanh thu đạt 293,6 tỷ đồng và 5.171 tỷ đồng.

Chi phí tài chính năm 2018 đến 9 tháng 2020 dao động từ 34,5 tỷ đồng đến 64,5 tỷ đồng là lãi chậm trả của các hợp đồng thương mại được bù trừ tương ứng với doanh thu tài chính của các hợp đồng bán ra.

Chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty ổn định và phù hợp qua các năm ở mức 70,6 đến 71,5 tỷ đồng đảm bảo quỹ lương cho khối văn phòng và đặc biệt là công tác marketing đến khách hàng.

Trong 9 tháng năm 2020, Công ty đã cố gắng duy trì tỷ trọng cơ cấu chi phí trên doanh thu ở mức ổn định tại thời điểm khó khăn do dịch Covid – 19 đảm bảo công ăn việc làm cho Người lao động.

6.3. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của CQN

Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019, Công ty hiện một số khoản đầu tư tài chính như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Giá gốc tại ngày 31/12/2019	Giá gốc tại ngày 30/09/2020
1	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	140.000.000.000	70.000.000.000
2	Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết	2.207.213.772	2.207.213.772
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	196.703.805.351	196.703.805.351
Tổng cộng		338.911.019.213	268.911.019.123

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của CQN

(*) Đây là khoản ký gửi vốn vào CTCP Tập đoàn T&T (Tập đoàn T&T) theo hợp đồng hợp tác số 01/2019/CQN-TT ngày 1/1/2019 giữa Công ty và Tập đoàn T&T (Hợp đồng quản lý vốn), theo đó Công ty ký gửi khoản tiền nhàn rỗi cho Tập đoàn T&T quản lý. Khi có nhu cầu rút khoản ký gửi, Công ty sẽ gửi thông báo cho Tập đoàn T&T và yêu cầu Tập đoàn T&T chuyển khoản rút vốn vào tài khoản của Công ty theo chỉ dẫn của Công ty. Khoản ký gửi vốn được hưởng lãi theo mức lãi suất thỏa thuận thống nhất giữa hai bên. (mức lãi suất là 8%/năm).

Bên cạnh đó, trong năm 2019, Công ty có một số hạng mục đầu tư mua sắm thiết bị và xây dựng cơ bản, cụ thể:

➤ Công tác đầu tư, mua sắm thiết bị:

TT	Hạng mục nội dung đã đăng ký kế hoạch năm 2019	Kết quả đạt được năm 2019 so với kế hoạch	% Hoàn thành KH
I	Hạng mục đã thực hiện		
1	Xe xúc lật 955H. - Số lượng: 02 xe - Kinh phí: 2.730.000.000 đ. - Thời gian thực hiện: Quý I	Xe xúc lật 955H. - Số lượng: 02 xe - Kinh phí: 2.500.000.000 đ. - Thời gian thực hiện: Quý I	100%
2	Ngoạm hoa thị 7 cánh 5m3 - Số lượng: 01 cái - Kinh phí: 3.430.000.000 đ - Thời gian thực hiện: Quý I	Ngoạm hoa thị 7 cánh 5m3 - Số lượng: 01 cái - Kinh phí: 2.960.000.000 đ - Thời gian thực hiện: Quý III	100%
3	Phễu rót hàng rời 60m3 - Số lượng: 02 cái - Kinh phí: 2.600.000.000 đ - Thời gian thực hiện: Quý I	Phễu rót hàng rời 60m3 - Số lượng: 02 cái - Kinh phí: 2.279.021.740 đ - Thời gian thực hiện: Quý II	100%
4	Xe gạt D41P - Số lượng: 02 xe - Kinh phí: 3.500.000.000 đ - Thời gian thực hiện: Quý II	Xe gạt D41P - Số lượng: 02 xe - Kinh phí: 1.840.000.000 đ - Thời gian thực hiện: Quý IV	100%
II	Hạng mục thực hiện dở dang/chậm tiến độ		

1.	Xe tải Cửu Long 8T - Số lượng: 02 xe - Kinh phí: 1.800.000.000 đ - Thời gian thực hiện: Quý II	Chưa thực hiện (do chưa có nhu cầu triển khai tiếp)	0%
2	Xe Toyota land cruiser - Số lượng: 01 xe - Kinh phí: 4.200.000.000 đ - Thời gian thực hiện: Quý II	Chưa thực hiện (do chưa có nhu cầu triển khai tiếp)	0%
3	Băng tải chuyển hàng - Số lượng: 01 băng - Kinh phí: 1.500.000.000 đ - Thời gian thực hiện: Quý I	Đã ký HĐ thiết kế băng tải Kinh phí thiết kế 70.000.000 VNĐ (dùng do chưa có nhu cầu triển khai tiếp)	30%
4	Nâng cấp cầu Libbher 1300 - Số lượng: 01 cầu - Kinh phí: 6.400.000.000 đ - Thời gian thực hiện: Quý I	Đã nhận được báo giá của công ty Đại kim, đang làm rõ thông tin về năng lực nhà thầu.	20%
5	Cầu bờ di động đã qua sử dụng sức nâng 50T - Số lượng: 01 cầu - Kinh phí: 35.000.000.000 đ - Thời gian thực hiện: Quý II, III	Chưa thực hiện (do chưa có nhu cầu triển khai tiếp)	0%
6	Nâng cấp xe nâng chụp 42T - Số lượng: 01 xe - Kinh phí: 1.000.000.000 đ - Thời gian thực hiện: Quý I	Đã nhận báo giá của công ty DDại kim và công ty 3S Việt Nam, đang làm rõ thông tin về năng lực nhà thầu	30%
Tổng giá trị KH: 62.160.000.000 đồng		Tổng giá trị đã thực hiện: 9.579.021.740 đồng	

➤ Xây dựng cơ bản (một số hạng mục lớn):

TT	Tên hạng mục	Giá trị (đồng)		Thời gian thực hiện				Đánh giá
		Vốn của Công	Vốn khác	Q1	Q2	Q3	Q4	
1	Các hạng mục sửa chữa duy tu thường xuyên thực hiện dở dang trong năm 2018 chuyển tiếp sang năm 2019: 5 hạng mục	176.326.380		X				Đã thực hiện xong
2	Các hạng mục bảo	410.102.392		X	X	X	X	Đã thực

	duỡng sửa chữa định kỳ: 07 hạng mục							hiện xong
3	Các hạng mục nâng cấp sửa chữa nhỏ (<100 triệu đồng): 05 hạng mục	463.615.603		X	X			Đã thực hiện xong
4	Các hạng mục nâng cấp sửa chữa lớn (>100 triệu đồng): 07 hạng mục	545.893.474		X	X	X	X	Đã thực hiện xong
5	Các hạng mục phát sinh: 62 hạng mục (02 HM sửa chữa bằng vốn khác)	1.951.930.001	389.819.000	X	X	X	X	Đã thực hiện xong
	Tổng	3.547.867.850	389.819.000					

- Về công tác đầu tư mua sắm thiết bị, Công ty đặt kế hoạch đầu tư mua sắm, nâng cấp cho 10 hạng mục trong năm 2019, trong đó có 4 hạng mục (02 xe xúc lật, 01 ngoạm hoa thị 5m³, 02 phễu rót hàng rời 60m³ và 02 xe gạt D41P đã qua sử dụng) đã hoàn thành với tổng giá trị là 9.579 tỷ đồng và có 6 hạng mục đầu tư chưa thực hiện do công tác thẩm định, quyết định các hạng mục đầu tư chưa kỹ lưỡng, một số thiết bị như: cầu libbher 1300, xe nâng chụp 42 tấn không tìm được đơn vị có năng lực sửa chữa phù hợp dẫn đến tiến độ thực hiện các bước đầu tư chậm tiến độ.
- Về công tác xây dựng cơ bản, trong năm 2019, Công ty thực hiện 5/5 nhóm hạng mục đầu tư với tổng giá trị là 3.937.000.000 đồng (trong đó vốn của Cảng: 3.547.000.000 đồng, vốn khác 390.000.000 đồng). Nhìn chung các hạng mục đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019 đều là những hạng mục nhỏ lẻ, phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh. Riêng đối với dự án Sô đồ đồi thượng lưu Bến 1 chưa hoàn thành. Nguyên nhân chính do chính sách bất cập của Nhà nước, thủ tục qua nhiều các cấp có thẩm quyền giải quyết, thời gian chờ đợi kéo dài.

6.4. Hoạt động Marketing

Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường kinh doanh cảng biển ở Việt Nam đòi hỏi các công ty cảng biển muốn đi đến thành công phải không ngừng xây dựng và củng cố hình ảnh đối với khách hàng hiện có cũng như khách hàng tiềm năng. Do đó, bên cạnh công tác đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ nhằm ngày càng đáp ứng tốt hơn các nhu cầu của khách hàng, CTCP Cảng Quảng Ninh luôn quan tâm, chú trọng tới hoạt động Marketing. Công ty xác định việc thực hiện tốt chính sách Marketing, tăng cường sức cạnh tranh cho sản phẩm, dịch vụ sẽ góp phần quan trọng vào việc xây dựng, quảng bá thương hiệu của Công ty, thu hút khách hàng sử dụng sản phẩm dịch vụ của Công ty ngày tăng lên, từ đó thúc đẩy việc nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Để thực hiện điều này, trong thời gian qua, Công ty đã triển khai một số hoạt động như:

- Thăm văn phòng, quảng bá hình ảnh với các Shipper, Trader nông sản thế giới tại Singapore, Indonesia.
- Tùy theo đối tượng khách hàng định kỳ tháng, quý năm gặp, làm việc và giao lưu các khách hàng trong nước, các shipper nước ngoài có văn phòng tại Việt Nam.

- Tham dự các Hội nghị xúc tiến thương mại Việt Nam tại Trung Quốc.
- Tài trợ cho CLB bóng đá Hà Nội T&T và CLB bóng đá Sài Gòn. Trên áo thi đấu chính thức của 2 CLB bóng đá có in logo của Công ty.
- Tài trợ Quỹ thiện nguyện Cargill Cares của tập đoàn Cargill, một trong các tập đoàn nông sản hàng đầu thế giới.
- CQN là thành viên tổ giúp việc tham mưu cho UBND tỉnh Quảng Ninh triển khai Nghị Quyết số 15-NQ/TU, ngày 23/4/2019, của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, về phát triển cảng biển và dịch vụ cảng biển trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được kỳ vọng sẽ là bàn đạp để thúc đẩy cảng biển và dịch vụ cảng biển Quảng Ninh phát triển nhanh, mạnh hơn nữa. Qua đó là cầu nối giữa các khách hàng của Cảng với UBND tỉnh Quảng Ninh về cơ chế, chính sách cũng như tháo gỡ những vướng mắc khó khăn.
- Song song với các hoạt động thúc đẩy kinh doanh, xây dựng thương hiệu, CQN luôn duy trì công tác xây dựng hình ảnh là doanh nghiệp có trách nhiệm với xã hội, hướng tới cộng đồng bằng các chương trình vô cùng ý nghĩa như: ủng hộ đồng bào Miền Trung bị thiệt hại nặng nề do mưa bão; quyên góp ủng hộ trong công tác phòng chống dịch Covid – 19, tổ chức hoạt động hiến máu nhân đạo...
- Bên cạnh đó là các hoạt động quảng bá hình ảnh trên các phương tiện thông tin đại chúng, Internet, thiết kế và in ấn profile gửi đối tác, khách hàng.

Một số hình ảnh hoạt động của CQN trong thời gian qua



Ảnh 1: CTCP Cảng Quảng Ninh quyên góp ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do thiên tai



Ảnh 2: CTCP Cảng Quảng Ninh quyên góp ủng hộ phòng chống dịch Covid - 19



Ảnh 3: CTCP Cảng Quảng Ninh là nhà tài trợ CLB bóng đá Hà Nội T&T và CLB bóng đá Sài Gòn



Ảnh 4: Công ty TNHH Thép đặc biệt VN Shengli và Cảng Quảng Ninh tổ chức kỉ niệm 10 năm hợp tác & giao lưu, văn hóa, văn nghệ, thể thao tại Cảng Quảng Ninh

6.5. Trình độ công nghệ

➤ Nhân lực công nghệ thông tin

- Cơ bản trình độ tin học văn phòng của CBCNV khối văn phòng toàn Công ty đều đạt trình độ A trở lên, thành thạo các ứng dụng văn phòng, phần mềm ứng dụng trong quản lý và khai thác. Từ năm 2020, Công ty thường xuyên tổ chức tập huấn, nâng cao trình độ tin học cho CBCNV nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng, tiến độ công việc trong thời buổi công nghệ 4.0.
- Bộ phận Công nghệ thông tin: Gồm 4 nhân sự, trong đó
 - + 02 nhân sự chuyên trách lĩnh vực nghiên cứu và phát triển phần mềm ứng dụng
 - + 02 nhân sự chuyên trách lĩnh vực hạ tầng và phần cứng thiết bị CNTT

➤ Hạ tầng công nghệ thông tin

- 100% các phòng nghiệp vụ đều được trang bị trang thiết bị làm việc (máy tính, máy in, máy scan,...) và dịch vụ mạng Internet đảm bảo trao đổi thông tin trong và ngoài Công ty.
- Hệ thống thông tin liên lạc (điện thoại bàn, fax) cũng đã trang bị đầy đủ đến các phòng nghiệp vụ, ngoài ra một số bộ phận nghiệp vụ sản xuất 24/24 như Bộ phận Trục ban các xí nghiệp, Trạm Y tế, Bảo vệ trang bị thêm các số Hotline để kịp thời tiếp nhận, xử lý thông tin ngay cả khi hệ thống thông tin liên lạc bị sự cố.
- Có 02 máy chủ chuyên dụng lưu trữ dữ liệu, sao lưu dữ liệu phần mềm ứng dụng.

➤ Hệ thống phần mềm ứng dụng CNTT

- 4.0 là nền công nghiệp xu hướng hiện thời trong việc tự động hóa và trao đổi dữ liệu trong công nghệ sản xuất. Nhận thức rõ điều đó, Cảng Quảng Ninh đã dần dần từng bước tổ chức Bộ phận CNTT chuyên môn cao, đặc biệt về lĩnh vực phần mềm ứng dụng. Kể từ đầu năm 2016 Bộ phận CNTT cùng với độ ngũ cán bộ quản lý có nghiệp vụ chuyên sâu đã tạo lên bước ngoặt đột phá trong việc thúc đẩy ứng dụng CNTT tại Cảng Quảng Ninh. Trực tiếp Bộ

phận CNTT của Cảng đã cùng phối hợp với các phòng nghiệp vụ để phân tích, nghiên cứu và tự xây dựng các phần mềm ứng dụng phục vụ quản lý – điều hành sản xuất – kinh doanh của Công ty. Trong đó có hệ thống phần mềm đã được Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh tặng bằng khen.

- Các phần mềm, thiết bị công nghệ tự động đã và đang ứng dụng tại Công ty gồm:
 - ✓ Nhóm phần mềm mua ngoài
 - + Phần mềm Kế toán Bravo
 - + Hệ thống thư điện tử (email) Office 365
 - + Phần mềm quản lý điều hành khai thác container
 - ✓ Nhóm phần mềm nội bộ tự phát triển
 - + Phần mềm Quản lý nhân sự & tiền lương
 - + Phần mềm Quản lý kho vật tư
 - + Phần mềm Quản lý điều hành khai thác cảng (hàng rời)
 - + Phần mềm Quản lý hải quan điện tử (Xây dựng, triển khai áp dụng từ tháng 8/2016, hệ thống tích hợp trực tiếp vào hệ thống hải quan điện tử của Tổng cục Hải quan. Ứng dụng được Cục HQ tỉnh Quảng Ninh tặng bằng khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ)
 - + Phần mềm quản lý đăng ký xe ra/vào cảng
 - + Phần mềm Quản lý thiết bị (*đang hoàn thiện*)
 - + Phần mềm Quản lý chứng từ kinh doanh (*đang hoàn thiện*)
 - ✓ Thiết bị tự động
 - + Hệ thống cảm biến vị trí: Là hệ thống thiết bị xác định xe đỗ đúng vị trí trên bàn cân một cách tự động, được tích hợp vào phần mềm Quản lý khai thác hàng rời qua cân điện tử nhằm kiểm soát tính hợp lệ trước khi cân, giảm các rủi ro làm giảm trọng tải thực tế dẫn đến mất hàng hóa.
- Hệ thống giám sát an ninh:
 - Cảng đã trang bị hệ thống giám sát an ninh quản lý tập trung:
 - Phòng theo dõi an ninh: Cảng đã lắp đặt 1 phòng máy chủ truyền hình ảnh, lưu trữ và giám sát hỗ trợ điều hành sản xuất toàn Công ty
 - Hệ thống camera: Các vị trí trọng yếu, quan trọng đều đã trang bị hệ thống camera giám sát. Còn một số vị trí đang tiếp tục lập phương án và đầu tư lắp đặt (dự kiến trước Quý 2/2021). Hệ thống camera hiện tại gồm: 02 đầu ghi, 36 mắt Camera.

6.6. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Biểu tượng logo của Công ty:



Công ty đã đăng ký bảo hộ nhãn hiệu CQN và logo của Công ty tại Cục sở hữu trí tuệ. Công ty cũng đã xây dựng được trang website để giới thiệu, quảng bá các sản phẩm, dịch vụ, năng lực kinh doanh, với địa chỉ website của Công ty: quangninhport.com.vn

6.7. Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Các hợp đồng lớn đang được thực hiện

STT	Tên hợp đồng	Số hợp đồng	Năm hợp đồng	Giá trị hợp đồng (đồng)	Giá trị thực hiện thực tế đến 30/09/2020	Đối tác	Thời gian ký kết hợp đồng
1	TACN	2	1	45.000.000.000	27.983.507.185	CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HONG KONG	1/1/2020
2	TACN	8	1	18.000.000.000	7.755.330.816	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM	1/1/2020
3	TACN	68	1	15.000.000.000	6.017.600.583	CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ TM XUÂN TRƯỜNG HAI	1/1/2020
4	TACN	35	1	14.000.000.000	5.673.051.769	CÔNG TY CỔ PHẦN ABC VIỆT NAM	1/1/2020
5	TACN	39	1	13.000.000.000	11.179.095.055	CÔNG TY TNHH TM VẬN TẢI TRUNG THÀNH	1/1/2020
6	DẶM GỖ	24	1	120.000.000.000	5.650.215.103	CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH CÁT PHÚ QUẢNG NINH	1/1/2020
7	TACN	46	1	12.000.000.000	9.200.832.718	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI DUY PHONG	1/1/2020
8	TACN	22	1	10.000.000.000	2.652.172.055	CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT	1/1/2020
9	TACN	77	1	7.000.000.000	5.724.852.844	CÔNG TY TNHH XÂY LÚA MÌ VFM-WILMAR	1/3/2020
10	TACN	10	1	13.000.000.00	10.684.872.138	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT BỘT MỖ VIMAFLOUR	1/1/2020



11	SẮT	208	20	32.000.000.000	29.446.479.760	CÔNG TY TNHH THÉP ĐẶC BIỆT SHENGLI	17/12/2008
12	DĂM GỖ		1	19.000.000.000	10.611.260.767	CÔNG TY TNHH SX NGUYÊN LIỆU GIẤY VIỆT NHẬT CÁI LÂN	18/01/2017
Tổng cộng				305.000.000.000	132.579.270.793		

Nguồn: CQN

6.8. Danh sách nhà cung cấp lớn của CQN

STT	Tên khách hàng	Loại hàng hóa/ dịch vụ
I	Nhóm khách hàng cung cấp hàng hóa nông sản	
1	Công ty Cổ phần Chipsgood - Vegetexco	Nông sản dạng hạt
2	Công ty cổ phần thương mại và đầu tư TIC Hà Nội	Nông sản dạng hạt
3	Công ty cổ phần Càng rau quả	Nông sản dạng hạt
II	Nhóm khách hàng cung cấp Nhiên liệu động lực	
1	Điện lực Thành phố Hạ Long - Công ty Điện lực Quảng Ninh	Điện
2	Công ty CP Nước Sạch Quảng Ninh	Nước
3	Cảng dầu B12	Dầu diesel
4	Công ty TNHH thương mại Yên Hưng	Cung cấp dầu nhớt
5	Cty CPĐT Phát Triển Vương Gia	Cung cấp dầu nhớt
III	Nhóm khách hàng cung cấp Phụ tùng thay thế	
1	Công ty TNHH thiết bị công nghiệp Thái Bảo	Thiết bị máy xúc, xe nâng, cầu, ngoạm.....
2	Công ty TNHH Thương mại Đan Hưng	Thiết bị cầu Liebherr LHM 250
3	Công ty CP dịch vụ thiết bị năng lượng	Thiết bị máy xúc, xe nâng, cầu, ngoạm.....
IV	Nhóm khách hàng cung cấp vật tư khác	
1	CN Công ty TNHH TM DV Hàng hải an Hải Phòng	Mua cáp thép
2	Công ty cổ phần lốp ô tô Thăng Long	Mua lốp các loại



3	Công ty cổ phần Sơn Hải phòng	Cung cấp sơn
4	Công ty cổ phần thương mại Huỳnh Đức	Cung cấp sắt thép
5	Công ty TNHH Vietbuy Thăng Long	Cung cấp vật tư, BHLĐ, bồi dưỡng độc hại
V	Nhóm khách hàng Cung cấp dịch vụ	
1	Công ty cổ phần hàng hải Quảng Hưng	Thuê cầu Gotward, thuê xe vận chuyển...
2	Công ty TNHH Huy Mạnh	Thuê cầu nổi
3	VOSA Quảng Ninh	Thuê vận chuyển
4	Công ty Cổ phần Cảng Thái Hưng	Thuê kho, dịch vụ vận chuyển
5	Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Trường Lộc	Thuê kho, dịch vụ vận chuyển
6	Công ty cổ phần 12-11 Hạ Long	Thuê bốc xúc

Nguồn: CQN

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tăng trưởng	9 tháng/2020
Tổng tài sản	2.823.023.822.543	3.178.190.230.208	12,58%	1.733.990.744.368
Doanh thu thuần	5.040.178.089.401	5.589.595.943.957	10,9%	1.432.924.675.828
Lợi nhuận từ HĐKD	73.921.661.468	63.268.392.041	(14,41%)	46.888.003.349
Lợi nhuận khác	19.991.740.042	20.214.650.429	1,12%	6.897.047.110
Lợi nhuận trước thuế	93.913.401.510	83.483.042.470	(11,1%)	53.785.050.459
Lợi nhuận sau thuế	75.763.105.720	66.752.478.686	(11,89%)	43.042.040.366
Tỷ lệ cổ tức	10%	16%	6%	10%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, BCTC Quý III/2020 của CQN

Năm 2019 được đánh giá là một năm khá tốt trong hoạt động kinh doanh của CQN khi CQN đạt được gần 67 tỷ lợi nhuận sau thuế trong năm 2019, doanh thu thuần và tổng tài sản lần lượt tăng 549 tỷ và 355 tỷ so với năm 2018. Mặc dù doanh thu thuần năm 2019 tăng 10,9% nhưng lợi nhuận sau thuế lại giảm 11,89% so với năm 2018. Nguyên nhân chính ảnh hưởng đến lợi nhuận trong năm 2019 của CQN là do thay đổi cơ cấu doanh thu mặt hàng bốc xếp dẫn đến chi phí tăng đáng kể trong khi doanh thu cảng biển tăng nhẹ.

➤ **Ý kiến của đơn vị kiểm toán:**

“Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.”

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

❖ **Thuận lợi**

- Có vị trí nằm tại khu vực cảng Biển phía Bắc của Việt Nam là cửa ngõ kết nối giữa các quốc gia Đông Bắc Á như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản và Hồng Kông; các quốc gia đứng đầu về xuất nhập khẩu khu vực Đông Nam Á.
- Kinh tế chính trị ổn định, các mặt hàng thông qua cảng ít bị ảnh hưởng bởi cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung.
- Sự tham gia sâu rộng vào các tổ chức quốc tế (Asian, TPP, WTO,...) đã góp phần đẩy mạnh giao thương, hội nhập giữa các nước trong khu vực và thế giới. Bên cạnh đó, Cảng Quảng Ninh nằm ở vị trí đặc địa, thuộc trục tam giác kinh tế trọng điểm của phía Bắc với nhiều nhà máy, khu công nghiệp, cửa khẩu,... nhu cầu xuất nhập khẩu hàng hóa qua cảng biển rất lớn và có xu hướng ngày càng tăng.
- Sau khi thông qua Quốc hội về Hiệp định thương mại tự do (EVFTA) giữa liên minh Châu Âu và Việt Nam, khi đó sẽ thúc đẩy hàng hóa xuất nhập khẩu giữa 2 thị trường này tăng đột biến, tạo điều kiện cho việc tăng trưởng hàng hóa qua các cảng biển quốc tế.
- Được Chính phủ quy hoạch xếp loại cảng biển loại 1 (Theo Quyết định số 1037/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030).
- Các cơ quan quản lý đã có sự thay đổi mạnh mẽ về thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho Cảng và cho khách hàng trong quá trình sản xuất kinh doanh như: Cảng vụ, Hải quan, Hoa tiêu, Biên phòng, Công an, Kiểm dịch...
- Xây dựng chính sách kinh doanh tổng thể, áp dụng có hiệu quả với các đối tượng khách hàng. Đối với các trường hợp phát sinh ngoài chính sách đã linh hoạt vận dụng theo từng thời điểm để thu hút khách hàng sử dụng dịch vụ của cảng.
- Chủ động thường xuyên tiếp cận khách hàng để nắm bắt thông tin về thị trường, thị phần, tình hình kinh doanh của khách hàng, đồng thời nắm bắt chính sách của đối thủ cạnh tranh để có chính sách kinh doanh đối với khách hàng phù hợp.
- Sự đoàn kết, quyết liệt trong hoạt động sản xuất kinh doanh từ lãnh đạo đến nhân viên thông qua công tác marketing, điều hành khai thác, đầu tư, sửa chữa trang thiết bị, hạ tầng...
- Sự đồng bộ về cầu bến, kho bãi, trang thiết bị, công cụ xếp dỡ hàng hóa, phương tiện vận

chuyên, đội ngũ nhân lực nhiệt huyết, kinh nghiệm về quản trị và điều hành.

❖ **Khó khăn**

- Mặt hàng thức ăn chăn nuôi chủ lực của cảng ảnh hưởng bởi dịch tả lợn Châu Phi vẫn chưa được khống chế hoàn toàn, các trang trại nuôi lợn đã phải dừng tái đàn dẫn đến giảm lượng nhập khẩu hàng thức ăn chăn nuôi qua cảng.
- Sự cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ từ các cảng khu vực Hải Phòng, khu vực Cái Lân và các công ty xếp dỡ tư nhân ngoài vùng neo đã đầu tư rất mạnh công nghệ xếp dỡ: công cụ, thiết bị, kho chứa hàng để lôi kéo các khách hàng của Cảng.
- Chưa có hệ thống xe vận tải đường bộ và sà lan vận chuyển đường thủy, do đó nếu đi thuê giá thành cao rất khó cạnh tranh trong hoạt động dịch vụ logistics.
- Hạ tầng xung quanh khu vực Cảng chưa được cải thiện, hệ thống đường từ Khu công nghiệp Cái Lân vào Cảng đã xuống cấp chưa được đầu tư sửa chữa, nâng cấp thường xuyên gây ùn tắc, luôn tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông cao, làm tăng chi phí vận chuyển cho các khách hàng, đặc biệt là không có bãi đỗ xe ngoài cổng Cảng, không đáp ứng đủ nhu cầu gây ra tình trạng ách tắc tại khu vực đường vào Cảng; hệ thống đường sắt kết nối đến Cảng đã triển khai đầu tư được gần 10 năm nhưng vẫn chưa đưa vào khai thác chính thức được.
- Năng lực xếp dỡ chưa được cải thiện, đặc biệt thiết bị tuyến tiền phương cũ, lạc hậu và thời gian hư hỏng ngày càng nhiều.
- 2 shipper lớn là Cargill và Enerfo đã đưa tàu sang CICT để khai thác. Bên cạnh đó, chủ hàng Văn Sơn đã trực tiếp ký hợp đồng với Công ty Cầu nổi Bạch Đằng (thay vì trước đây ký với CQN) để dỡ hàng ngoài điểm neo.
- Hiện nay còn 2 shipper chính hàng thức ăn chăn nuôi là CJ và Bunge cũng đang gây sức ép về giá dịch vụ, điều kiện sử dụng kho và yêu cầu tăng năng suất xếp dỡ giải phóng tàu. Nếu cảng không linh hoạt điều chỉnh kịp thời chính sách kinh doanh cũng như nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ thì nguy cơ khách hàng chuyển sang CICT hoặc chia sẻ sản lượng giữa 2 cảng là rất cao.
- Ngoài những ảnh hưởng của những khó khăn đã nêu trên, năm 2020 là một năm khó khăn đối với các doanh nghiệp kinh doanh Cảng biển trong đó có CQN khi Việt Nam cũng như Toàn cầu đang phải đối mặt với dịch bệnh Covid-19. Việt Nam đang có quan hệ kinh tế rất nhiều mặt với Trung Quốc, đặc biệt là về thương mại, về nhập khẩu từ Trung Quốc, khu vực Châu Mỹ. Do vậy nhóm ngành thương mại có rủi ro chịu tác động gián tiếp như nhóm ngành cảng biển, cảng hàng không và logistic, vận tải.
- Các tàu hàng, chủ hàng hoạt động trên các tuyến cảng từ Trung Quốc đến cảng Cái Lân và ngược lại đang bị hạn chế về thủ tục, bị kiểm soát chặt chẽ về việc kiểm tra thân nhiệt thủy thủ, yêu cầu phun khử trùng hay cách ly tàu trong thời gian nhiều ngày dẫn đến thời gian tàu cập cầu bị kéo dài. Dự báo sẽ gây ảnh hưởng đến lượng hàng xuất nhập khẩu qua Công ty sẽ sụt giảm.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của công ty trong ngành

Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh được Chính phủ quy hoạch xếp loại cảng biển loại 1 (Theo Quyết định số 1037/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030).

Nằm ở trung tâm Vịnh Bắc Bộ, Cảng Quảng Ninh được xem là cửa ngõ ra biển Đông của khu vực Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, các nước có biên giới giáp phía Tây Bắc nước ta. Cảng Quảng Ninh còn có lợi thế nằm gần Trung Quốc – một đối tác lớn trong hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu.

Trong nhiều năm liền, Cảng Quảng Ninh luôn là một trong những cảng dẫn đầu cả nước về sản lượng hàng hóa thông qua, xác lập và giữ vai trò là cảng quan trọng của hoạt động giao thương phía Bắc, là cửa ngõ giao thông lớn của đất nước.

Trong hệ thống cảng biển Việt Nam, Cảng Quảng Ninh được đánh giá là một trong những cảng có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển. Bên cạnh đó, Cảng Quảng Ninh còn được khách hàng tin nhiệm bởi phong cách làm việc linh hoạt, trách nhiệm và chuyên nghiệp. Từ nhiều năm qua, Cảng luôn được các chủ hàng, chủ tàu trong nước và quốc tế biết đến với năng suất, chất lượng cao, giải phóng tàu nhanh. Đó cũng chính là những yếu tố giúp Cảng nâng cao được khả năng cạnh tranh trên thị trường, khẳng định thương hiệu và giữ vững tốc độ tăng trưởng hàng năm.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Ngành kinh doanh cảng biển và vận tải kho bãi của Việt Nam có nhiều tiềm năng tăng trưởng, tham gia sâu hơn vào những trung tâm giao dịch vận tải thế giới đến từ việc Chính phủ có nhiều chính sách tạo điều kiện cho ngành phát triển, cùng với xu thế hội nhập kinh tế toàn cầu, nhiều Hiệp định thương mại được ký kết, sự phát triển mạnh mẽ của thị trường thương mại điện tử và ngành công nghiệp tự động hóa, cơ sở hạ tầng ngày càng được cải thiện.

Trước đó, ngày 30/6/2019 tại Hà Nội, Việt Nam và Liên minh châu Âu đã cùng ký kết Hiệp định thương mại tự do (EVFTA). Theo cục Hàng hải Việt Nam, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) sẽ loại bỏ 65% thuế đối với hàng xuất khẩu của EU sang Việt Nam, đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường EU, EVFTA cũng sẽ loại bỏ 71% thuế kể từ ngày 1/8/2020. Do vậy, hàng hóa xuất nhập khẩu giữa Việt Nam với các nước thuộc EU được dự báo sẽ tăng lên đáng kể. Trong đó, có tới 90% lượng hàng hóa xuất nhập khẩu của Việt Nam được vận chuyển qua đường biển. Bên cạnh đó, Cục Hàng hải Việt Nam cũng đang nghiên cứu xây dựng một số cơ chế chính sách hỗ trợ các tàu thuyền, tàu container có trọng tải lên đến 20.000 TEU được phép vào các cảng nước sâu và cắt giảm một số thủ tục không cần thiết để hỗ trợ các doanh nghiệp thúc đẩy thương mại.

Ngoài ra, ngành kinh doanh cảng biển và vận tải kho bãi cũng có thêm nhiều cơ hội mở ra từ cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, khi nhiều công ty sản xuất sẽ chuyển nhà máy từ Trung Quốc sang Việt Nam và Đông Nam Á. Theo đó, có tới gần 91% các doanh nghiệp trong khảo sát của Vietnam Report cho rằng mức tăng trưởng của ngành trong năm 2020 sẽ trên 10%, nhiều chuyên gia đưa ra nhận định mức tăng trưởng đạt 14% - 16%, theo chỉ số trung bình của những năm gần đây.

Bên cạnh đó, ngành vận tải kho bãi hiện được Chính phủ đề ra mục tiêu đến 2025 sẽ đóng góp 8-10% GDP, với tốc độ tăng trưởng 15-20%/năm, tỷ lệ thuê ngoài dịch vụ từ 50-60% và chi phí vận tải kho bãi giảm chỉ còn chiếm 16-20% GDP.

Bốn xu hướng chính sẽ hỗ trợ cho sự tăng trưởng kéo dài của ngành vận tải kho bãi và vận hành cảng biển là:

- Các thỏa thuận thương mại tự do và dòng vốn FDI lớn sẽ giúp thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và các quốc gia khác, ước giá trị xuất nhập khẩu tăng trưởng 5,5-6%/năm.
- Nền kinh tế tăng trưởng cùng với tăng trưởng thu nhập và nhu cầu trong nước.
- Mức tăng trưởng nhanh chóng của thương mại hiện đại và bán lẻ qua Internet (trung bình 17,5%/năm) sẽ cần thêm những dịch vụ quản lý chuỗi cung ứng.
- Hoàn thành một loạt các dự án cơ sở hạ tầng sẽ tạo ra tác động đáng kể trong việc cải thiện công suất và hiệu quả của cảng biển.

Theo thống kê 8 tháng đầu năm 2020 của Cục Hàng hải Việt Nam, tổng sản lượng hàng hóa thông qua cảng biển Việt Nam đạt gần 485,3 triệu tấn, trong đó, lượng hàng container thông qua cảng đạt hơn 13,9 triệu Teus, tăng lần lượt 6% và 8% so với cùng kỳ năm 2019. Riêng tháng 8/2020, khối lượng hàng hóa thông qua cảng ước đạt gần 57,3 triệu Teus, tăng 2%, trong đó, hàng container đạt hơn 1,7 triệu Teus, tăng 7% so với cùng kỳ năm trước.

Trước đó, thống kê trong 7 tháng đầu năm của Cục Hàng hải Việt Nam, dù hoạt động hàng hải vẫn chưa thoát khỏi ảnh hưởng của dịch Covid-19, song, một số khu vực cảng biển vẫn có khối lượng hàng hóa tăng cao như: cảng biển Quảng Trị tăng hơn 73% do mới phát sinh hàng xuất khẩu gỗ dăm sang Trung Quốc và hàng cát, thạch cao chở ra Ninh Bình; khu vực Quảng Ngãi tăng hơn 43%, trong đó, khối lượng hàng khô, tổng hợp nhập khẩu tăng tới 97% so với cùng kỳ năm trước.

Ngoài ra, một số khu vực cảng biển như: Nam Định, Cần Thơ, Thanh Hóa, Thái Bình cũng có mức tăng tương đối cao, từ 20 - 32% so với cùng kỳ năm 2019.

Bên cạnh đó, một số khu vực cảng biển có mức tăng hàng hóa container mạnh như: khu vực Mỹ Tho tăng 276%, Thanh Hóa tăng 96%, Quy Nhơn tăng 22%, Vũng Tàu và TP Hồ Chí Minh đều tăng 15%,...

Hệ thống pháp luật và chính sách cũng đang dần được hoàn thiện để hỗ trợ tốt hơn cho ngành kinh doanh cảng biển và vận tải kho bãi.

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

Theo Quyết định số 1037/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Theo quy mô, chức năng nhiệm vụ trong hệ thống Cảng biển Việt Nam Cảng Quảng Ninh là cảng tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực (Loại I). Trong nhiều năm liền, Cảng Quảng Ninh luôn là một trong những cảng dẫn đầu cả nước về sản lượng hàng hóa thông qua, xác lập và giữ vai trò là cảng quan trọng của hoạt động giao thương phía Bắc, là cửa ngõ giao thông lớn của đất nước.

Như vậy, có thể nói, định hướng phát triển của CQN là hoàn toàn phù hợp với định hướng phát

triển của ngành, với chiến lược, chính sách của Đảng và Nhà nước cũng như phù hợp với xu thế phát triển của nền kinh tế thế giới.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Tình hình lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của CQN, vì vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.

Tính đến thời điểm 31/12/2019, tổng số lao động trong Công ty là 713 người. Cơ cấu lao động cụ thể như sau:

Cơ cấu lao động của Công ty

STT	Tiêu chí	Số người	Tỷ lệ (%)
I	Phân loại theo trình độ chuyên môn lao động	713	100%
1	Trên đại học	3	0,4%
2	Trình độ đại học và tương đương	201	28,2%
3	Trình độ cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	64	9,0%
4	Trình độ sơ cấp nghề, CNKT, LĐPT	445	62,4%
II	Phân loại theo Hợp đồng lao động	713	100%
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	0	0%
2	Hợp đồng Lao động không xác định thời hạn	675	94,7%
3	Hợp đồng Lao động thời hạn 1+3 năm	33	4,6%
4	Hợp đồng Lao động thời vụ	5	0,7%
III	Phân loại theo giới tính	713	100%
1	Lao động là Nam giới	596	83,6%
2	Lao động là Nữ giới	117	16,4%

Nguồn: CQN

9.2. Chính sách đối với người lao động

❖ Chính sách tiền lương:

- Công ty áp dụng hình thức trả lương theo thời gian, sản phẩm, lương khoán để trả lương làm việc hằng tháng cho CBCNV.
- CBCNV được xếp lương căn cứ vào năng lực, thời gian đảm nhận vị trí.
- Việc nâng lương được xem xét định kỳ, nâng lương trước thời hạn.
- Đối với người mới tuyển dụng sẽ được xem xét thỏa thuận mức lương để trả sao cho bảo đảm mức lương tương ứng với thị trường, đáp ứng yêu cầu của người lao động và của Công ty.

❖ Chính sách tiền thưởng:

Công ty thực hiện chính sách thưởng cho người lao động khi người lao động có những đóng góp lớn, hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chấp hành tốt nội quy của Công ty. Tiền thưởng chi cho người lao động được thực hiện từ các nguồn sau:

- Thưởng từ quỹ tiền lương cho người lao động có những đóng góp tích cực, hiệu quả cho từng cơ sở.

- Thưởng từ quỹ khen thưởng cho những cán bộ công nhân viên có những thành tích trong công tác, lao động do các cấp xét vào dịp kết thúc năm, hoặc có những sáng kiến, thành tích đột xuất được ghi nhận.

- Đối với lãnh đạo công ty: Gồm các thành viên HĐQT, BTGD Công ty, cán bộ quản lý khi có những đóng góp vào việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty, sản xuất kinh doanh có hiệu quả sẽ được HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông xem xét trích quỹ thưởng cho HĐQT, BTGD vào kỳ đại hội cổ đông thường niên hằng năm.

❖ Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động:

- Ngoài chính sách lương, thưởng người lao động còn được Công ty hỗ trợ kinh phí đào tạo trong nước và ngoài nước để nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, năng lực quản lý...; các quy định về nâng bậc lương, thi tay nghề.

- Thực hiện chế độ đóng BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy định của Nhà nước.

- Thực hiện chế độ ăn giữa ca cho người lao động, Công ty có bếp ăn tập thể để phục vụ CBCNV có nhu cầu ăn trưa tại công ty.

- Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân và thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong môi trường có yếu tố nguy hiểm, độc hại;

- Trang bị đồng phục làm việc cho khối văn phòng;

- Công ty còn có quy định hỗ trợ chi phí sử dụng điện thoại phục vụ công tác cho một số đối tượng gồm HĐQT, BTGD, Trưởng Ban Kiểm soát, trưởng phó các đơn vị, cán bộ nghiệp vụ... hằng tháng.

10. Chính sách cổ tức

Theo Điều lệ của Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh, Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức (tiền mặt hoặc cổ phiếu) hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể chốt danh sách cổ đông

(ngày chốt quyền) để chia cổ tức. Các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền sẽ được quyền nhận cổ tức (tiền mặt/cổ phiếu).

Tình hình trả cổ tức trong 2 năm gần đây:

Năm	Tỷ lệ chi trả cổ tức	Hình thức chi trả
2018	10%	Bằng tiền (Đã thực hiện chi trả)
2019	16%	Bằng tiền (Đã thực hiện chi trả)
Dự kiến 2020	10%	Bằng tiền

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020 ngày 10/06/2020 của CQN

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

a) Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Cơ cấu vốn chủ sở hữu của Công ty

Đơn vị tính: đồng

TT	Nguồn vốn	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Vốn chủ sở hữu	599.673.238.248	609.819.291.861	564.581.434.627
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	500.499.360.000	500.499.360.000	500.499.360.000
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	99.173.878.248	109.319.931.861	64.082.074.627
2	Tổng nguồn vốn kinh doanh	2.823.023.822.543	3.178.190.230.208	1.733.990.744.368

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2019, BCTC Quý III/2020 của CQN

Báo cáo tình hình sử dụng vốn kinh doanh

TT	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
I	Tài sản ngắn hạn	2.373.216.723.222	2.752.357.026.585	1.322.748.657.301
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	39.072.488.786	28.462.181.233	64.033.152.183
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	123.566.820.000	140.000.000.000	70.000.000.000

TT	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	2.162.228.428.949	2.539.665.902.661	1.143.524.736.336
4	Hàng tồn kho	42.542.190.543	40.111.876.888	40.140.735.696
5	Tài sản ngắn hạn khác	5.806.794.944	4.117.065.803	5.050.033.086
II	Tài sản dài hạn	449.807.099.321	425.833.203.623	411.242.087.067
1	Tài sản cố định	239.367.082.836	216.468.707.341	200.126.990.632
2	Tài sản dở dang dài hạn	35.621.998.466	36.804.400.617	37.062.171.445
3	Đầu tư tài chính dài hạn	164.302.504.000	161.598.604.900	161.598.604.900
4	Tài sản dài hạn khác	10.515.514.019	10.961.490.765	12.454.320.090
	Tổng cộng	2.823.023.822.543	3.178.190.230.208	1.733.990.744.368

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2019, BCTC Quý III/2020 của CQN

Phần lớn nguồn vốn của Công ty được dùng để tài trợ cho tài sản ngắn hạn nhằm bổ sung vốn lưu động, đảm bảo khả năng thanh khoản. Nhìn chung, vốn điều lệ và vốn kinh doanh đã được Công ty triệt để sử dụng một cách hợp lý cho các hoạt động kinh doanh và hoạt động đầu tư các dự án.

b) Trích khấu hao Tài sản cố định

- Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí khác có liên quan trực tiếp mà Công ty đã bỏ ra đến thời điểm đưa tài sản cố định vào vị trí sẵn sàng sử dụng. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định được ghi nhận, hạch toán theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

- Đối với tài sản cố định khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng; thời gian khấu hao được tính theo khung thời gian quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013, thời gian sử dụng ước tính cho mục đích tính toán này như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 28 năm
Máy móc, trang thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 13 năm
Phần mềm	3 năm

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019

c) Mức lương bình quân

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Dự kiến năm 2020
1	Tổng quỹ lương (đồng)	103.876.553.627	104.438.008.046	104.500.000.000
2	Tổng số lao động (người)	758	713	729

3	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	11.760.000	12.384.000	12.486.000
---	------------------------------------------	------------	------------	------------

Nguồn: CQN

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động Công ty ở mức tương đối so với các doanh nghiệp cùng ngành.

d) Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019, Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

e) Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp thuế theo quy định của Nhà nước.

Số dư các loại thuế phải nộp theo luật định

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
Thuế giá trị gia tăng	1.419.859.533	1.882.680.187	1.583.674.945
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.211.398.335	6.730.563.784	6.273.573.877
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	104.870.234
Thuế khác	-	-	-
Tổng cộng	6.631.257.868	8.613.243.971	7.962.119.056

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2019, BCTC Quý III/2020 của CQN

f) Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

Đơn vị: đồng

TT	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.059.767.915	2.928.190.975	5.845.098.846
	Tổng cộng	2.059.767.915	2.928.190.975	5.845.098.846

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2019, BCTC Quý III/2020 của CQN

g) Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu
Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
Phải thu ngắn hạn	2.162.228.428.949	2.539.665.902.661	1.143.524.736.336
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	510.154.868.520	1.708.663.603.751	1.060.786.947.388
Trả trước cho người bán ngắn hạn	148.409.267.500	8.556.658.600	6.978.584.099
Phải thu ngắn hạn khác	1.515.430.240.257	834.270.433.950	87.583.998.489
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(11.765.947.328)	(11.824.793.640)	(11.824.793.640)
Phải thu dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	2.162.228.428.949	2.539.665.902.661	1.143.524.736.336

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2019, BCTC Quý III/2020 của CQN
Các khoản phải trả
Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
Tổng nợ ngắn hạn	2.223.350.584.295	2.568.370.938.347	1.169.409.309.741
Phải trả người bán ngắn hạn	1.941.332.993.213	2.462.112.871.287	1.037.118.114.570
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	178.037.601.701	1.188.995.076	2.986.027.667
Thuế và các khoản phải nộp NN	6.631.257.868	8.613.243.971	7.962.119.056
Phải trả người lao động	36.825.888.923	17.496.190.234	17.968.689.662
Chi phí phải trả ngắn hạn	67.550.414	9.194.009.773	925.362.794
Doanh thu chưa thực hiện	3.880.615.424	3.032.405.838	1.509.975.269
Phải trả ngắn hạn khác	54.514.908.837	63.805.031.193	95.093.921.877
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.059.767.915	2.928.190.975	5.845.098.846
Tổng nợ dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	2.223.350.584.295	2.568.370.938.347	1.169.409.309.741

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2019, BCTC Quý III/2020 của CQN
h) Hàng tồn kho

TT	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Nguyên vật liệu	7.337.254.417	6.707.574.901	6.208.153.590
2	Phụ tùng và vật tư thay thế	36.110.351.443	33.973.754.982	34.350.820.291
3	Công cụ, dụng cụ	2.037.860.125	2.011.212.807	2.162.367.617
4	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.943.275.442)	(2.580.605.802)	(2.580.605.802)

TT	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
	Tổng	42.542.190.543	40.111.876.888	40.140.735.696

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2019, BCTC Quý III/2020 của CQN

Hàng tồn kho của Công ty tại ngày 30/09/2020 là 42,7 tỷ đồng, trong đó hơn 2,5 tỷ là hàng tồn kho kém phẩm chất, ứ đọng, không còn khả năng sử dụng. So sánh với các doanh nghiệp cùng ngành nghề thì khoản mục hàng tồn kho trung bình chỉ khoảng 15 tỷ đồng, như vậy việc để tồn tiền ở hàng tồn kho lớn trong thời gian dài sẽ làm mất cơ hội đầu tư vốn của Công ty và cũng tăng nguy cơ rủi ro phải trích lập bổ sung đối với hàng tồn kho kém phẩm chất, hoặc lỗi thời.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019
<u>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</u>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,07	1,07
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,05	1,06
<u>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</u>			
Nợ/Tổng tài sản	%	78,76	80,81
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	370,76	421,17
<u>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</u>			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	118,85	132,25
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bq	Lần	1,79	1,76
<u>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</u>			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,50	1,19
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bq	%	12,53	11,04
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bq	%	2,52	2,22
Lợi nhuận SXKD/Doanh thu thuần	%	1,47	1,13
EPS	Đồng/ cổ phần	1.514	1.334

Nguồn: Tính toán theo BCTC kiểm toán năm 2019

12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Đỗ Ngọc Khanh	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Bùi Quang Đạo	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Ông Phạm Công Đoàn	Thành viên HĐQT
4	Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên HĐQT
5	Ông Nguyễn Phú Quân	Thành viên HĐQT

Các thông tin liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a) Ông Đỗ Ngọc Khanh - Chủ tịch HĐQT

1. Họ và tên: Đỗ Ngọc Khanh
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 06/08/1983
4. Nơi sinh: Hà Nội
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Xóm Ngánh, thôn Ngọc Than, xã Ngọc Mỹ, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
7. Chứng minh thư nhân dân số: 111535338, Nơi cấp: Công an Hà Nội, Ngày cấp: 01/4/2011
8. Điện thoại liên hệ: (84-2033) 825624
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Ban pháp chế Tập đoàn T&T, Phó Chánh văn phòng phụ trách Văn phòng HĐQT Tập đoàn T&T, Phó Chánh văn phòng phụ trách Văn phòng HĐQT Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội, Thành viên HĐQT Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần, Phó Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần.
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2007 đến nay	Công ty cổ phần Tập đoàn T&T	Phó Chánh Văn phòng HĐQT kiêm Giám đốc Ban Pháp chế
Từ năm 2013 đến nay	Tổng công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội	Phó Chánh văn phòng phụ trách văn phòng HĐQT
Từ tháng 10/2018 đến nay	Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần	Thành viên Hội đồng quản trị
Từ tháng 06/2019 đến nay	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Từ tháng 08/2015 đến tháng 5/2017	Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh	Thành viên Hội đồng quản trị
Từ tháng 5/2017 đến nay	Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh	Chủ tịch Hội đồng quản trị

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

- Sở hữu cá nhân: Không
- Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu của người có liên quan: Không
- 15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- 16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Chủ tịch HĐQT
- 17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

b) Ông Bùi Quang Đạo - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

1. Họ và tên: Bùi Quang Đạo
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 29/07/1963
4. Nơi sinh: Hải Dương
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 2 khu 4D, Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh
7. Căn cước công dân số: 030063004675, Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự Xã hội, Ngày cấp: 29/10/2018
8. Điện thoại liên hệ: (84-2033) 825624
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư cảng Cái Lân
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
5/1989-9/2003	Cảng Quảng Ninh	Chuyên viên, Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng Kế hoạch – Thương vụ
10/2003- 10/2007	Cảng Quảng Ninh	Phó Giám đốc
11/2007- 21/2/2013	Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh	Thành viên Hội đồng thành viên, Phó TGD Công ty
22/2/2013- 10/8/2014	Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh	Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty
5/2013 đến nay	Công ty cổ phần đầu tư cảng Cái Lân	Phó Chủ tịch HĐQT
11/8/2014 đến nay	Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - Sở hữu cá nhân: 27.264 cổ phần, tương ứng 0,05% VDL của CQN
 - Sở hữu đại diện: Không
 - Sở hữu của người có liên quan: Không
15. Các khoản nợ đối với Công ty: Tạm ứng của Công ty 189.161.165 đồng
16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao thành viên HĐQT và lương vị trí TGD.
17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

c) Ông Phạm Công Đoàn - Thành viên HĐQT

1. Họ và tên: Phạm Công Đoàn
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 08/02/1960
4. Nơi sinh: Ninh Bình
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 33 ngõ 75, Hồng Hà, Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội
7. Căn cước công dân số: 037057000017, Nơi cấp: Bộ Công an, Ngày cấp: 20/3/2017
8. Điện thoại liên hệ: (84-2033) 825624
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội, Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Núi Vàng Hoàng Sơn, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Vận tải và thương mại Hàng Không T&T.
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
06/1978 - 07/1978	Mỏ than Hà Tu	Nhân viên
08/1978 – 12/1981	Mỏ than Hà Tu	Nhân viên phòng kế toán
11/1982 – 12/1986	Mỏ than Hà Tu	Công ty cử đi học tại Đại học kinh tế Quốc dân
1987 - 1989	Mỏ than Hà Tu	Phó phòng Kế toán
12/1989 – 12/1996	Công ty than Hòn Gai	Phó phòng Kế toán
12/1996 – 02/1998	Tổng công ty Than Việt Nam	Nhân viên Ban kế toán thống kê
	Liên doanh xi măng Hoàn Cầu	Kế toán trưởng

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
03/1998 – 11/2001	Công ty xuất nhập khẩu và Hợp tác quốc tế - TKV	Kế toán trưởng
12/2001 – 07/2008	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu than - TKV	Phó giám đốc
08/2008 – 09/2013	Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	Trưởng ban kiểm toán nội bộ
09/2008- 11/2013	Mỏ than Đèo Nại	Trưởng Ban kiểm soát công ty
	Mỏ than Hà Lâm	Trưởng ban kiểm soát công ty
06/2013 – 11/2013	Mỏ than Cao Sơn	Trưởng ban kiểm soát công ty
10/2013 – 09/2015	Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - vinacomin	Ủy viên thường trực Hội đồng thành viên
09/2015 – 10/2016	Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	Ủy viên thường trực Hội đồng quản trị
2008 đến nay	Công ty TNHH Núi Vàng Hoàng Sơn	Chủ tịch Hội đồng thành viên
10/2016 - 2019	Công ty cổ phần Tập đoàn T&T	Trợ lý Chủ tịch HĐQT kiêm GD Ban TCNL-NN
2017 - 2019	Công ty Unimex Hà Nội	Thành viên HĐQT
2018 đến nay	Ngân hàng SHB	Thành viên HĐQT
2018 đến 1/9/2020	Công ty cổ phần công nghiệp năng lượng Ninh Thuận	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
2018 đến 10/6/2020	Công ty cổ phần điện cơ Thống Nhất	Chủ tịch HĐQT
2018 đến nay	Công ty cổ phần Vận tải và thương mại Hàng Không T&T	Chủ tịch HĐQT
12/2016 đến 5/2017	Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh	Chủ tịch HĐQT
5/2017 đến nay	Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh	Thành viên HĐQT

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

- Sở hữu cá nhân: Không

- Sở hữu đại diện cho Công ty cổ phần Tập đoàn T&T: 49.212.432 cổ phần, tương ứng 98,33% VDL của CQN

- Sở hữu của người có liên quan: Không

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Thành viên HĐQT.

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

d) Ông Nguyễn Văn Mạnh – Thành viên HĐQT

1. Họ và tên: Nguyễn Văn Mạnh

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 20/3/1978

4. Nơi sinh: Hải Dương

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: P808 Nhà H – Đền lừ I – Hoàng Mai – Hà Nội

7. Chứng minh thư nhân dân số: 012909287 Nơi cấp: CA Hà Nội, Ngày cấp: 12/4/2008

8. Điện thoại liên hệ: (84-2033) 825624

9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/06/2002 – 01/10/2010	Công ty cổ phần Tập đoàn T&T	Trưởng phòng kinh doanh
11/10/2010 – 01/03/2015	Công ty T&T Motor	Phó Giám đốc
15/10/2015 – 01/11/2019	Công ty cổ phần đầu tư Hoàn Kiếm	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
26/06/2015 - nay	Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh	Phó phòng KHKD
08/2015 - nay	Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh	Thành viên HĐQT

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

- Sở hữu cá nhân: Không

- Sở hữu đại diện: Không

- Sở hữu của người có liên quan: Không

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao thành viên HĐQT và lương vị trí Phó

trường phòng Kế hoạch kinh doanh.

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

e) Ông Nguyễn Phú Quân – Thành viên HĐQT

1. Họ và tên: Nguyễn Phú Quân

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 23/01/1982

4. Nơi sinh: Hà Nội

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số nhà 10 phố Lò Đúc, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

7. Căn cước công dân số: 001082024808 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư Ngày cấp: 19/10/2017

8. Điện thoại liên hệ: (84-2033) 825624

9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh. Thạc sỹ kinh doanh và quản lý

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó giám đốc Ban Tổ chức Nhân sự Công ty cổ phần Tập đoàn T&T, Trưởng phòng Tổ chức nhân sự Công ty cổ phần Bệnh viện Giao thông vận tải.

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
3/2005 - 11/2009	Tổng công ty thương mại Hà Nội	Chuyên viên phòng Tổ chức cán bộ
11/2009 - nay	Công ty cổ phần Tập đoàn T&T	Phó giám đốc Ban tổ chức nhân sự
3/2013 - 6/2015	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội	Giám đốc Ban tổ chức hành chính
5/2016 - nay	Công ty cổ phần Bệnh viện Giao thông vận tải	Trưởng phòng Tổ chức nhân sự
5/2018 đến nay	Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh	Thành viên HĐQT

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

- Sở hữu cá nhân: Không

- Sở hữu đại diện: Không

- Sở hữu của người có liên quan: Không

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Thành viên HĐQT

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

12.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng Ban kiểm soát
2	Ông Đỗ Quang Hưng	Thành viên Ban kiểm soát
3	Bà Lương Thị Yến	Thành viên Ban kiểm soát

Các thông tin liên quan đến các thành viên Ban kiểm soát như sau:

a) Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Trưởng ban kiểm soát

1. Họ và tên: Nguyễn Mạnh Hùng

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 18/09/1980

4. Nơi sinh: Yên Bái

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 203 B11, Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội

7. Chứng minh thư nhân dân số: 013142016, Nơi cấp: Công an Hà Nội, Ngày cấp: 11/02/2009

8. Điện thoại liên hệ: (84-2033) 825624

9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Giám đốc Ban kiểm soát nội bộ Công ty cổ phần Tập đoàn T&T.

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
9/2003-6/2007	Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) - Bộ Tài Chính	Kiểm toán viên
7/2007-7/2014	Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)	Phó Trưởng phòng kiểm toán
8/2014-12/2015	Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco	Phó trưởng phòng (phụ trách) Kiểm toán nội bộ
1/2016 đến nay	Công ty CP Tập đoàn T&T	Giám đốc Ban Kiểm soát nội bộ
4/2016 đến nay	Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh	Trưởng Ban kiểm soát

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

- Sở hữu cá nhân: Không
- Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu của người có liên quan: Không

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Trường Ban kiểm soát.

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

b) Ông Đỗ Quang Hưng - Thành viên Ban kiểm soát

1. Họ và tên: Đỗ Quang Hưng

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 24/11/1987

4. Nơi sinh: Hà Nội

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số nhà 20 phố Hàng Đường, phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

7. Căn cước công dân số: 001087012194, Nơi cấp: Cục cảnh sát Hà Nội, Ngày cấp: 17/05/2016

8. Điện thoại liên hệ: (84-2033) 825624

9. Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chuyên viên Ban kiểm soát nội bộ Công ty cổ phần Tập đoàn T&T

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2013 - 2014	Công ty TNHH Toyota Láng Hạ	Kế toán viên
2014 - 2016	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển IC&D	Chuyên viên phân tích tài chính
2016 - nay	Công ty cổ phần Tập đoàn T&T	Chuyên viên Ban kiểm soát nội bộ
4/2017 đến nay	Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh	Thành viên Ban kiểm soát

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

- Sở hữu cá nhân: Không
- Sở hữu đại diện: Không

- Sở hữu của người có liên quan: Không

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Thành viên Ban kiểm soát

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

c) Bà Lương Thị Yến - Thành viên Ban kiểm soát

1. Họ và tên: Lương Thị Yến

2. Giới tính: Nữ

3. Ngày sinh: 01/06/1984

4. Nơi sinh: Hà Nội

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 2, Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội

7. Căn cước công dân số: 001184020261, Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL Cú trú và DLQG về Dân cư, Ngày cấp: 09/01/2017

8. Điện thoại liên hệ: (84-2033) 825624

9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật Kinh tế

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chuyên viên văn phòng HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn T&T

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2007-2009	Công ty Luật Winco	Nhân viên
2009-2017	Công ty CP Tập đoàn T&T	Chuyên viên Pháp chế
2017 đến nay	Công ty CP Tập đoàn T&T	Chuyên viên Văn phòng HĐQT
5/2018 đến nay	Công ty CP Cảng Quảng Ninh	Thành viên Ban Kiểm soát

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

- Sở hữu cá nhân: Không

- Sở hữu đại diện: Không

- Sở hữu của người có liên quan: Không

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Thành viên Ban kiểm soát.

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

12.3. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Bùi Quang Đạo	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Ông Đinh Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Hoàng Trọng Tùng	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Quách Đình Phú	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Nguyễn Tư Thịnh	Kế toán trưởng

Các thông tin liên quan đến các thành viên Ban Tổng Giám đốc như sau:

a) Ông Bùi Quang Đạo – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc:

Xem trong mục thông tin có liên quan đến thành viên HĐQT

b) Ông Đinh Anh Tuấn – Phó Tổng Giám đốc:

1. Họ và tên: Đinh Anh Tuấn
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 28/07/1966
4. Nơi sinh: Quảng Ninh
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 2 Khu 2, phường Yết Kiêu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
7. Căn cước công dân số: 022066002478. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Ngày cấp: 20/11/2019
8. Điện thoại liên hệ: (84-2033) 825624
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng giám đốc
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
7/1985 - 9/1996	Công ty Xuất khẩu Thủy sản II Quảng Ninh	Nhân viên phòng Kế hoạch
10/1996 - 3/1997	Cảng Quảng Ninh	Nhân viên phòng Kế hoạch thương vụ
4/1997 - 5/2004	Cảng Quảng Ninh	Phó trưởng phòng Kế hoạch thương vụ

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
6/2004 - 3/2008	Cảng Quảng Ninh	Phó trưởng phòng, Phụ trách phòng Kế hoạch thương vụ
4/2008 - 4/2013	Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh	Trưởng phòng Kế hoạch thương vụ, Thư ký HĐQT
5/2013 - 8/2014	Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh	Phó Tổng giám đốc
8/2014 đến nay	Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh	Phó tổng giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

- Sở hữu cá nhân: 12.703 cổ phần, tương ứng 0,03% VDL của CQN
- Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu của người có liên quan: Không

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Tạm ứng của Công ty 937.777.315 đồng

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Lương vị trí Phó Tổng giám đốc

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

c) Ông Hoàng Trọng Tùng – Phó Tổng Giám đốc:

1. Họ và tên: Hoàng Trọng Tùng

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 16/09/1960

4. Nơi sinh: Quảng Ninh

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 8, khu 1, Phường Hà Trung, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

7. Chứng minh thư nhân dân số: 100052977. Nơi cấp: Công an Quảng Ninh. Ngày cấp: 17/11/2007

8. Điện thoại liên hệ: (84-2033) 825624

9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế vận tải biển

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng giám đốc

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/1978 - 02/1984	Cảng Quảng Ninh	Nhân viên kết toán tàu



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
02/1984 - 3/1987	Trường chuyên môn kỹ thuật đặc khu Quảng Ninh	Chiến sỹ
3/1987 - 12/1988	Cảng Quảng Ninh	Nhân viên trực ban điều độ
12/1988 - 6/1995	Cảng Quảng Ninh	Phó ty khai thác phụ trách kho hàng
6/1995 - 12/1996	Cảng Quảng Ninh	Trưởng khu bến 1 Cái Lân
12/1996 - 8/2014	Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh	Phó Tổng giám đốc
8/2014 đến nay	Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh	Phó tổng giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

- Sở hữu cá nhân: 12.400 cổ phần, tương ứng 0,02% VDL của CQN
- Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu của người có liên quan: Không

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Lương vị trí Phó Tổng giám đốc.

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

d) Ông Quách Đình Phú – Phó Tổng Giám đốc:

1. Họ và tên: Quách Đình Phú

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 14/01/1964

4. Nơi sinh: Thái Bình

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 2, khu 6, phường Yết kiêu, Hạ Long, Quảng Ninh

7. Chứng minh thư nhân dân số: 100848521. Nơi cấp: Công an Quảng Ninh. Ngày cấp: 30/09/2009

8. Điện thoại liên hệ: (84-2033) 825624

9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy xếp dỡ, Kỹ sư Kinh tế vận tải biển

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng giám đốc

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó bí thư Đảng ủy Đảng bộ Công ty CP Cảng Quảng Ninh

12. Quá trình công tác:



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
8/1988 - 12/1988	Cảng Quảng Ninh	Công nhân bốc xếp
01/1989 - 9/1996	Cảng Quảng Ninh	Cán bộ chỉ đạo, chuyên viên phòng Khoa học kỹ thuật, chuyên viên phòng Tổ chức lao động tiền lương
10/1996 - 7/1997	Cảng Quảng Ninh	Phó Trưởng khu xếp dỡ Hạ Long
8/1997 - 12/1998	Cảng Quảng Ninh	Quyền Trưởng khu bến 1 Cái Lân
1/1999 - 10/2004	Cảng Quảng Ninh	Trưởng khu bến 1 Cái Lân
11/2004 - 3/2008	Cảng Quảng Ninh	Trưởng khu xếp dỡ Container
4/2008 - 4/2013	Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh	Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh, Giám đốc Công ty xếp dỡ Container,
5/2013 - 8/2014	Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
8/2014 đến nay	Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh	Phó tổng giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

- Sở hữu cá nhân: 9.955 cổ phần, tương ứng 0,02% VDL của CQN
- Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu của người có liên quan: Không

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Lương vị trí Phó Tổng giám đốc.

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

e) Ông Nguyễn Tư Thịnh – Kế toán trưởng:

1. Họ và tên: Nguyễn Tư Thịnh

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 26/07/1974

4. Nơi sinh: Quảng Ninh

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 1B, khu 1 phường Hùng Thắng, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

7. Căn cước công dân số: 022074001829. Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐHQH cư trú và DLQG về dân cư. Ngày cấp: 26/09/2017

8. Điện thoại liên hệ: (84-2033) 825624

9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
 10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng
 11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
 12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/1996 – 2/2004	Công ty xuất khẩu thủy sản 2 Quảng Ninh	Kế toán tổng hợp
2/2004 – 5/2004	Công ty xuất khẩu thủy sản 2 Quảng Ninh	Phó phòng kế toán
6/2004 – 10/2005	Công ty cổ phần kiểm toán Quảng Ninh	Trưởng phòng nghiệp vụ kiểm toán BCTC
11/2005 – 11/2008	Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán độc lập Việt Nam	Phó Giám đốc
12/2008- 07/2017	Công ty cổ phần đầu tư cảng Cái Lân	Kế toán trưởng
07/2017 – 8/2017	Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh	Nhân viên phòng TCKT
9/2017 – 7/2018	Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh	Trưởng phòng TCKT
7/2018 - nay	Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh	Kế toán trưởng

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - Sở hữu cá nhân: Không
 - Sở hữu đại diện: Không
 - Sở hữu của người có liên quan: Không

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
 16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Lương vị trí Kế toán trưởng.
 17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

13. Tài sản

Giá trị tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2019

Đơn vị: đồng

TT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG(%)
I	Tài sản cố định hữu hình	614.463.900.629	216.001.192.036	35,15%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	172.238.390.464	69.491.817.570	40,35%
2	Máy móc, trang thiết bị	105.449.174.871	37.572.733.924	35,63%

80

TT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG(%)
3	Phương tiện vận tải	324.711.856.251	108.766.486.551	33,50%
4	Thiết bị văn phòng	12.064.479.043	170.153.991	1,41%

TT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG(%)
3	Phương tiện vận tải	324.711.856.251	108.766.486.551	33,50%
4	Thiết bị văn phòng	12.064.479.043	170.153.991	1,41%
II	Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
III	Tài sản cố định vô hình	4.050.000.000	467.515.305	11,54%
1	Phần mềm	4.050.000.000	467.515.305	11,54%
Tổng cộng		618.513.900.629	216.468.707.341	35,0%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của CQN

Giá trị tài sản cố định của Công ty tại ngày 30/09/2020

Đơn vị: đồng

TT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG(%)
I	Tài sản cố định hữu hình	602.627.964.375	199.935.619.827	33,18%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	172.303.478.368	65.758.232.811	38,16%
2	Máy móc, trang thiết bị	105.449.174.871	32.807.959.643	31,11%
3	Phương tiện vận tải	323.036.238.663	101.250.338.788	31,34%
4	Thiết bị văn phòng	1.839.072.473	119.088.585	6,48%
II	Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
III	Tài sản cố định vô hình	4.145.060.000	467.515.305	11,28%
1	Phần mềm	4.145.060.000	467.515.305	11,28%
Tổng cộng		606.773.024.375	200.403.135.132	33,03%

Nguồn: BCTC Quý III/2020 của CQN

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị: đồng

TT	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Chi phí xây dựng cơ bản	35.440.439.561	35.992.916.561	35.992.916.561
-	Dự án kho bãi hàng hóa đối tượng lưu bến một	31.941.012.224	32.493.489.224	32.493.489.224
-	Dự án kho 4.200 m2 đối tượng lưu bến một	2.298.399.091	2.298.399.091	2.298.399.091
-	Dự án khác	1.201.028.246	1.201.028.246	1.201.028.246

TT	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
2	Chi phí sửa chữa	181.558.905	811.484.056	1.069.254.884
	Tổng cộng	35.621.998.466	36.804.400.917	37.062.171.445

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC Quý III/2020

Tình hình đất đai mà Công ty đang quản lý và sử dụng:

TT	Địa chỉ đất	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Thời hạn/Hình thức sử dụng
1	Kết cấu hạ tầng cầu 5,6,7 - Cảng Cái Lân	429.300	Khai thác kết cấu hạ tầng cầu 5,6,7	Sử dụng riêng. Trả tiền hàng năm. Thời hạn: 30 năm
2	Dự án kho bãi hàng hóa đòi thượng lưu bến 1 (thuộc dự án Cải tạo, nâng cấp bến số 1 và bến Tạm - Cảng Cái Lân)	62.403	Làm kho bãi hàng hóa (xin cấp giấy chứng nhận QSDĐ, thuê đất 50 năm)	Thuê đất. Trả tiền hàng năm. Thời hạn: 1 năm
3	Dự án tách đất bến số 1 (thuộc dự án Cải tạo, nâng cấp bến số 1 và bến Tạm - Cảng Cái Lân)	65.225,1	Khai thác kết cấu hạ tầng bến số 1	Thuê đất. Trả tiền hàng năm. Thời hạn: 50 năm
4	Dự án ĐTXD bến số 8&9 - Cảng Cái Lân	272.940	Xây dựng cầu cảng, kho bãi và các công trình phụ trợ	Đang hoàn thiện hồ sơ xin cấp phép là chủ đầu tư dự án
5	Khu đất số nhà 24 Hải Ninh, phường Hòa Lạc, Tp. Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	81	Làm nhà nghỉ cho cán bộ công nhân viên đi công tác nghỉ ngơi và làm việc.	Công đoàn Cảng đang quản lý, sử dụng

Nguồn: CQN

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2020

14.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2020

Dựa trên những thành quả mà Công ty đã đạt được trong năm 2019 và dự báo sự phát triển của thị trường, Ban lãnh đạo Công ty đã đặt ra kế hoạch kinh doanh trong năm 2020 như sau:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	
		Giá trị	% tăng (giảm) so với năm 2019
Doanh thu khai thác cảng biển	Tỷ đồng	418	(0,06)

Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	65	(2,99)
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,4	3,2
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	12,99	(0,39%)
Cổ tức	%	10	(6)

Nguồn: Kế hoạch do Ban lãnh đạo Công ty xây dựng và được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020 của CTCP Cảng Quảng Ninh

❖ **Kế hoạch kinh doanh thương mại hàng hóa nông sản:**

TT	Chỉ tiêu cơ bản	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020
I	Kinh doanh thương mại hàng hóa nông sản			
1	Sản lượng hàng hóa	Tấn	971.902	210.000
2	Doanh thu	Tỷ đồng	5.171,84	1.050
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3,19	0,117
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2,55	0,093

Nguồn: CTCP Cảng Quảng Ninh

14.2. Căn cứ xây dựng kế hoạch lợi nhuận, cổ tức.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD năm 2020, HĐQT công ty sẽ chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch SXKD theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 đề ra, đồng thời đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao hiệu quả SXKD, bảo toàn và phát triển vốn. Với các biện pháp, giải pháp cụ thể như sau:

- HĐQT duy trì tổ chức các cuộc họp và thảo luận thường xuyên các vấn đề thuộc thẩm quyền và mang tính chiến lược đối với sự phát triển của CQN. Tất cả các thành viên HĐQT đều phải tham gia tích cực vào hoạt động của HĐQT để nắm bắt, theo kịp các biến động của thị trường và hoạt động của công ty.
- HĐQT tiếp tục theo sát diễn biến của nền kinh tế trong nước và thế giới, chủ động phân tích, nắm bắt tình hình để có những nhận định đúng đắn từ đó kịp thời đưa ra những quyết sách phù hợp nhằm chỉ đạo BTGD tổ chức thực hiện nhiệm vụ tốt nhất.
- HĐQT cam kết hỗ trợ, tư vấn cho BTGD việc tìm kiếm, tiếp cận và khai thác các nguồn lực từ bên ngoài, từ các đối tác, khách hàng của doanh nghiệp để mở rộng hoạt động kinh doanh, gia tăng khách hàng và phát triển sản phẩm.
- HĐQT chỉ đạo BTGD các nhiệm vụ sau:
 - + Thực hiện tốt các mục tiêu chiến lược của Đại hội đồng cổ đông giao phó, tuân thủ đúng quy định pháp luật, Điều lệ công ty. Tuân thủ và thực hiện tốt các nhiệm vụ chỉ đạo của HĐQT, Chủ tịch HĐQT một cách cẩn trọng và hiệu quả.

- + Luôn theo sát diễn biến của thị trường nhằm điều chỉnh chiến lược kinh doanh phù hợp trong từng giai đoạn và mang tính chất lâu dài; đề ra định hướng kinh doanh với các giải pháp linh hoạt đem đến sự phát triển ổn định, bền vững. Tập trung chỉ đạo tạo động lực cho Công ty phát triển hoạt động kinh doanh.
- + Không ngừng đổi mới, sáng tạo để xây dựng, định hướng công tác phát triển kinh doanh. Đồng thời tập trung mở rộng hệ thống, mạng lưới khách hàng, đa dạng ngành hàng để khai thác tối đa các tiềm năng của công ty.
- + Chú trọng đẩy mạnh công tác đầu tư tài chính nhằm đảm bảo, sử dụng vốn an toàn, đạt hiệu quả.
- + Nghiên cứu, đề xuất mở rộng phát triển thị trường trong nước và ngoài nước, kết hợp với quy hoạch phát triển Cảng trung hạn và dài hạn.
- + Tăng cường công tác quản lý, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động của Công ty. Không ngừng đổi mới, nâng cao năng lực quản trị trong mọi lĩnh vực hoạt động kinh doanh; nâng cao năng lực quản lý tài chính, phát triển an toàn, bền vững.
- + Chú trọng công tác đào tạo, đặc biệt chú trọng đào tạo về năng lực điều hành đối với cấp quản lý từ trưởng/phó phòng trở lên. Thường xuyên cập nhật, đào tạo nghiệp vụ đối với toàn bộ CBNV.
- + Định kỳ đánh giá năng lực nhân sự để bố trí phù hợp với năng lực chuyên môn nhằm tăng hiệu quả, tiết giảm chi phí quản lý. Giao việc gắn với trách nhiệm của nhân sự, đầu việc và thời gian hoàn thành. Đẩy mạnh phong trào thi đua, sáng kiến tạo sự gắn bó, đoàn kết, và nâng cao năng suất lao động toàn Công ty. Xây dựng nền tảng văn hóa doanh nghiệp vững mạnh, tạo môi trường làm việc năng động, nhiệt huyết và gắn bó trong nội bộ Công ty cũng như thu hút nguồn nhân lực tiềm năng trên thị trường nhân sự góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty.
- + Tiếp tục chuẩn hóa các nghiệp vụ phát sinh hàng ngày theo hệ thống quy chế, quy trình đã ban hành đồng thời hoàn thiện các văn bản định chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình phối hợp, chức năng nhiệm vụ còn thiếu.
- + Tập trung đầu tư trang thiết bị phục vụ làm hàng để nâng cao năng lực xếp dỡ, làm hàng của Cảng. Đối với các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng: tiếp tục hoàn thành các thủ tục xin phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng, triển khai xây dựng dự án đã được phê duyệt chủ trương để đảm bảo hiệu quả lâu dài và ổn định.

14.3. Chiến lược, định hướng phát triển kinh doanh của Công ty

a. Trong hoạt động kinh doanh

- Lấy ngành hàng TĂCN làm trọng tâm trong hoạt động kinh doanh, đa dạng hóa các dịch vụ nhằm tăng doanh thu và hiệu quả của hoạt động kinh doanh.
- Duy trì sản lượng xuất khẩu dăm gỗ, viên gỗ nén cao nhất cả nước, hàng TĂCN cao nhất miền Bắc.
- Định hướng là Cảng tổng hợp, ngoài mặt hàng TĂCN, đẩy mạnh khai thác thêm các ngành hàng truyền thống (sắt vụn, dăm gỗ,...) và các mặt hàng mới có tỉ suất lợi nhuận cao nhằm khai thác tối đa các vị trí cầu bến hiện nay.

- Đẩy mạnh ký kết các hợp đồng thương phạt các mặt hàng nhằm tăng hiệu quả kinh doanh đồng thời là yếu tố tăng năng suất giải phóng tàu nhằm giảm ngày tàu chờ cầu, giảm chi phí giá thành.

- Đẩy mạnh dịch vụ logistics nhằm khai thác tối đa lợi thế sẵn có của cảng.

b. Trong hoạt động sản xuất:

- Năng suất xếp dỡ các mặt hàng cơ bản: TĂCN chung chủ, sắt vụn, dăm gỗ và xi măng bịch mỗi năm tăng so với thực hiện năm trước 1%.

- Tỷ lệ hao hụt hàng TĂCN cân/ mớn: 0,1%

- Không có tai nạn lao động nghiêm trọng.

- Chuẩn hóa quy trình xếp dỡ các mặt hàng: tăng năng suất, giảm chi phí...

- Đảm bảo máy móc thiết bị đảm bảo hoạt động tốt > 80%.

- Nâng cao vai trò trong việc kiểm soát chất lượng dịch vụ tại các đơn vị trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, tác nghiệp. Khai thác tối đa năng lực cầu bến, tránh để thời gian cầu trống, đồng thời liên kết với đối tác khai thác tại bến 2/3/4 và tổ chức sản xuất tại các điểm neo.

- Tập trung sửa chữa, nâng cấp và đầu tư vào trang thiết bị đã cũ, năng suất thấp, hoặc thường xuyên hỏng hóc của tuyến tiền phương, hậu phương nhằm đạt mục tiêu sản xuất đã đề ra. Đồng thời, đầu tư 01 thiết bị cầu bờ bánh lốp để tăng năng suất xếp dỡ hàng hóa.

- Khai thác tối đa hệ thống nhà kho, hệ thống bãi, đồng thời đưa dự án 6,2 ha vào kế hoạch khai thác trong dài hạn.

- Hoạt động liên kết để khai thác hệ thống kho ngoài cảng đem lại hiệu quả nhất định, góp phần nâng cao năng suất giải phóng tàu, đảm bảo gia tăng doanh thu dịch vụ cho Cảng.

c. Trong quản lý điều hành

- Rà soát toàn bộ các chi phí: cắt giảm và loại bỏ những chi phí không cần thiết, đồng thời đưa chủ trương trong toàn công ty giảm chi phí tối đa trong tất cả các hoạt động: văn phòng phẩm, điện nước,... nhằm giảm chi phí hoạt động cho Công ty.

- Cơ chế giao việc gắn với trách nhiệm của nhân sự, có khối lượng, đầu việc và thời gian cụ thể. Đánh giá hiệu quả làm việc trên cơ sở kết quả cụ thể và mức độ hoàn thành.

- Các nghiệp vụ phát sinh hàng ngày phải chuẩn hóa theo các quy trình quy chế, tạo sự thống nhất trong quản lý điều hành. Tiếp tục hoàn thiện các văn bản định chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình phối hợp, chức năng nhiệm vụ, mô tả công việc đối với các phòng ban chưa được ban hành.

- Tổ chức định kỳ hàng tuần, tháng, quý, năm họp giao ban đánh giá kết quả công việc từng phòng ban đơn vị, nhằm kịp thời nắm bắt các khó khăn vướng mắc phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh để chỉ đạo giải quyết.

- Xây dựng cơ chế lương, thưởng phù hợp đảm bảo mức thu nhập bình quân của người lao động không thấp hơn mức thu nhập hàng năm.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá nhằm nâng cao ý thức của người lao động.
- Đẩy mạnh các phong trào thi đua, sáng kiến: tạo sự gắn bó, đoàn kết và nâng cao năng suất lao động trong toàn công ty.
- Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá nhằm nâng cao ý thức của người lao động.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là một tổ chức tư vấn tài chính chuyên nghiệp, Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội đã tiến hành thu thập các thông tin, nghiên cứu, phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh, cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động, chúng tôi nhận thấy hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh ổn định và có tiềm năng phát triển.

Dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh qua các năm 2018 - 2019; căn cứ vào các hợp đồng đã ký kết cũng như kỳ vọng phát triển của ngành nghề kinh doanh cảng biển, với việc áp dụng đồng bộ các giải pháp trên, nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đặt ra trong những năm tới là khả thi. Do đó, chúng tôi đánh giá kế hoạch kinh doanh của Công ty trong năm 2020 có thể được đảm bảo thực hiện.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

16. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Số cổ phiếu được phát hành thêm sẽ được Công ty thực hiện các thủ tục để lưu ký và niêm yết bổ sung trong vòng 30 ngày, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có.

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá của cổ phiếu

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu:

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá:

10.000 đồng (Mười nghìn đồng/cổ phiếu)

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán:

25.000.000 cổ phiếu

4. Giá chào bán dự kiến:

13.500 đồng/ cổ phiếu

5. Phương pháp tính giá

Công ty sử dụng kết hợp các phương pháp: phương pháp giá trị sổ sách (BV), P/B, P/E, giá thị trường, chiết khấu dòng tiền (chiết khấu dòng cổ tức), cụ thể:

a. Phương pháp giá trị sổ sách (book value):

Định giá cổ phiếu theo phương pháp giá trị sổ sách thời điểm 31/12/2019

$$BVPS = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Lợi ích cổ đông không kiểm soát}}{\text{Khối lượng CP đã phát hành} - \text{CP quỹ}}$$

Cụ thể:

Chỉ tiêu	Giá trị
Tổng nguồn vốn chủ sở hữu	609.819.291.861
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-
Số cổ phiếu đã phát hành	50.049.936
Số cổ phiếu quỹ	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.049.936
Giá trị sổ sách	12.184

b. Phương pháp so sánh hệ số P/B, P/E:

❖ **Phương pháp P/B**

TT	Mã CK	Tên công ty	Giá tại ngày 24/09/2020	BV 2019	P/B
1	CMP	Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây	8.700	11.206	0,78
2	IST	Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	18.500	14.314	1,29
3	CDN	Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng	21.000	13.676	1,54



4	DXP	Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá	11.700	15.690	0,75
<i>P/B bình quân</i>					1,09

$$P = BVPS * P/B \text{ bình quân}$$

Trong đó:

- *P*: thị giá mỗi cổ phiếu theo phương pháp P/B;
- *BVPS*: giá trị sổ sách mỗi cổ phiếu Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh tại thời điểm 31/12/2019 là: 12.184 đồng;
- *P/B bình quân*: hệ số giá thị trường chia cho giá trị sổ sách bình quân của một số doanh nghiệp cùng ngành nghề đang niêm yết/đăng ký giao dịch trên các Sở Giao dịch chứng khoán;

Giá cổ phiếu CQN của Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh theo phương pháp $P/B = 12.184 * 1,09 = 13.281$ đồng/cổ phiếu

❖ **Phương pháp P/E**

TT	Mã CK	Tên công ty	Giá tại ngày 24/09/2020	EPS 2019	P/E
1	CMP	Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây	8.700	775	11,23
2	IST	Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	18.500	3.222	5,74
3	CDN	Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng	21.000	1.860	11,29
4	DXP	Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá	11.700	1.588	7,37
<i>P/E bình quân</i>					8,91

$$P = EPS * P/E \text{ bình quân}$$

Trong đó:

P: thị giá mỗi cổ phiếu theo phương pháp P/E;

EPS: thu nhập trên mỗi cổ phần năm 2019 là 1.334 đồng;

P/E bình quân: hệ số giá thị trường chia cho thu nhập trên mỗi cổ phần bình quân của một số doanh nghiệp cùng ngành nghề đang niêm yết/đăng ký giao dịch trên các Sở Giao dịch chứng khoán;

Giá cổ phiếu CQN của Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh theo phương pháp $P/E = 1.334 * 8,91 = 11.886$ đồng/cổ phiếu

Như vậy, giá cổ phiếu CQN bình quân phương pháp so sánh P/B, P/E là **12.584 đ/cp**.

c. **Phương pháp giá thị trường**

Theo dữ liệu lịch sử tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa trung bình của cổ phiếu CQN kể từ ngày giao dịch đầu tiên (18/08/2020) đến ngày 24/09/2020 là: **24.874 đồng/cổ phiếu**.

d. Phương pháp chiết khấu dòng tiền (chiết khấu dòng cổ tức)

Giá trị doanh nghiệp theo phương pháp chiết khấu dòng cổ tức được xác định theo công thức sau:

$$\text{Giá trị doanh nghiệp tại 31/12/2019} = \sum_{i=1}^{\infty} \frac{D_i}{(1+k)^i}$$

Trong đó:

D_i : Cổ tức dự kiến năm i

k : Tỷ lệ chiết khấu hay tỷ suất sinh lời mong muốn của các nhà đầu tư khi mua cổ phần

$\frac{D_i}{(1+k)^i}$: Giá trị hiện tại của cổ tức năm thứ i

✓ Xác định tỷ suất chiết khấu:

Theo hướng dẫn tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính tỷ suất chiết khấu k được xác định theo công thức:

$$k = R_f + R_p$$

- R_f : Tỷ suất lợi nhuận thu được từ các khoản đầu tư không rủi ro, chỉ tiêu này được tính bằng lãi suất của trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 5 năm đã phát hành ở thời điểm gần nhất với thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

Theo thông báo về kết quả đấu thầu thành công trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm ngày 25/12/2018 qua SGDCK Hà Nội lãi suất trúng thầu là: 5,3%

- R_p : Tỷ lệ phụ phí rủi ro khi đầu tư mua cổ phần của các công ty ở Việt Nam, chỉ tiêu này được xác định theo bảng chỉ số phụ phí rủi ro chứng khoán quốc tế tại niên giám định giá hoặc do các công ty định giá xác định cho từng doanh nghiệp nhưng không vượt quá tỷ suất lợi nhuận thu được từ các khoản đầu tư không rủi ro (R_f).

Do đó lấy $R_p = R_f = 5,3\%$

Như vậy, Tỷ lệ chiết khấu hay tỷ suất sinh lời mong muốn của các nhà đầu tư khi mua cổ phần là $k = 10,6\%$

✓ Ước tính cổ tức tương lai:

Căn cứ vào dòng tiền và kế hoạch chi trả cổ tức/vốn góp chủ sở hữu của Công ty là 10%/năm, thu nhập cổ tức dự kiến là:

Cổ tức dự kiến giai đoạn 2021 – 2025

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025
Vốn góp chủ sở hữu	750.499.360	750.499.360	750.499.360	750.499.360	750.499.360
Thu nhập từ cổ tức	75.049.936	75.049.936	75.049.936	75.049.936	75.049.936

Do thu nhập từ cổ tức $D_{2019} = D_{202} = \dots = D_{2023} = \dots = D = 75.049.936$ nghìn đồng

Nên giá trị doanh nghiệp tại 31/12/2019 được xác định theo công thức

$$\text{Giá trị doanh nghiệp} = \frac{D}{k} = \frac{D_{2021}}{10,6\%} = 708.018.264.151 \text{ đồng}$$

Giá trị cổ phiếu của CQN theo phương pháp chiết khấu dòng cổ tức là: **9.434 đ/cổ phiếu**

e. Tổng hợp các phương pháp:

Phương pháp	Giá cổ phiếu (đ/cp)
Phương pháp giá trị sổ sách	12.184
Phương pháp P/B, P/E	12.584
Phương pháp giá trị trường	24.874
Phương pháp chiết khấu dòng tiền	9.434
Bình quân trọng số	14.769

Căn cứ nhu cầu huy động vốn, để đảm bảo kế hoạch huy động vốn và tăng thêm lợi ích cho cổ đông hiện hữu, Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua giá phát hành là **13.500 đồng/cổ phiếu**

6. Phương thức phân phối

- Đối với những cổ đông đã lưu ký chứng khoán: Phân phối thông qua các thành viên lưu ký.
- Đối với những cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán: Phân phối tại trụ sở Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Công ty dự kiến lịch trình phân phối cổ phiếu như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
1	Nhận giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN	D
2	Công bố thông tin theo quy định	D đến D+7
3	Chốt danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm	D + 12

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
4	Chuyển nhượng quyền mua	D + 24 đến D + 38
6	Đăng ký và nộp tiền mua cổ phần	D + 24 đến D + 44
7	Tổng hợp việc thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu	D+45 đến D+55
7	Lập báo cáo trình HĐQT để HĐQT quyết định phương thức xử lý số cổ phiếu không chào bán hết	
8	Thực hiện bán và xử lý đối với số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không mua hết	D + 56 đến D + 64
9	Báo cáo kết quả phát hành	D+65

Lưu ý:

- Thời gian trên chỉ là dự tính, thời gian thực tế phụ thuộc vào quá trình thụ lý và xét duyệt hồ sơ của các cơ quan chức năng và có thể thay đổi tùy theo tình hình thực tế tại thời điểm thực hiện
- D là ngày nhận được giấy chứng nhận phát hành cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN

8. Đăng ký mua cổ phiếu

a) Công bố báo chí

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu có hiệu lực, Công ty sẽ công bố việc phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định hiện hành của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; đồng thời công bố ngày chốt danh sách cổ đông của đợt phát hành.

b) Phương thức thực hiện quyền

❖ **Điều kiện thực hiện quyền**

Các cổ đông hiện hữu thuộc Danh sách người sở hữu cuối cùng tại ngày chốt danh sách cổ đông để phân bổ quyền mua.

❖ **Tỷ lệ thực hiện quyền**

Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được phân phối cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1000 : 499, theo đó căn cứ vào ngày chốt danh sách phân bổ quyền, cổ đông hiện hữu sở hữu 01 cổ phần tương ứng sẽ được hưởng 01 quyền mua và cứ 1.000 quyền mua sẽ được mua 499 cổ phiếu phát hành thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần cổ phiếu lẻ dưới 01 sẽ được làm tròn xuống bằng 0. Số lượng cổ phần được quyền mua thêm được tính theo công thức: Số cổ phần được mua thêm = (Số quyền mua : 1.000) x 499 và được làm tròn xuống hàng đơn vị).

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phần mới phát hành thêm, cổ đông Nguyễn Văn A hiện đang sở hữu 599 cổ phần. Khi đó, cổ đông A sẽ được mua số cổ phần mới phát hành thêm tương ứng là $(599 : 1.000) \times 499 = 298,90$ cổ phần. Theo phương án

xử lý cổ phiếu lẻ, số lượng cổ phần của cổ đông A được mua sau khi làm tròn xuống hàng đơn vị là 298 cổ phần.

❖ **Thời gian thực hiện quyền**

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày quyền mua có hiệu lực, cổ đông thuộc Danh sách sở hữu cuối cùng sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần và nộp tiền theo tỷ lệ được mua đã quy định.

❖ **Phương thức thanh toán tiền mua cổ phần**

- **Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phiếu tại các Công ty chứng khoán:** việc đăng ký mua cổ phần, thanh toán tiền mua và chuyển giao cổ phần được thực hiện tại các công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản.
- **Đối với cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu tại các Công ty chứng khoán:** việc đăng ký mua cổ phần, chuyển nhượng quyền mua cổ phần, thanh toán tiền mua và chuyển giao cổ phần được thực hiện tại Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh.

❖ **Chuyển giao cổ phiếu**

Trong vòng 30 ngày sau khi hoàn tất đợt phát hành, Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh sẽ chuyển giao Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông chưa lưu ký tại Trụ sở chính của Công ty.

❖ **Quyền lợi người mua cổ phiếu**

Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phiếu có quyền từ chối quyền mua hoặc chuyển nhượng quyền mua của mình trong thời gian quy định tại Mục V.7. Quyền mua cổ phần của cổ đông hiện hữu được phép chia nhỏ để chuyển nhượng cho nhiều nhà đầu tư khác nhau theo giá thỏa thuận giữa hai bên và chỉ được phép chuyển nhượng 1 lần. Bên nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba.

Trường hợp chuyển nhượng quyền mua của các cổ đông lớn dẫn đến tỷ lệ sở hữu của bên nhận chuyển nhượng vượt quá quy định về chào mua công khai thì Đại hội đồng cổ đông thông qua việc nhận chuyển nhượng quyền mua và mua cổ phần của đợt phát hành này không phải thực hiện chào mua công khai cổ phiếu. Các đối tượng nhận chuyển nhượng quyền mua phải công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu theo quy định liên quan.

Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện một phần hoặc toàn bộ, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua sẽ đương nhiên chấm dứt và tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền mua bất cứ một khoản chi phí nào, cũng như không chịu bất cứ trách nhiệm nào trong việc không thực hiện quyền mua của cổ đông.

❖ **Xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu còn lại sau khi kết thúc phát hành**

Số cổ phiếu lẻ phát sinh trong quá trình thực hiện quyền được làm tròn xuống đến hàng đơn vị và cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu từ chối mua một phần hoặc toàn bộ trong đợt phát hành, sẽ được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện phân phối số cổ phiếu này cho các đối tượng khác mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp theo nguyên tắc giá chào bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu và đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Trường hợp quá trình phân phối số cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu không chào bán hết làm phát sinh các điều kiện bắt buộc phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Khoản 3, Điều 9 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP được bổ sung tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ, Hội đồng quản trị tiến hành xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông về Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu cổ đông hiện hữu không mua hết.

Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có)), nếu vẫn còn cổ phần chưa phân phối hết thì số cổ phần chưa phân phối hết này được hủy và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt phát hành

9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh không quy định cụ thể giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.

Căn cứ theo Điều 1, Khoản 2, Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau:

“1. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau:

a) Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì thực hiện theo điều ước quốc tế;

b) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó.

Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%;

c) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác;

d) Đối với công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định tại Điểm a, b, c Khoản này, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.”

Theo thông tin tại Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài (website: <https://dautunucngoai.gov.vn/fdi/nganhnghedautu/6>) thì các ngành nghề kinh doanh sau đây của Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh là những ngành nghề có điều kiện đối với nhà đầu tư nước

ngoài, được quy định về tỷ lệ sở hữu như sau:

TT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện (theo quy định pháp luật liên quan)	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quyết định của cấp có thẩm quyền (áp dụng đối với DNNN thực hiện cổ phần hóa)	Tỷ lệ sở hữu theo Điều lệ công ty (áp dụng đối với công ty không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài)
1	Sửa chữa máy móc, thiết bị (3312)	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
2	Dịch vụ điều hành tour du lịch (7912)	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
3	Kinh doanh bất động sản (6810)	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
4	Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ (4933)	51%	- WTO, FTAs: Không hạn chế, ngoại trừ: được cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách thông qua hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh, liên doanh trong đó tỷ lệ vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài không quá 49%. Tùy theo nhu cầu của thị trường, nhà đầu tư nước ngoài được đầu tư theo hình thức liên doanh với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ trong tổ chức kinh tế không được vượt quá 51%. - AFAS: 70%	Không quy định	Không quy định
5	Dịch vụ bốc dỡ hàng hóa (5224)	50%	- WTO, FTAs: Không quy định - AFAS: + Xếp dỡ container: 50% + Bốc dỡ hàng hóa đường sắt: 70% + Bốc dỡ hàng hóa đường biển: 49%	Không quy định	Không quy định
6	Dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa (5210)	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định

7	Dịch vụ vận tải hành khách bằng đường thủy nội địa (5021)	Không quy định	- Không vượt quá 49%. - Đối với nhà đầu tư nước ngoài thuộc quốc gia là thành viên ASEAN, tỷ lệ này không vượt quá 51%.	Không quy định	Không quy định
---	-----------------------------------------------------------	----------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------	----------------

Vì vậy, căn cứ theo Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán thì tỷ lệ sở hữu được phép nắm giữ tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh là 49%.

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tại Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh tại thời điểm 21/09/2020 là 210 cổ phần, chiếm 0,0004% vốn điều lệ.

Đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ này, Công ty phát hành cho các cổ đông hiện hữu. Tại thời điểm chốt danh sách nhà đầu tư mua cổ phiếu, Công ty sẽ kiểm tra tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài để đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Toàn bộ số cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền sẽ được tự do chuyển nhượng.

Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh và số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua được chào bán cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

11. Các loại thuế có liên quan

Các cổ đông sẽ phải chịu thuế thu nhập khi có thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, nhận cổ tức ... theo các quy định hiện hành của luật thuế Thu nhập cá nhân, luật thuế Thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

a) Đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13, ban hành ngày 22/11/2012 và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ban hành ngày 27/06/2013 của Chính phủ về các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:
 - Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.

- Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.
- Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

➤ Kỳ tính thuế:

- Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
- Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

b) Đối với nhà đầu tư tổ chức

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất

Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.
- Thuế suất = Thuế suất thuế TNDN của tổ chức đầu tư.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%

12. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Số tài khoản: 1010611718

Mở tại: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, Chi nhánh Quảng Ninh

Người thụ hưởng: Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán:

a. Sự cần thiết phải đầu tư:

➤ Đầu tư xây dựng nhà kho và mua sắm trang thiết bị:

Hiện nay, Cảng Quảng Ninh đang quản lý, khai thác cầu bến số 1 đưa khai thác năm 1995, cầu 5, 6, 7 đưa khai thác năm 2004. Các cầu bến này được thiết kế khai thác hàng rời, hàng bách hóa tổng hợp, hàng container và kể từ khi đưa vào khai thác sản lượng hàng hóa đều có sự tăng trưởng qua các năm, đặc biệt là mặt hàng thức ăn chăn nuôi. Cùng với sự phát triển kinh tế của cả nước và trên thế giới, nhu cầu về xuất nhập khẩu hàng hóa ngày càng gia tăng trong khi đó cầu bến chưa thể đầu tư kịp thì việc đầu tư bổ sung thiết bị xếp dỡ, kho chứa hàng kịp thời để tăng năng suất xếp dỡ hàng hóa là rất cần thiết.

Cầu bến 5, 6, 7 và toàn bộ trang thiết bị xếp dỡ, kho bãi được thiết kế đón tàu đến 45.000 DWT, do đó khi nhu cầu hàng hóa thông qua tăng lên đã không thể đáp ứng được. Trước những thực trạng đó và nhu cầu thuê các tàu cỡ lớn của các khách hàng ngày càng gia tăng, kể từ năm 2010 cảng đã kiến nghị và được Cục Hàng hải Việt Nam chấp thuận cầu 5, 6, 7 thí điểm thành công đón tàu 75.000 DWT giảm tải; tiếp đến năm 2019 được cấp phép chính thức tiếp nhận khai thác tàu đến 85.000 DWT với môn nước phù hợp. Thực tế cho thấy, kể từ khi tiếp nhận tàu đến 75.000 DWT đã bộc lộ những bất cập như thiết bị đã không còn phù hợp về tốc độ, tầm với, chiều cao cầu so với mạn tàu, kho chứa hàng thiếu trầm trọng, ngoài ra hầu hết tuyến tiền phương của cảng đều cũ, lạc hậu, hay hỏng vặt, hiệu suất sử dụng thấp dẫn đến không thể đáp ứng nhu cầu giải phóng tàu hàng cũng như ngày càng bị hụt hơi trong cạnh tranh với các cảng khác.

Về thiết bị tuyến tiền phương cầu số 1: Cầu tàu được thiết kế tiếp nhận tàu đến 25.000 DWT mà chỉ có 2 cầu đế sức nâng 10 tấn được sản xuất từ năm 1992 và được cảng mua về từ năm 2008 rõ ràng là không phù hợp về tầm với và tốc tốc độ xếp dỡ hàng hóa gây lãng phí về hiệu suất khai tác cầu bến. Đối với 06 thiết bị tuyến tiền phương cầu 5, 6, 7 cũng thế, hầu hết là thiết bị cũ sản xuất từ những năm 1990 được cảng mua về lắp ráp lại từ năm 2008 (sau sự cố cơn lốc năm 2006 làm đổ sập toàn bộ tuyến tiền phương), công nghệ lạc hậu vật tư thay thế rất khó khăn, thường xuyên hỏng vặt, tầm với ngắn, sức nâng, tốc độ quay thấp hơn nhiều so với thiết kế với thiết kế.

Về hệ thống kho bãi CQN hiện chỉ có 2 kho CQN01 và CQN02. Kho CQN1 được thiết kế công năng khai thác hàng bách hóa tổng hợp, kho CQN2 được thiết kế công năng là kho CFS (đóng rút hàng container), do đó khi khai thác hàng rời TĂCN, xi măng, viên gỗ nén trong thời gian qua đã cho thấy có nhiều bất cập về sức chứa, bảo quản hàng hóa và chỉ lưu được không quá 20.000 tấn hàng TĂCN. Kể từ năm 2015 Cảng đã phải thuê cố định 2-3 kho ngoài với dung tích chứa từ 30.000 - 50.000 tấn và có thời điểm thuê đến 5 kho chứa đến 65.000 - 80.000 tấn hàng TĂCN nhằm thu hút và giải phóng các tàu hàng.

Về phương tiện vận tải: Hiện nay tại cảng chỉ có 02 xe tải được đầu tư từ năm 2012 đã cũ không thể đáp ứng nhu cầu vận tải trong toàn cảng. Thực tế để đảm bảo khai thác xếp dỡ hàng từ tàu vào kho có thời điểm cảng phải huy động thuê ngoài đến 60 xe. Do vậy, việc đầu tư hệ thống băng tải từ cầu tàu vào kho cầu 5 để thay thế một phần xe tải hiện nay cũng là rất cần thiết.

Nhìn chung, kể từ khi khai thác cầu số 1 (năm 1995) và cầu 5, 6, 7 (năm 2004), đến nay hệ

thông nhà kho, thiết bị tuyến tiền phương đã không được đầu tư bổ sung, cảng đã phải đi thuê kho và thiết bị bên ngoài để đáp ứng một phần nhu cầu của khách hàng dẫn đến cảng mất doanh thu, lợi nhuận, đồng thời thiếu tính chủ động trong sản xuất, thu hút khách hàng, lãng phí cầu bến hiện có.

➤ **Đầu tư xây dựng Bến số 8&9 tại khu bến cảng Cái Lân:**

Theo Quyết định số 2367/QĐ-BGTVT ngày 29/7/2016 của Bộ giao thông vận tải về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Nhóm cảng biển phía Bắc (nhóm 1) đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, khu bến cảng tổng hợp Cái Lân gồm 9 bến với lượng hàng thông qua là 14-16 triệu tấn/năm. Hiện nay các bến số 1 đến bến số 7 đã được đưa vào sử dụng, trong đó bến 2, 3, 4 do Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Cái Lân (CICT) đầu tư và khai thác; các bến số 1, 5, 6, 7 do CTCP Cảng Quảng Ninh quản lý, khai thác.

Trong những năm gần đây, lượng hàng tổng hợp thông qua Cảng có xu hướng tăng nhanh hơn so với hàng container, do đó nhu cầu về kho, bãi cũng tăng theo. Theo dự báo, đến năm 2020, lượng hàng tổng hợp qua khu cảng Cái Lân là khoảng 22 triệu tấn/năm. Trong khi đó tại thời điểm hiện tại cũng mới chỉ có 3 bến có công năng để bốc xếp hàng tổng hợp và nhu cầu thực tế cho việc thông qua các hàng tổng hợp này là rất lớn và ngày càng có xu hướng tăng trưởng nhanh. Việc đầu tư xây dựng bến số 8, 9 chuyên về xếp dỡ hàng container, hàng rời tổng hợp tại thời điểm này là hoàn toàn phù hợp với xu thế phát triển đa phương thức vận tải hiện nay tại Việt Nam và trên thế giới. Tại tỉnh Quảng Ninh ngoài các doanh nghiệp đang hoạt động như Texhong, Viglacera, Vinacomin, 2 nhà máy xay lúa mỳ lớn nhất phía bắc, Sungroup, FLC,... còn có Tập đoàn Thành công mới được cấp phép ngày 22/9/2020 khởi công xây dựng nhà máy sản xuất lắp ráp ô tô tại KCN Việt Hưng Hạ Long với quy mô 340 ha, tập đoàn Vingroup đang nghiên cứu việc phát triển ngành công nghiệp phụ trợ ô tô tại thành phố Móng Cái với số vốn 3.400 tỷ đồng sẽ hứa hẹn tiềm năng khai thác hàng hóa thông qua cảng là rất lớn.

➤ **Kết luận:**

Với những nguyên nhân trên, việc đầu tư xây dựng kho mới, mua sắm thiết bị, xây dựng bến 8&9 là rất cần thiết trong tình hình thị trường cạnh tranh hiện nay và trong thời gian tới. Do đó, việc tăng vốn điều lệ cho CQN nhằm mục tiêu nâng cao năng lực tài chính, năng lực hoạt động là cần thiết; giúp CQN có thể nâng cao năng suất xếp dỡ, đáp ứng nhu cầu lưu thông và bảo quản lưu trữ hàng hóa các chuyến tàu, tăng tính cạnh tranh và dẫn lấy lại các khách hàng trước đây đã sử dụng dịch vụ của Cảng cũng như thu hút thêm khách hàng mới. Công ty ước tính tổng giá trị đầu tư xây dựng kho, mua sắm trang thiết bị và xây dựng bến 8&9 giai đoạn 2020-2021 là 629.500.000.000 đồng.

b. Kế hoạch các dự án đầu tư giai đoạn 2020 – 2021:

➤ **Đầu tư xây dựng nhà kho và mua sắm trang thiết bị:**

Dự án đầu tư xây dựng kho:

TT	Tên dự án	Tổng giá trị đầu tư (đồng)	Thời gian triển khai (năm)	Thời gian hoàn thành (năm)
----	-----------	-------------------------------	----------------------------------	----------------------------------



1	Xây dựng kho hàng số 1, diện tích 12.480 m ² tại bãi thượng lưu bến số 1 - Cảng Cái Lân	65.500.000.000	Quý I/2021	Quý IV/2021
2	Xây dựng kho hàng số 2, diện tích 8.736 m ² tại bãi thượng lưu bến số 1 - Cảng Cái Lân	46.000.000.000	Quý I/2021	Quý IV/2021
3	Xây dựng kho 3.960 m ² tại bến số 1 - Cảng Cái Lân Sức chứa: 10.000 tấn	25.000.000.000	Quý IV/2020	Quý II/2021
4	Xây dựng kho 8.640 m ² tại bến số 5 - Cảng Cái Lân Sức chứa: 40.000 tấn	45.000.000.000	Quý I/2021	Quý IV/2021
Tổng cộng		181.500.000.000		

Mua sắm trang thiết bị:

TT	Hạng mục đầu tư	Thông số kỹ thuật, công việc thực hiện	Giá trị dự kiến (đồng)	Thời gian dự kiến đầu tư
1	Sửa chữa, cải tạo và nâng cấp đường ray Bến 1 để đầu tư lắp đặt cầu tại cầu 1	- Nâng cấp hệ thống đường ray cầu 1.	4.500.000.000	Quý IV/2020
2	Đầu tư 02 cầu chân đế (Cầu chạy day Bến 1)	- Hãng sản xuất: sản xuất tại Châu Âu - Sức nâng: 40 T, tầm với 28/33 m - Sử dụng điện bờ 380V.	90.000.000.000	Quý I/2021
3	Đầu tư 02 cầu chân đế (Cầu chạy day Bến 5)	- Hãng sản xuất: sản xuất tại Châu Âu - Sức nâng: 45 T, tầm với 32/37 m - Sử dụng điện bờ 380V.	110.000.000.000	- 01 cầu: Quý I/2021 - 01 cầu: Quý II/2021
4	Đầu tư 02 cầu bánh lốp di động	- Hãng Liebherr hoặc Gotwald - Sức nâng 100T, tầm với 45m	190.000.000.000	- 01 cầu: Quý I/2021 - 01 cầu: Quý II/2021
5	Đầu tư hệ thống băng tải hàng rời	Hệ thống băng tải hàng rời từ cầu tàu vào kho bãi cầu 5	28.000.000.000	Quý IV/2021
6	Đầu tư đóng mới 01 tàu công tác, lưu trú công nhân	- Lưu trú 50 người - Tải trọng: 20 tấn hàng - Sử dụng để đưa đón công nhân và lưu trú công nhân khi	10.000.000.000	Quý I/2021



	làm việc dài ngày trên vịnh.		
	Tổng cộng	432.500.000.000	

➤ **Đầu tư xây dựng Bến số 8&9 tại khu bến cảng Cái Lân:**

TT	Tên dự án	Tổng giá trị đầu tư (đồng)	Thời gian triển khai (năm)	Thời gian hoàn thành (năm)
1	Gói tư vấn: Khảo sát địa hình, địa chất; lập hồ sơ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500; lập dự án đầu tư; thiết kế bản vẽ thi công; xin thỏa thuận	15.500.000.000	Quý I/2021	Quý IV/2021
	Tổng cộng	15.500.000.000		

➤ **Nguồn vốn để đầu tư các dự án trên Công ty dự kiến như sau:**

- Vốn tự có hiện tại của Công ty: 50.000.000.000 đồng
- Vốn từ việc phát hành thêm cổ phần: 337.500.000.000 đồng
- Vốn từ nguồn khác: 242.000.000.000 đồng

c. Mục đích chào bán

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/10/2019 về việc phát hành thêm 25.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu với giá phát hành là 13.500 đồng/cổ phần, tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 337,5 tỷ đồng sẽ được sử dụng cho mục đích đầu tư trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh

2. Phương án khả thi

Số tiền đầu tư trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dự kiến là: 337.500.000.000 đồng, cụ thể như sau:

TT	Hạng mục đầu tư	Thông số kỹ thuật, công việc thực hiện	Giá trị dự kiến (đồng)	Thời gian dự kiến đầu tư
1	Sửa chữa, cải tạo và nâng cấp đường ray Bến 1 để đầu tư lắp đặt cầu tại cầu 1	- Nâng cấp hệ thống đường ray cầu 1.	4.500.000.000	Quý IV/2020
2	Đầu tư 02 cầu chân đế (Cầu chạy day Bến 1)	- Hãng sản xuất: sản xuất tại Châu Âu - Sức nâng: 40 T, tầm với 28/33 m - Sử dụng điện bờ 380V.	90.000.000.000	Quý I/2021
3	Đầu tư 02 cầu chân đế (Cầu chạy day Bến 5)	- Hãng sản xuất: sản xuất tại Châu Âu - Sức nâng: 45 T, tầm với	110.000.000.000	- 01 cầu: Quý I/2021 - 01 cầu: Quý



		32/37 m - Sử dụng điện bờ 380V.		II/2021
4	Đầu tư 01 cầu bánh lốp di động	- Hãng Liebherr hoặc Gotwald - Sức nâng 100T, tầm với 45m	95.000.000.000	Quý I/2021
5	Đầu tư hệ thống băng tải hàng rời	Hệ thống băng tải hàng rời từ cầu tàu vào kho bãi cầu 5	28.000.000.000	Quý IV/2021
6	Đầu tư đóng mới 01 tàu công tác, lưu trú công nhân	- Lưu trú 50 người - Tải trọng: 20 tấn hàng - Sử dụng để đưa đón công nhân và lưu trú công nhân khi làm việc dài ngày trên vịnh.	10.000.000.000	Quý I/2021
Tổng cộng			337.500.000.000	

3. Hiệu quả đầu tư:

Căn cứ vào những dữ liệu đánh giá và phân tích một cách khách quan, hiệu quả đầu tư các dự án của CQN được tính toán như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2020	2021	2022 (sau khi hoàn thành dự án)	2023	2024	2025
1	Sản lượng xếp dỡ	Tấn	7.600.000	8.360.000	9.340.000	10.354.000	11.389.000	12.527.000
2	Doanh thu	Tỷ đồng	390.000	422.000	435.000	464.000	502.000	540.000
-	Doanh thu lưu kho	Tỷ đồng	23.000	25.300	27.610	31.435	39.705	45.301
-	Doanh thu xếp dỡ	Tỷ đồng	203.248	223.573	201.794	220.241	240.522	263.020

-	Doanh thu khai thác	Tỷ đồng	163.752	173.127	205.596	212.324	221.773	231.679
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	80,11	91	102	115	129,8	146,5

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Căn cứ vào tình hình thực tế hiện nay của CQN, số tiền thu được từ đợt phát hành dự kiến được sử dụng như sau:

Đơn vị: Đồng

TT	Hạng mục đầu tư	Thông số kỹ thuật, công việc thực hiện	Giá trị dự kiến (đồng)	Thời gian dự kiến đầu tư
1	Sửa chữa, cải tạo và nâng cấp đường ray Bến 1 để đầu tư lắp đặt cầu tại cầu 1	- Nâng cấp hệ thống đường ray cầu 1.	4.500.000.000	Quý IV/2020
2	Đầu tư 02 cầu chân đế (Cầu chạy day Bến 1)	- Hãng sản xuất: sản xuất tại Châu Âu - Sức nâng: 40 T, tầm với 28/33 m - Sử dụng điện bờ 380V.	90.000.000.000	Quý I/2021
3	Đầu tư 02 cầu chân đế (Cầu chạy day Bến 5)	- Hãng sản xuất: sản xuất tại Châu Âu - Sức nâng: 45 T, tầm với 32/37 m - Sử dụng điện bờ 380V.	110.000.000.000	- 01 cầu: Quý I/2021 - 01 cầu: Quý II/2021
4	Đầu tư 01 cầu bánh lốp di động	- Hãng Liebherr hoặc Gotwald - Sức nâng 100T, tầm với 45m	95.000.000.000	Quý I/2021
5	Đầu tư hệ thống băng tải hàng rời	Hệ thống băng tải hàng rời từ cầu tàu vào kho bãi cầu 5	28.000.000.000	Quý IV/2021
6	Đầu tư đóng mới 01 tàu công tác, lưu trú công nhân	- Lưu trú 50 người - Tải trọng: 20 tấn hàng - Sử dụng để đưa đón công nhân và lưu trú công nhân khi làm việc dài ngày trên vịnh.	10.000.000.000	Quý I/2021
Tổng cộng			337.500.000.000	

Phương án xử lý trong trường hợp chào bán không thu đủ số tiền tối thiểu như dự kiến:
 Trường hợp chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện huy động từ các nguồn khác như vay ngân hàng, vay cá nhân, vay các tổ chức khác hoặc sử dụng linh hoạt vốn lưu động hiện có,.... để đầu tư mua sắm trang thiết bị.



VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**CÔNG TY TNHH PKF VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà Center Building, Hapulico Complex, Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 6664 4488

Fax: 024 6664 2233

Website: <http://www.pkf.com.vn>

TỔ CHỨC TƯ VẤN**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04. 3818 1888

Fax: 04. 3818 1688

Website: <http://www.shs.com.vn>

Biến cơ hội thành giá trị

Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, Quận I, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3945 1368

Fax: (028) 39151369

Chi nhánh Đà Nẵng:

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Thành Lợi 2, số 3 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, Đà Nẵng

Điện thoại: (0236) 3525 777

Fax: (0236) 3523 779

Ý kiến của tổ chức tư vấn đối với đợt chào bán:

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán:

Nguồn vốn thu được từ đợt chào bán lần này sẽ được sử dụng để đầu tư trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Khối lượng chào bán đợt này khá lớn với 25.000.000 cổ phiếu, tương ứng 49,95% vốn điều lệ hiện tại của Công ty, tuy nhiên nguồn vốn này chủ yếu phát hành cho cổ đông hiện hữu, là các cổ đông đã biểu quyết thông qua phương án phát hành tại Đại hội đồng cổ đông bất thường. Bên cạnh đó, việc giá phát hành dự kiến là 13.500 đồng, thấp hơn giá trị giao dịch tại sàn Upcom ở thời điểm hiện tại nên tổ chức tư vấn đánh giá cơ hội thành công của đợt phát hành này là rất lớn.

Ngoài ra, theo Nghị quyết Hội đồng quản trị về phương án xử lý số cổ phần không bán hết, số cổ



phần cổ đông hiện hữu từ chối mua sẽ được Hội đồng quản trị Công ty phân phối cho các đối tượng mà Hội đồng quản trị thấy phù hợp và hiện nay Hội đồng quản trị của CQN cũng đã tích cực làm việc với các đối tác quan tâm đến cổ phần của Công ty cũng như tình hình kinh doanh của Công ty, bước đầu đã thu được kết quả nhất định. Đây là điểm thuận lợi cho đợt phát hành tăng vốn lần này của Công ty.

IX. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Phụ lục 2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị

Phụ lục 3. Điều lệ Công ty

Phụ lục 4. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 và Báo cáo tài chính Quý III/2020

Các phụ lục khác



Quảng Ninh, ngày 05 tháng 11 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CHỦ TỊCH HĐQT



ĐỖ NGỌC KHANH

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

NGUYỄN MẠNH HÙNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

BÙI QUANG ĐẠO

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN TƯ THỊNH

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN THỊ THU THANH